



TƯ DUY TIÊN PHONG
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Mục lục

01. Tổng quan về BSR	Thông tin khái quát	08
	Quá trình hình thành và phát triển	10
	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	12
	Thông điệp của Ban Lãnh đạo	14
	Sơ đồ công nghệ và chu trình sản xuất NMLD Dung Quất	22
	Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	28
	Định hướng phát triển	38
Các rủi ro	40	
<hr/>		
02. Tình hình hoạt động SXKD trong năm 2023	Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh	46
	Tổ chức nhân sự	56
	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	58
	Tình hình tài chính	62
Thông tin cổ phần	64	
<hr/>		
03. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	Những điểm nhấn trong hoạt động kinh doanh năm 2023	70
	Tình hình tài chính	74
	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	76
	Kế hoạch phát triển trong tương lai	77
<hr/>		
04. Đánh giá của Hội đồng Quản trị	Về kết quả sản xuất kinh doanh	88
	Hoạt động giám sát của HĐQT với Ban Tổng Giám đốc	90
	Các kế hoạch, định hướng của HĐQT	91
<hr/>		
05. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị	Báo cáo hoạt động của HĐQT trong năm 2023	94
	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát	100
	Các giao dịch, thù lao và khoản lợi ích của HĐQT, BTGD và BKS	110
<hr/>		
06. Báo cáo tài chính năm 2023	Báo cáo của ban Tổng Giám đốc	114
	Báo cáo kiểm toán độc lập	116
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất	118
	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	120
	Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	121
	Thuyết minh báo cáo tài chính	123



Thuật ngữ viết tắt



Công ty/ BSR:
Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn

Tập đoàn DKVN/ PVN:
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

ĐHĐCĐ:
Đại hội đồng Cổ đông

HĐQT:
Hội đồng quản trị

TGD:
Tổng Giám đốc

BKS:
Ban Kiểm soát

CBCNV:
Cán bộ công nhân viên

NLĐ:
Người lao động

ASXH:
An sinh xã hội

SXKD:
Sản xuất kinh doanh

PCCC:
Phòng cháy chữa cháy

CHCN:
Cứu hộ cứu nạn

ATSKMT:
An toàn sức khỏe môi trường

NLSH:
Nhiên liệu sinh học

TA5:
Bảo dưỡng tổng thể lần 5

BDSC:
Bảo dưỡng sửa chữa

TNHH:
Trách nhiệm hữu hạn

MTV:
Một thành viên

VP:
Văn phòng

VP HĐQT:
Văn phòng Hội đồng quản trị

Chi nhánh - DQRE:
Chi nhánh - Ban Quản lý Dự án Nâng cấp mở rộng
Nhà máy lọc dầu Dung Quất

BSR-BF:
Công ty cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung

PV Building:
Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí

PMS:
Công ty cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí

PVOS:
Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam

NMLD:
Nhà máy lọc dầu

NSNN:
Ngân sách Nhà nước

VĐL:
Vốn điều lệ

NCMR:
Nâng cấp mở rộng

XDCB:
Xây dựng cơ bản

RPBM:
Rà phá bom mìn

CNTT:
Công nghệ thông tin

NLĐ:
Người lao động

SAO:
Quan sát hành vi an toàn

SAC:
Thẻ đánh giá thực thi an toàn

LTI:
Giờ công an toàn không xảy ra tai nạn lao động
mất ngày công

VCSH:
Vốn chủ sở hữu

VV:
Vốn vay

TSCĐ:
Tài sản cố định

ROA:
Tỷ suất sinh lời trên Tổng tài sản

ROE:
Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu



01

TỔNG QUAN VỀ BSR



Thông tin khái quát

<p>Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn</p> <p>Tên giao dịch:</p>	<p>31.004.996.160.000 đồng</p> <p>Vốn điều lệ đăng ký:</p>
--	---

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300378569 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 05/06/2008, cấp thay đổi lần thứ 15 ngày 05/09/2023



<p>208 Đại lộ Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam</p> <p>Địa chỉ trụ sở chính:</p>	<p>0255 3825825</p> <p>Điện thoại:</p>
	<p>0255 3825826</p> <p>Số fax:</p>
	<p>BSR</p> <p>Mã cổ phiếu:</p>
	<p>www.bsr.com.vn</p> <p>Website:</p>

Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi

Tầm nhìn

Trở thành doanh nghiệp dẫn đầu khu vực và có vị thế quốc tế trong lĩnh vực năng lượng và lọc hóa dầu.

Sứ mệnh

Cung cấp những sản phẩm lọc hóa dầu với tiêu chuẩn chất lượng cao, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia và là động lực cho sự phát triển kinh tế của khu vực miền Trung - Tây Nguyên.

Triết lý kinh doanh

**ĐỒNG HÀNH VỚI KHÁCH HÀNG
BẰNG SỰ CHÂN THÀNH
VÀ CÙNG TẠO GIÁ TRỊ**

BSR tin rằng thỏa mãn nhu cầu khách hàng là nền tảng của sự thành công trong sản xuất kinh doanh. Mọi hoạt động của BSR đều xuất phát từ sự chân thành, chủ động lắng nghe, cùng tạo giá trị và mang lại giá trị cho nhau.

**NGUỒN NHÂN LỰC LÀ
YẾU TỐ THEN CHỐT CHO
SỰ THÀNH CÔNG VÀ TIẾN BỘ**

Ở BSR, nguồn nhân lực là trụ cột của hệ thống quản trị. Mọi thành công đều phụ thuộc vào yếu tố con người. Chúng tôi tin rằng thành tựu cao nhất sẽ đạt được khi mỗi một người biết cống hiến trí tuệ và sức lực của mình một cách tự nguyện, hài hòa và chung chí hướng. Mọi ứng xử của BSR đều hết sức nhân văn để người lao động phát huy cao nhất năng lực của mình, đồng thời khuyến khích nhân viên hướng đến thành tựu cao nhất một cách tự nguyện.

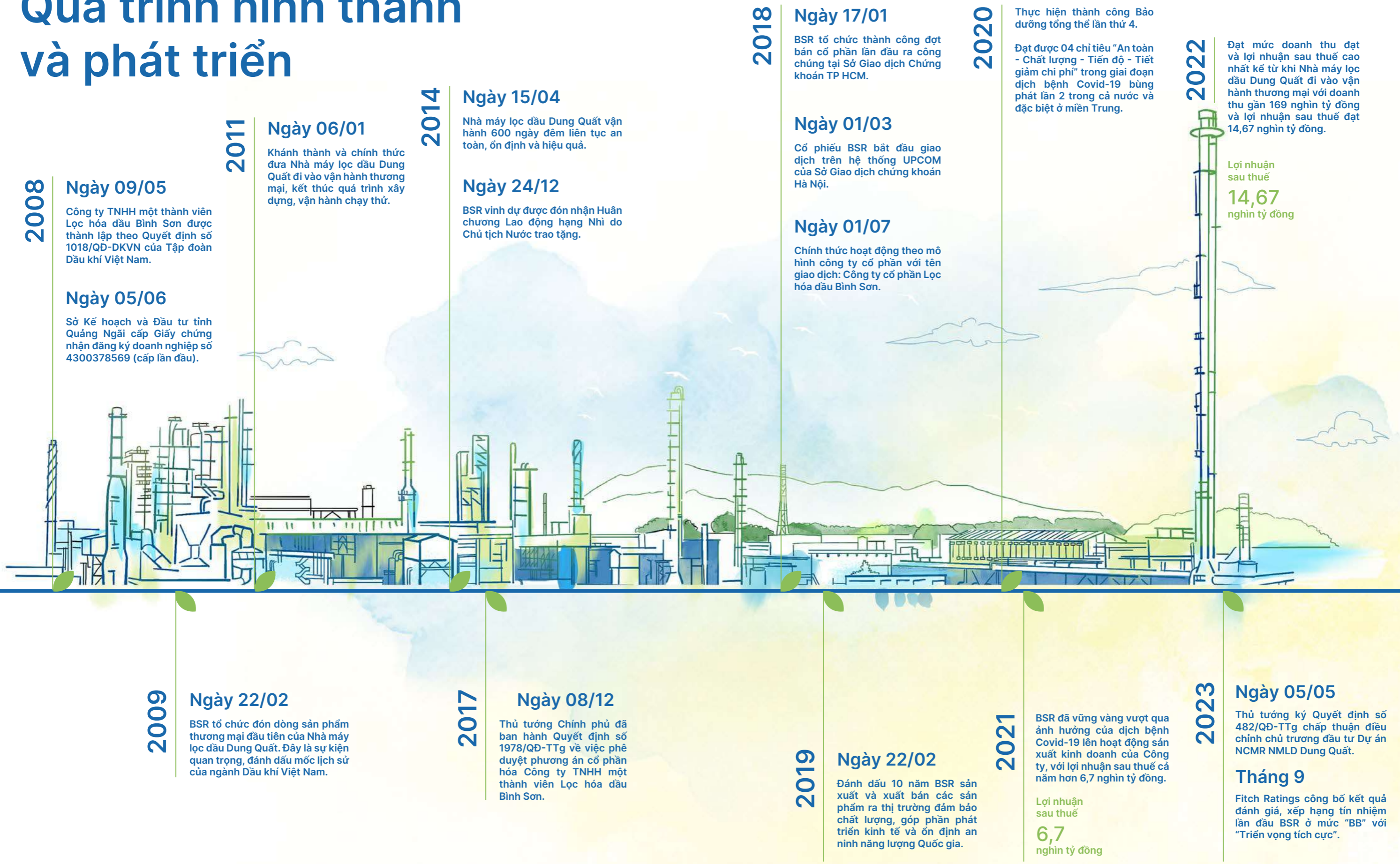
**QUẢN TRỊ HIỆN ĐẠI
VÀ VẬN HÀNH XUẤT SẮC**

BSR thực hiện chuyển đổi số và cập nhật các xu hướng quản trị hiện đại để nâng cao năng lực và hiệu quả quản trị, chủ động thích ứng với sự thay đổi và biến động vĩ mô; quyết tâm vận hành xuất sắc bằng cách không ngừng tối ưu các quy trình hoạt động, các giải pháp, nâng cấp và hiện đại hóa công nghệ, linh hoạt trong kinh doanh và nâng tầm văn hóa.

Giá trị cốt lõi



Quá trình hình thành và phát triển



2008

Ngày 09/05

Công ty TNHH một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn được thành lập theo Quyết định số 1018/QĐ-DKVN của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Ngày 05/06

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300378569 (cấp lần đầu).

2011

Ngày 06/01

Khánh thành và chính thức đưa Nhà máy lọc dầu Dung Quất đi vào vận hành thương mại, kết thúc quá trình xây dựng, vận hành chạy thử.

2014

Ngày 15/04

Nhà máy lọc dầu Dung Quất vận hành 600 ngày đêm liên tục an toàn, ổn định và hiệu quả.

Ngày 24/12

BSR vinh dự được đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì do Chủ tịch Nước trao tặng.

2009

Ngày 22/02

BSR tổ chức đón dòng sản phẩm thương mại đầu tiên của Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Đây là sự kiện quan trọng, đánh dấu mốc lịch sử của ngành Dầu khí Việt Nam.

2017

Ngày 08/12

Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1978/QĐ-TTg về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Lọc hóa dầu Bình Sơn.

2018

Ngày 17/01

BSR tổ chức thành công đợt bán cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

Ngày 01/03

Cổ phiếu BSR bắt đầu giao dịch trên hệ thống UPCOM của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Ngày 01/07

Chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với tên giao dịch: Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn.

2019

Ngày 22/02

Đánh dấu 10 năm BSR sản xuất và xuất bán các sản phẩm ra thị trường đảm bảo chất lượng, góp phần phát triển kinh tế và ổn định an ninh năng lượng Quốc gia.

2020

Thực hiện thành công Bảo dưỡng tổng thể lần thứ 4.

Đạt được 04 chỉ tiêu "An toàn - Chất lượng - Tiến độ - Tiết giảm chi phí" trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 bùng phát lần 2 trong cả nước và đặc biệt ở miền Trung.

2021

BSR đã vững vàng vượt qua ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 lên hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, với lợi nhuận sau thuế cả năm hơn 6,7 nghìn tỷ đồng.

Lợi nhuận sau thuế
6,7
nghìn tỷ đồng

2022

Đạt mức doanh thu đạt và lợi nhuận sau thuế cao nhất kể từ khi Nhà máy lọc dầu Dung Quất đi vào vận hành thương mại với doanh thu gần 169 nghìn tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 14,67 nghìn tỷ đồng.

Lợi nhuận sau thuế
14,67
nghìn tỷ đồng

2023

Ngày 05/05

Thủ tướng ký Quyết định số 482/QĐ-TTg chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án NCMR NMLD Dung Quất.

Tháng 9

Fitch Ratings công bố kết quả đánh giá, xếp hạng tín nhiệm lần đầu BSR ở mức "BB" với "Triển vọng tích cực".



Ngành nghề kinh doanh



01 Sản xuất dầu mỏ tinh chế.



02 Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên.



03 Cung ứng và quản lý nguồn lao động.



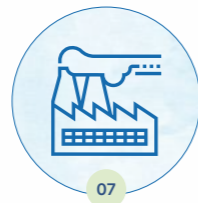
04 Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.



05 Giáo dục khách chưa được phân vào đầu.



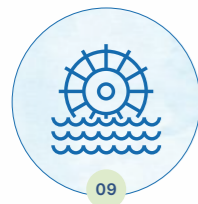
06 Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.



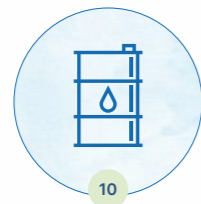
07 Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.



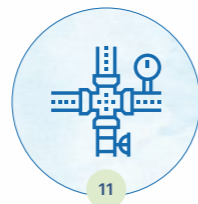
08 Bán buôn chuyên doanh khác.



09 Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.



10 Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu.



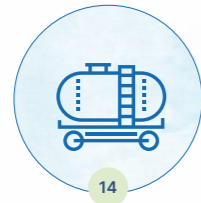
11 Sửa chữa thiết bị khác.



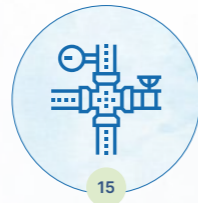
12 Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.



13 Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.



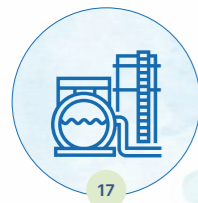
14 Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.



15 Sửa chữa máy móc, thiết bị.



16 Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu.



17 Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

Địa bàn kinh doanh

TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY:

Số 208 Đại lộ Hùng Vương, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

NHÀ MÁY:

Xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

ĐỊA BÀN TIÊU THỤ SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY:

Chủ yếu là thị trường nội địa Việt Nam.

TRONG NƯỚC:

Các sản phẩm xăng dầu, nhiên liệu phản lực Jet-A1, hạt nhựa Polypropylene và khí hóa lỏng LPG của Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

NƯỚC NGOÀI:

Sản phẩm FO, MFO.



Thông điệp của ban lãnh đạo



Chủ động xây dựng các giải pháp thích ứng linh hoạt với diễn biến thị trường, đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Kính gửi Quý Cổ đông/Nhà đầu tư!

Năm 2023 là năm chứng kiến sự phục hồi của các quốc gia trên thế giới sau những tác động từ đại dịch COVID-19. Nhiều nền kinh tế dần phục hồi sự ổn định và có những chuyển biến tích cực, tuy nhiên, vẫn có những thách thức, trở ngại nhất định do tình hình địa chính trị bất ổn tại một số khu vực và ảnh hưởng của dấu hiệu suy thoái kinh tế ở một số quốc gia phát triển. Trong nước, lãi suất cho vay giảm so với đầu năm 2023 đã góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất, cải thiện tình hình tài chính của các doanh nghiệp. Theo sau triển vọng khởi sắc của ngành công nghiệp, việc làm và tiền lương, nhu cầu tiêu dùng trong nước tiếp tục được củng cố.

Với phương châm “Quản trị biến động, mở rộng quy mô, tăng tốc chuyển đổi số, dịch chuyển mô hình, nâng cao năng suất, tái tạo kinh doanh” của ngành Dầu khí Việt Nam, BSR đã chủ động xây dựng các giải pháp thích ứng linh hoạt với diễn biến thị trường, đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Kết thúc năm 2023, Công ty đã đạt và vượt các chỉ tiêu kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông giao phó, với một số dấu ấn quan trọng như vận hành Nhà máy lọc dầu Dung Quất an toàn tuyệt đối ở công suất tối ưu, sản lượng sản xuất và tiêu thụ đạt hơn 7,34 triệu tấn (cao nhất kể từ khi NMLD Dung Quất đi vào vận hành thương mại trong điều kiện Nhà máy đang ở cuối chu kỳ bảo dưỡng tổng thể). Cũng trong năm, BSR được Fitch Ratings đánh giá xếp hạng tín nhiệm lần đầu ở mức BB+ với triển vọng tích cực, góp phần củng cố uy tín và hiệu quả hoạt động của công ty trong mắt nhà đầu tư cũng như gia tăng tiềm năng huy động vốn cho các dự án trọng điểm trong tương lai. Công ty cũng đã hoàn thành xây dựng Chiến lược phát triển BSR đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 báo cáo cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt. Dự án Nâng cấp mở rộng sau khi được Chính phủ phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư của Dự án cũng đang được tích cực triển khai.

Những kết quả đạt được trong năm 2023 là tiền đề vững chắc để BSR bước vào năm 2024 với niềm tin và khát vọng mới. Trong năm 2024, Nhà máy lọc dầu Dung Quất sẽ tiến hành bảo dưỡng tổng thể lần 5 và sản xuất khoảng 5,7 triệu tấn sản phẩm các loại. Để hiện thực hóa các kế hoạch đã đề ra, nhiệm

vụ xuyên suốt của BSR là:

- Duy trì vận hành Nhà máy an toàn, ổn định ở công suất tối ưu với cơ cấu sản phẩm phù hợp và đáp ứng nhu cầu thị trường.
- Tập trung nguồn lực để thực hiện công tác Bảo dưỡng tổng thể lần 5 đảm bảo an toàn, chất lượng, tối ưu chi phí và tiến độ.
- Chủ động, linh hoạt trong công tác mua dầu thô, đảm bảo nguồn dầu thô cung cấp cho vận hành Nhà máy.
- Tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và chế biến thử nghiệm các loại nguyên liệu mới, nguyên liệu trung gian để không ngừng mở rộng giỏ dầu thô.
- Triển khai Dự án nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất phù hợp với các quy định hiện hành.
- Đồng thời đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, tạo ra các quy trình kinh doanh mới, trải nghiệm khách hàng, văn hóa số và văn hóa Công ty.

Thay mặt Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành, chúng tôi trân trọng cảm ơn sự tin tưởng và đồng hành của Quý cổ đông trong hành trình BSR hướng tới sự phát triển bền vững. Chúng tôi tin rằng, với tinh thần đoàn kết, nỗ lực hết mình của toàn thể cán bộ công nhân viên BSR cùng sự tin tưởng, dõi theo và đồng hành của Quý cổ đông sẽ là nền tảng kiến tạo nên giá trị và sự thành công của BSR trong thời gian sắp đến.

Kính chúc Quý vị mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.

Xin trân trọng cảm ơn!

Ông Nguyễn Văn Hội
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Bùi Ngọc Dương
Tổng Giám đốc



2023 Một năm nhìn lại

Nộp ngân sách Nhà nước

17.419
tỷ đồng

Tổng doanh thu

150.116
tỷ đồng

Lợi nhuận sau thuế Hợp nhất

8.593
tỷ đồng

Sản lượng sản xuất

7.367.305
tấn

Loại dầu thô mới được chế biến thành công

2
loại

Loại sản phẩm mới được sản xuất và xuất bán thành công

3
loại

BSR



10 sự kiện nổi bật 2023

- 1. Vận hành Nhà máy an toàn tuyệt đối**

Đạt trên **42,2** triệu giờ công an toàn không có tai nạn lao động mất ngày công.
- 2. Sản lượng sản xuất đạt kỷ lục**

Đạt hơn **7,36** triệu tấn sản phẩm cao nhất kể từ khi NMLD Dung Quất đi vào vận hành thương mại.
- 3. Nhà máy vận hành 1.180 ngày liên tục**

Đây là thời gian dài nhất kể từ khi NMLD đưa vào vận hành thương mại.
- 4. Top 4 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2023**

Theo bảng xếp hạng "VNR500 - Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2023"
- 5. Thiết lập giới hạn vận hành mới**

Công suất trung bình cả năm 2023 của NMLD Dung Quất đạt **111%** (cao nhất từ trước đến nay), hao hụt dầu thô trung bình cả năm là 0,11%vol (thấp nhất từ trước đến nay).
- 6. Công tác đầu tư**

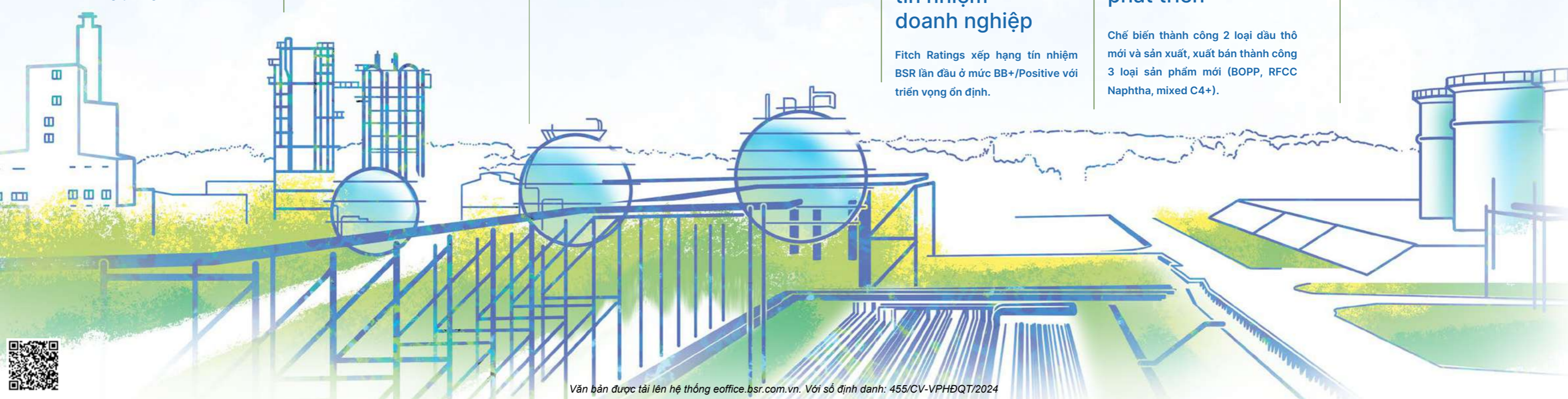
Chính phủ chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án NCMR NMLD Dung Quất.
- 7. Hoàn thiện chiến lược phát triển**

Hoàn thành xây dựng Chiến lược phát triển BSR đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trình cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt.
- 8. Xếp hạng tín nhiệm doanh nghiệp**

Fitch Ratings xếp hạng tín nhiệm BSR lần đầu ở mức BB+/Positive với triển vọng ổn định.
- 9. Nghiên cứu phát triển**

Chế biến thành công 2 loại dầu thô mới và sản xuất, xuất bán thành công 3 loại sản phẩm mới (BOPP, RFCC Naphta, mixed C4+).
- 10. Dịch vụ chất lượng cao**

Cung cấp nhân sự chất lượng cao cho Nhà thầu bảo dưỡng tổng thể các Nhà máy lọc hoá dầu.



Các giải thưởng



Sơ đồ công nghệ và chu trình sản xuất NMLD Dung Quất



Nhà máy được thiết kế chi tiết và xây dựng, chạy thử bởi Tổ hợp Nhà thầu Technip Pháp, JGC-Nhật và các nhà thầu phụ nước ngoài khác.

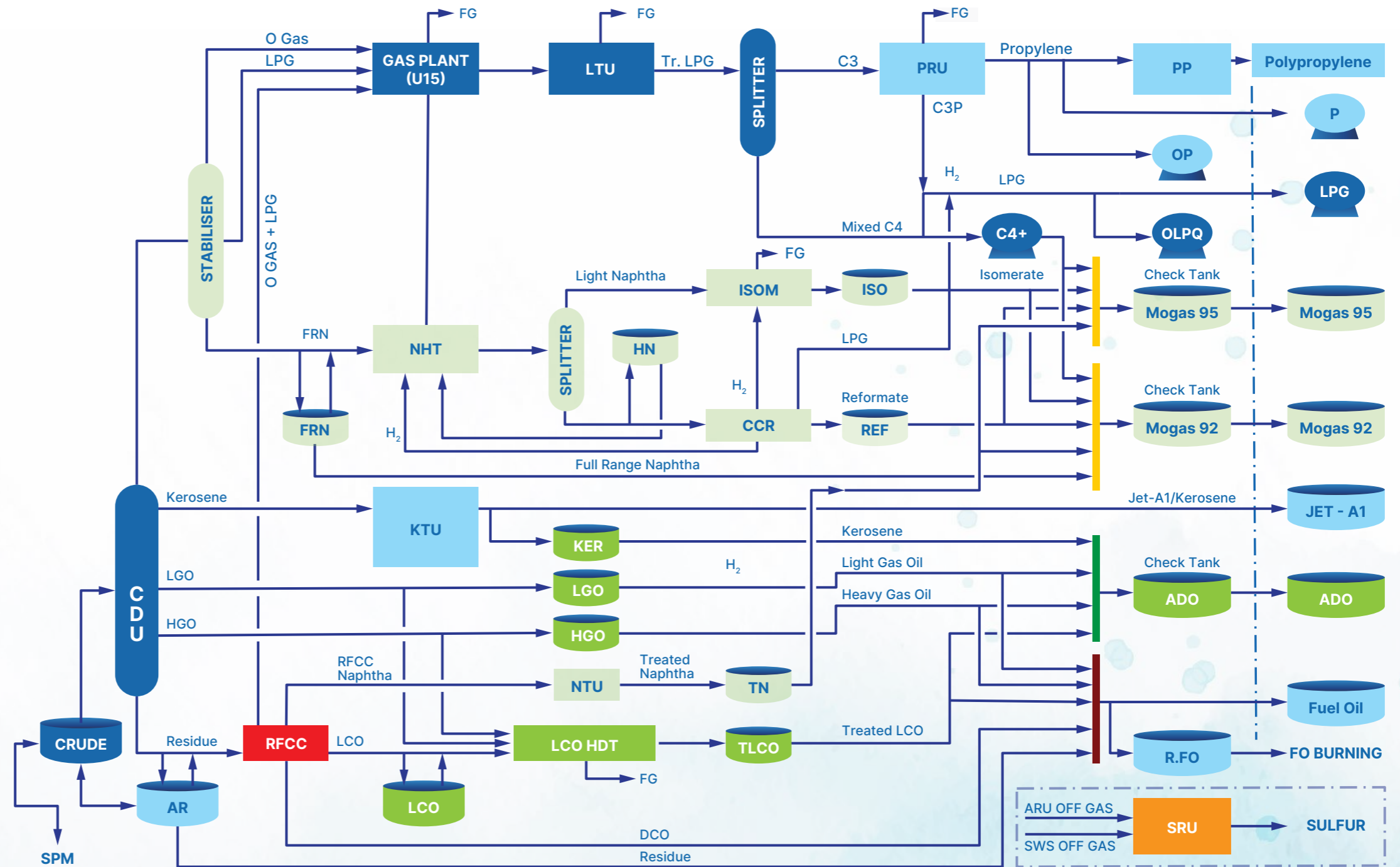
2009

NMLD Dung Quất được đưa vào vận hành năm 2009.

6,5 triệu tấn dầu thô/năm.

Công suất thiết kế 6,5 triệu tấn dầu thô/năm.

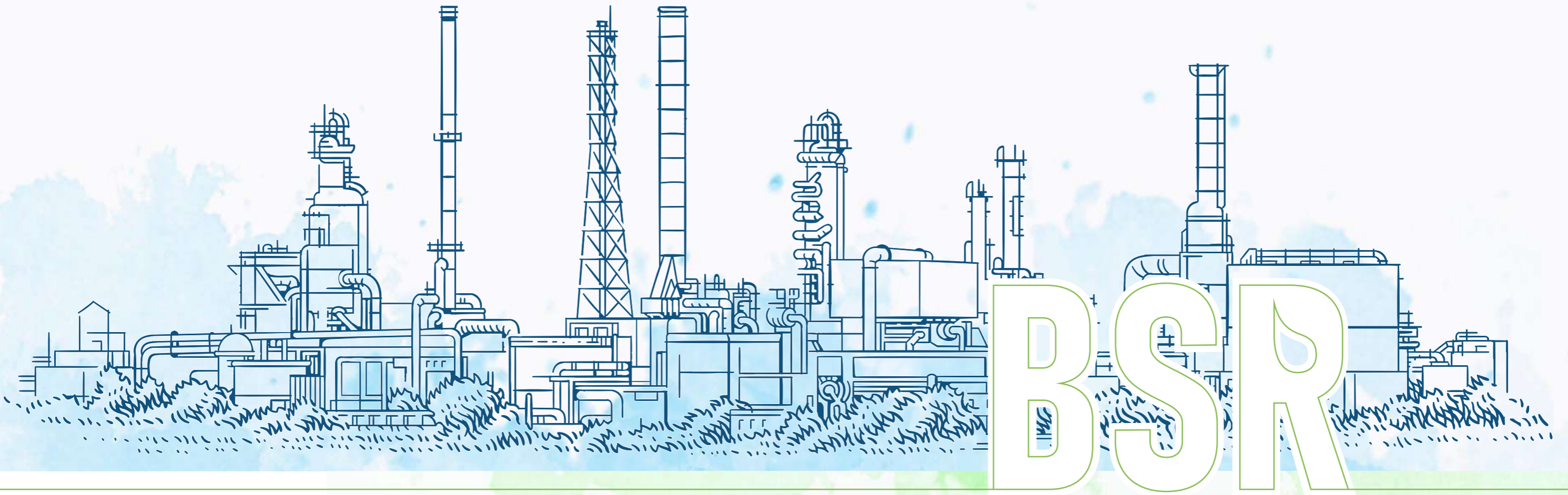
Sơ đồ công nghệ NMLD Dung Quất



Tên phân xưởng	Viết tắt	Chức năng	Công suất thiết kế (Thùng/ngày)
Phân xưởng chưng cất dầu thô (Crude Distillation Unit)	CDU	1Phân tách dầu thô thành các phân đoạn sản phẩm/sản phẩm trung gian khác nhau	148.000
Phân xưởng xử lý Naphtha bằng Hydro (Naphtha Hydrotreater Unit)	NHT	Tách loại S, N, nước, kim loại khỏi dòng Naphtha	23.500
Phân xưởng Reforming xúc tác (Continuous Catalytic Reformer Unit)	CCR	Sản xuất cấu tử xăng có chỉ số octan cao	21.100
Phân xưởng xử lý Kerosen (Kerosene Treatment Unit)	KTU	Loại bỏ S, axit Naphthenic, nước khỏi sản phẩm nhiên liệu phản lực	10.000
Phân xưởng cracking xúc tác (Residue Fluidized Catalytic Cracking Unit)	RFCC	Chuyển hóa cặn từ phân xưởng chưng cất dầu thô thành các sản phẩm như xăng, LPG...	69.700
Phân xưởng xử lý khí hóa lỏng LPG (LPG Treater Unit)	LTU	Xử lý LPG tạo thành từ phân xưởng RFCC	21.000
Phân xưởng xử lý RFCC Naphtha	NTU	Xử lý Naphtha tạo thành từ phân xưởng RFCC	45.000
Phân xưởng thu hồi Propylene (Propylene Recovery Unit) (Kg/hr)	PRU	Thu hồi Propylene để sản xuất Polypropylene	77.240
Phân xưởng đồng phân hóa (Light Naphtha Isomerization Unit)	ISOM	Đồng phân hóa hydrocarbon để tạo cấu tử xăng có chỉ số octan cao	6.500
Phân xưởng xử lý LCO bằng hydro (LCO Hydrotreater Unit) (Kg/hr)	LCO-HDT	Loại bỏ N, S và kim loại bằng hydro nhằm làm sạch LCO	165.000
Nhà máy sản xuất nhựa Polypropylene (Polypropylene Plant) (tấn/năm)	PP	Sản xuất nhựa Polypropylene từ Propylene	150.000
Phân xưởng xử lý nước chua (Sour Water Stripping Unit)	SWS	Loại bỏ hóa khí chua khỏi dòng nước chua	82 (m3/h)
Phân xưởng tái sinh Amine (Amine Regeneration Unit)	ARU	Làm sạch, tái sinh Amine	102 (m3/h)
Phân xưởng trung hòa kiềm (Spent Caustic Neutralisation Unit)	CNU	Trung hòa kiềm	1.5 (m3/h)
Phân xưởng thu hồi lưu huỳnh 1 (Sulfur Recovery Unit 1)	SRU	Thu hồi lưu huỳnh trong khí chua	5 (tấn/ngày)
Phân xưởng thu hồi lưu huỳnh 2 (Sulfur Recovery Unit 2)	SRU2	Thu hồi lưu huỳnh trong khí chua	13 (tấn/ngày)



Ứng dụng của Sản phẩm lọc hoá dầu Trong đời sống



Nhiên liệu cho phương tiện vận tải (xe máy, máy bay...)



Máy tính, điện thoại, ... được sản xuất từ các sản phẩm hoá dầu



Sợi tổng hợp sử dụng trong ngành may mặc



Thành phần tạo ra bút màu, hồ dán...



Nguyên liệu trong mỹ phẩm, dầu gội đầu



Thành phần cấu tạo máy MRI, máy tạo nhịp tim...

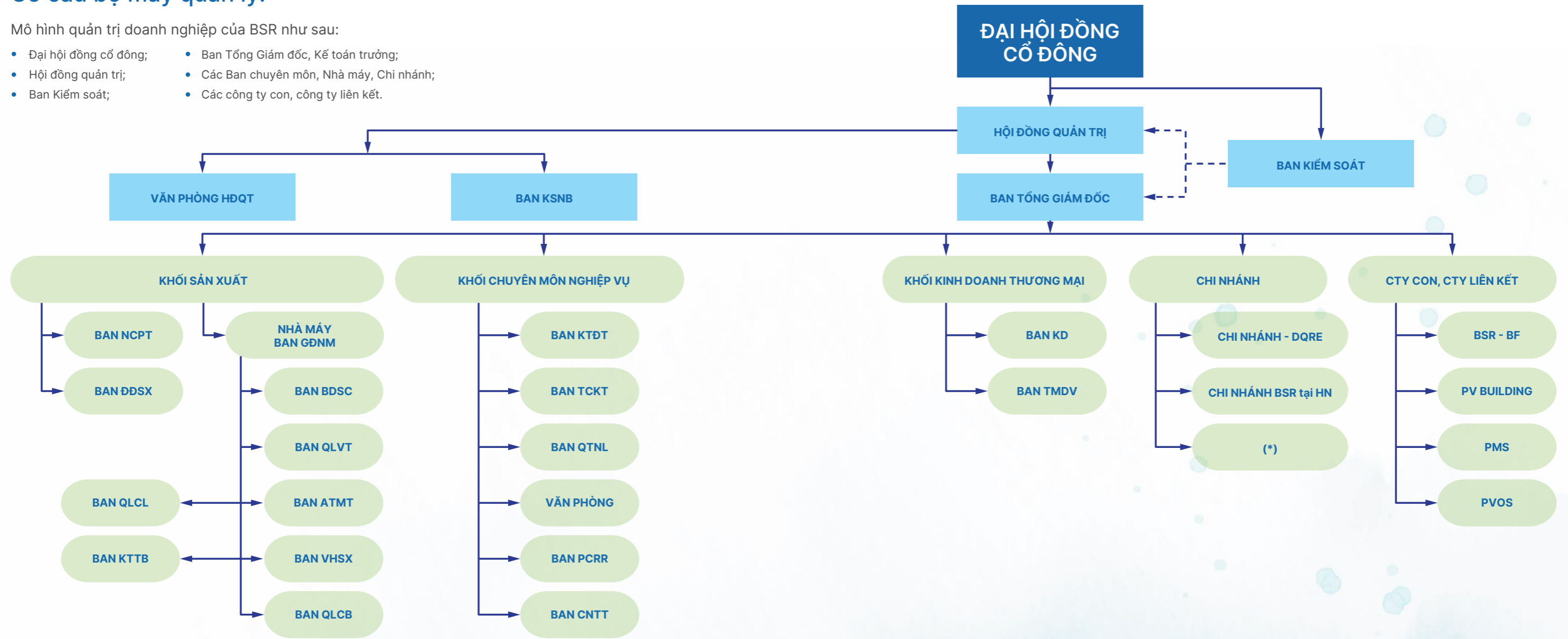


Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Cơ cấu bộ máy quản lý:

Mô hình quản trị doanh nghiệp của BSR như sau:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
- Các Ban chuyên môn, Nhà máy, Chi nhánh;
- Các công ty con, công ty liên kết.



Các thành phần viết tắt:

(*) Các chi nhánh, Trung tâm NCPT sẽ được cập nhật theo Đề án được phê duyệt

VP: Văn phòng
 VP HĐQT: Văn phòng Hội đồng quản trị
 Chi nhánh - DQRE: Chi nhánh - Ban Quản lý dự án Nâng cấp mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất
 Ban KTĐT: Ban Kinh tế Đầu tư

Ban TCKT: Ban Tài chính Kế toán
 Ban QTNL: Ban Quản trị và phát triển nguồn nhân lực
 Ban PCRR: Ban Pháp chế và Quản trị rủi ro
 Ban ATMT: Ban An toàn môi trường
 Ban NCPT: Ban Nghiên cứu phát triển

Ban KD: Ban Kinh doanh
 Ban TMDV: Ban Thương mại dịch vụ
 Ban VHSX: Ban Vận hành sản xuất
 Ban BDSC: Ban Bảo dưỡng sửa chữa
 Ban ĐDSX: Ban Điều độ sản xuất
 CTY: Công ty

Ban QLCL: Ban Quản lý chất lượng
 Ban KTTB: Ban Kiểm tra thiết bị
 Ban QLVT: Ban Quản lý vật tư
 Ban KSNB: Ban Kiểm soát nội bộ
 Ban QLCB: Ban Quản lý cảng biển

Danh sách Hội Đồng Quản Trị



Ông **NGUYỄN VĂN HỘI**

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
Năm sinh: 1968. Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Thiết kế đường ống, bể chứa



Ông **BÙI NGỌC DƯƠNG**

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm TGĐ
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
Năm sinh: 1975. Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kỹ thuật hóa dầu;
Kỹ sư Lọc hóa dầu



Ông **HÀ ĐỒNG**

Chức vụ: Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
Năm sinh: 1965. Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Máy và thiết bị công nghiệp
Đầu khí



Ông **KHƯƠNG LÊ THÀNH**

Chức vụ: Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
Năm sinh: 1977. Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý kinh tế;
Kỹ sư Lọc hóa dầu



Ông **HẠNG ANH MINH**

Chức vụ: Thành viên độc lập HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
Năm sinh: 1975. Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý dự án;
Cử nhân Kinh tế Tài chính



Ông **NGUYỄN HẢI ÂU**

Chức vụ: Thành viên HĐQT - được miễn nhiệm từ ngày 13/04/2023.
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.
Năm sinh: 1973. Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kinh tế; Luật sư



Ông **NGUYỄN BÁ PHƯỚC**

Chức vụ: Thành viên HĐQT - được miễn nhiệm từ ngày 13/04/2023.
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.
Năm sinh: 1978. Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kết cấu;
Kỹ sư công trình biển dầu khí



Danh sách Ban Tổng Giám Đốc



Ông BUI NGOC DUONG

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm TGD
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
Năm sinh: 1975. Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kỹ thuật hóa dầu;
Kỹ sư Lọc hóa dầu



Ông TRẦN THÁI BẢO

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung.
Năm sinh: 1978. Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ QTKD Quốc tế;
Kỹ sư Lọc hóa dầu



Ông NGHIÊM ĐỨC DƯƠNG

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
Năm sinh: 1976. Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý dự án;
Kỹ sư công trình thủy



Ông MAI TUẤN ĐẠT

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
Năm sinh: 1976. Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Kỹ thuật hóa học;
Kỹ sư Tự động hóa



Ông PHẠM MINH NGHĨA

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
Năm sinh: 1980. Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Kinh tế; Kỹ sư Lọc hóa dầu; Cử nhân Quản trị kinh doanh



Ông NGUYỄN VIỆT THẮNG

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
Năm sinh: 1975. Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý Kinh tế;
Kỹ sư Lọc hóa dầu



Ông BẠCH ĐỨC LONG

Chức vụ: Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
Năm sinh: 1976. Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế Tài chính doanh nghiệp

Ông NGUYỄN NGỌC ANH

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc. Nghi việc để hưởng chế độ hưu trí từ ngày 01/7/2023.

Ông TRẦN ĐOÀN THỊNH

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc. Thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc để nhận nhiệm vụ khác từ ngày 15/08/2023



Danh sách Ban kiểm soát



Ông Hoàng Đình Nhật

Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
Năm sinh: 1980. Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý kinh tế; Kỹ sư Công nghệ Hữu cơ hóa dầu



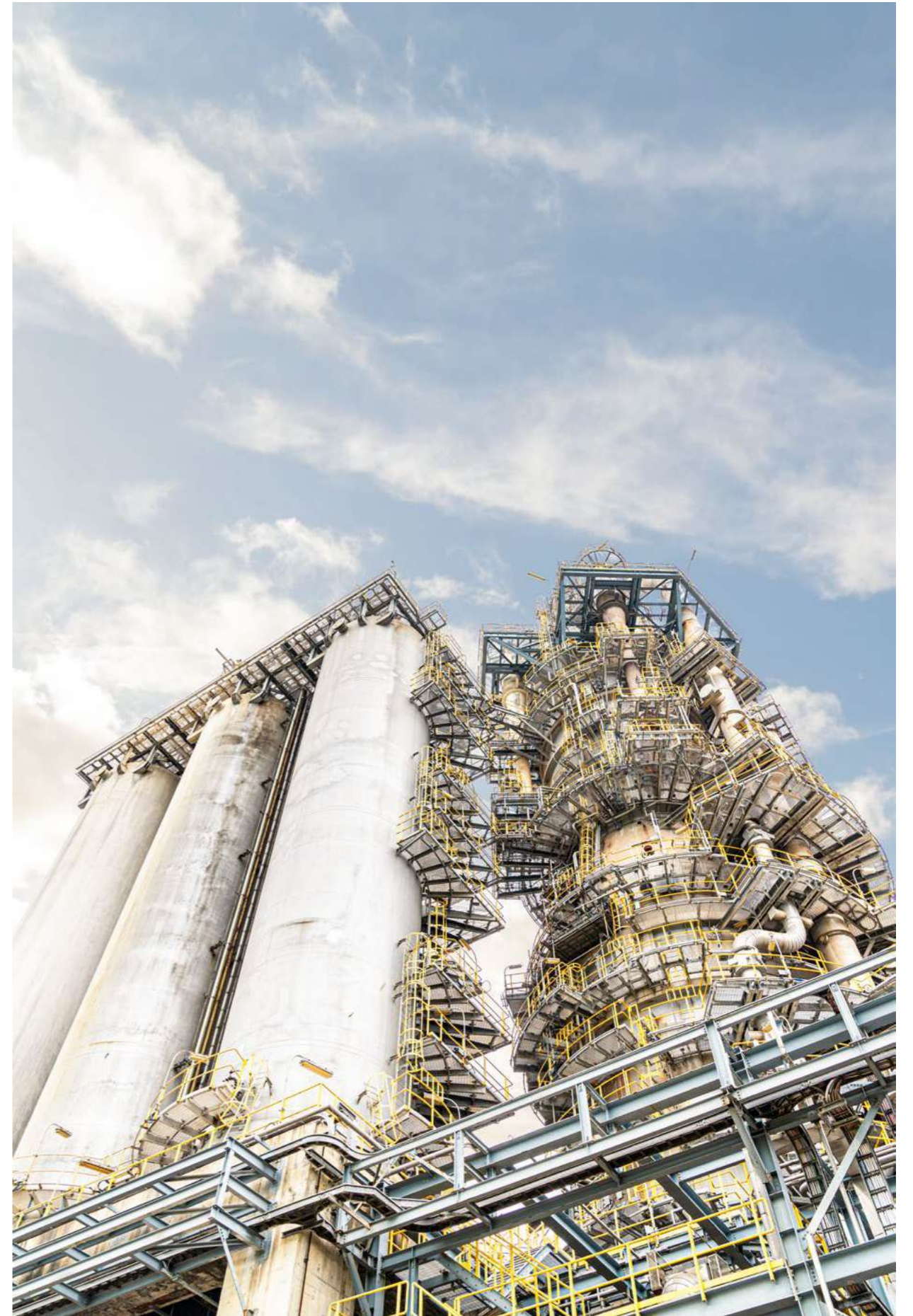
Ông Hoàng Ngọc Xuân

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không
Năm sinh: 1982. Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng



Bà Vũ Lan Phương

Chức vụ: Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chuyên viên chính, Ban Tổ chức và quản trị nguồn nhân lực, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
Năm sinh: 1980. Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản lý tài chính



Công ty con

Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building)

Tên công ty:	Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí
Trụ sở chính:	Khu đô thị mới Vạn Tường, xã Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi
Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh:	Số 4300429492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 02/04/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 19/08/2019.
Ngành nghề kinh doanh chính:	Thương mại dịch vụ bao bì hạt nhựa, cung cấp dịch vụ hậu cần,...
Vốn điều lệ đăng ký:	175.222.840.000 đồng
Cổ phiếu của PV Building (mã chứng khoán: PBT)	Đã giao dịch trên UPCOM từ ngày 18/01/2019 theo Thông báo số 43/TB-SGDHN ngày 14/01/2019 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
Số lượng cổ phần BSR sở hữu:	14.589.284 cổ phần (Tỷ lệ sở hữu: 83,26% vốn điều lệ).

Công ty cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF)

Tên công ty:	Công ty cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung
Trụ sở chính:	KCN phía Đông – Khu Kinh tế Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam
Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh:	Số 3403000191 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 29/08/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 11/01/2018. Thương mại dịch vụ bao bì hạt nhựa, cung cấp dịch vụ hậu cần,...
Vốn điều lệ đăng ký:	982.000.000.000 đồng
Ngành nghề kinh doanh chính:	Sản xuất, bán buôn nhiên liệu sinh học và các sản phẩm liên quan
Số lượng cổ phần BSR sở hữu:	59.902.000 cổ phần (Tỷ lệ sở hữu: 65,54% vốn điều lệ).

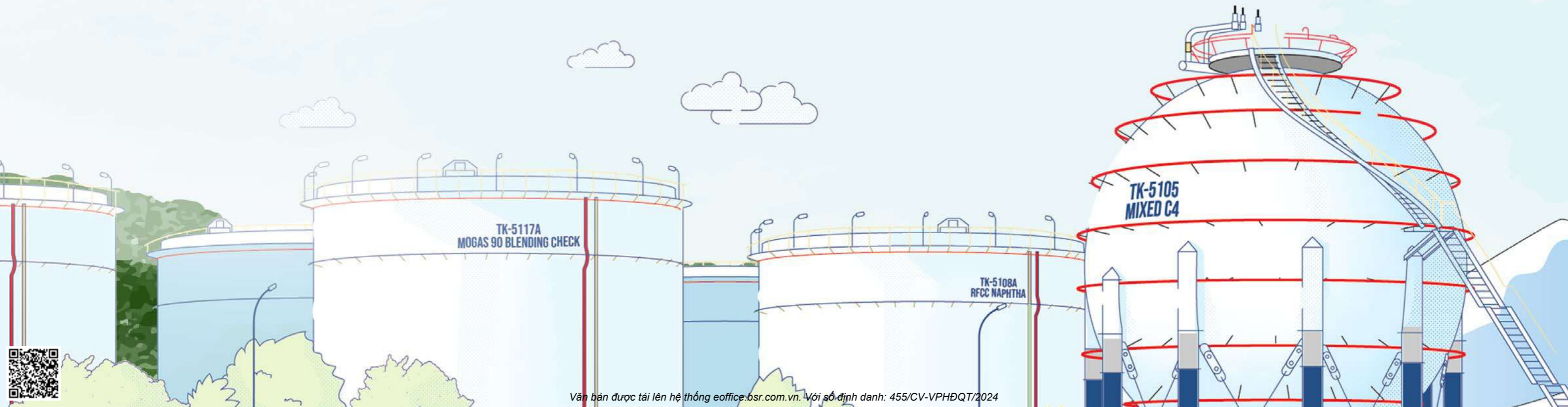
Công ty liên kết

Công ty cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí (PMS)

Tên công ty:	Công ty cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí
Trụ sở chính:	Đường Võ Văn Kiệt, thôn Đô Lỗ, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi
Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh:	Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4300468798 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 29/06/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 09/02/2018. Thương mại dịch vụ bao bì hạt nhựa, cung cấp dịch vụ hậu cần,...
Ngành nghề kinh doanh chính:	Xây dựng, bảo dưỡng, sửa chữa công trình,...
Vốn điều lệ đăng ký:	100.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp:	80.000.000.000 đồng
Số lượng cổ phần BSR sở hữu:	700.000 cổ phần (Tỷ lệ sở hữu: 8,75% vốn điều lệ).

Công ty cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí (PMS)

Tên công ty:	Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam
Trụ sở chính:	KCN Dầu khí Long Sơn, xã Long Sơn, Thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh:	Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500889978 ngày 22/07/2008, đăng ký thay đổi lần 8 ngày 13/08/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp.
Ngành nghề kinh doanh chính:	Đầu tư xây dựng và vận hành kho ngầm chứa xăng dầu để tồn chứa dầu thô và các sản phẩm dầu chủ yếu phục vụ Nhà máy lọc dầu
Vốn điều lệ đăng ký:	95.467.730.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp:	95.467.730.000 đồng
Số lượng cổ phần BSR sở hữu:	4.244.000.000 đồng (Tỷ lệ sở hữu: 5,03% vốn điều lệ).



Định hướng phát triển

Quan điểm phát triển

Xây dựng, phát triển Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn gắn liền với Chiến lược phát triển Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Chiến lược phát triển ngành Dầu khí Việt Nam, Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, Định hướng phát triển năng lượng quốc gia và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đảm bảo đồng bộ, hiệu quả và bền vững, có khả năng cạnh tranh, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng cho phát triển đất nước, tham gia tích cực vào việc thực hiện các giải pháp để đạt được phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, đóng góp hiệu quả công tác an sinh xã hội.

Tập trung phát triển các lĩnh vực kinh doanh chính bao gồm: sản xuất và kinh doanh các sản phẩm lọc hóa dầu; kinh doanh thương mại dầu thô và các sản phẩm hóa dầu; Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật; từng bước thâm nhập hiệu quả vào lĩnh vực sản xuất và kinh doanh năng lượng tái tạo (điện mặt trời, điện gió), sản xuất Hydro/NH3 xanh. Giữ vững vị trí là nhà cung cấp các sản phẩm lọc hóa dầu hàng đầu của Việt Nam. Đẩy mạnh phát triển hóa dầu và các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật chất lượng cao cho khâu sau.

Sử dụng tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả, gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái. Chủ động thực hiện các giải pháp giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu. Thúc đẩy nghiên cứu, đầu tư và phát triển năng lượng xanh/ sạch và thân thiện với môi trường.

Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong mọi hoạt động của BSR. Phát huy tối đa nội lực, năng lực quản trị hiện đại, kết hợp với đẩy mạnh hợp tác, hội nhập quốc tế, khuyến khích và thu hút các đối tác thuộc mọi thành phần kinh tế ở trong nước và nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào các lĩnh vực hoạt động của BSR.

Các mục tiêu phát triển bền vững

Tiếp tục phát huy hiệu quả vận hành nhà máy an toàn, ổn định, liên tục và không ngừng gia tăng hiệu quả sản xuất, cải thiện các hoạt động kinh doanh nhằm đảm bảo sự tăng trưởng bền vững trong thời gian tới.

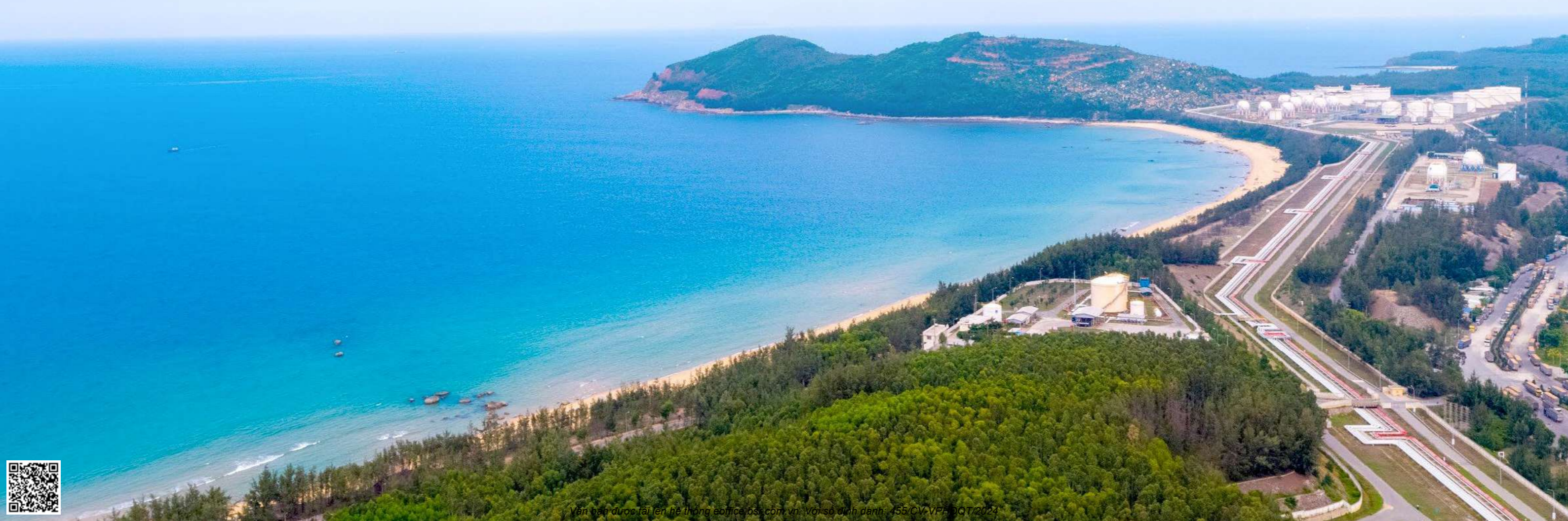
Xây dựng và phát triển Công ty cổ phần Lọc hoá dầu Bình Sơn thành Tổng Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Việt Nam sở hữu công nghệ tiên tiến, hiện đại và phù hợp với xu thế chuyển dịch năng lượng và có năng lực cạnh tranh trong khu vực.

Đóng vai trò nòng cốt trong việc hình thành Trung tâm lọc hoá dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất, Quảng Ngãi cũng như là nhà đầu tư quan trọng trong liên kết chuỗi đầu tư Tổ hợp Lọc hóa dầu Long Sơn.

Tích cực tham gia các chương trình an sinh xã hội tại tỉnh Quảng Ngãi nói riêng và cả nước nói chung; Tuân thủ đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường và tham gia tích cực vào việc thực hiện cam kết phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 của Việt Nam tại COP26.

Duy trì là doanh nghiệp nhóm đầu có đóng góp lớn nhất cho sự tăng trưởng và phát triển bền vững của Tập đoàn dầu khí Việt Nam, tỉnh Quảng Ngãi và Việt Nam.

Tiếp tục góp phần quan trọng trong việc đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia phục vụ cho phát triển đất nước cũng như bảo vệ an ninh quốc phòng của Việt Nam.



Các rủi ro



Rủi ro trong hoạt động sản xuất và bảo vệ môi trường

Hoạt động lọc hóa dầu luôn tiềm ẩn rủi ro cao về môi trường và được xếp vào dự án Nhóm I (Điều 28 của Luật BVMT) có nguy cơ tác động xấu đến môi trường ở mức độ cao. Sự cố về tràn dầu, cháy nổ, sự cố chất thải xảy ra có thể gây ra những thiệt hại rất lớn về môi trường, con người và tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Nhà nước, đối tác khách hàng và cộng đồng ngày càng nghiêm ngặt hơn. Do vậy BSR luôn xem vấn đề bảo vệ môi trường là quan trọng hàng đầu xuyên suốt hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Để kiểm soát có hệ thống và hiệu quả những khía cạnh môi trường trong hoạt động sản xuất, BSR áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo ISO 14001:2015 và tích hợp với các hệ thống quản lý khác như: ISO 9001, ISO 45001, ISO 50001. Trong năm 2023, BSR không có sự cố về môi trường và đạt mốc 42,2 triệu giờ công an toàn không có tai nạn lao động mất ngày công (LT1). Các chỉ tiêu về chất lượng sản phẩm, các chỉ số môi trường luôn đạt được các quy chuẩn/tiêu chuẩn theo quy định hiện hành.

Ngoài ra, Công ty chủ động phối hợp với chính quyền, cơ quan quản lý Nhà nước tổ chức các khóa đào tạo bắt buộc theo luật định nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm trong công tác đảm bảo an toàn sức khỏe môi trường và phòng cháy chữa cháy; Nhiều sáng kiến, cải tiến nâng cao chất lượng sản phẩm, tiết kiệm năng lượng và thân thiện với môi trường của cán bộ công nhân viên được áp dụng thành công trong hoạt động sản xuất để mang lại hiệu quả về kinh tế, xã hội và đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn môi trường ngày càng nghiêm ngặt hơn.

Để chủ động ứng phó với các sự cố khẩn cấp, giảm thiểu các rủi ro gây ra đối với con người, tài sản và môi trường, BSR đã xây dựng và thường xuyên tổ chức diễn tập các phương án ứng phó sự cố khẩn cấp và đảm bảo sẵn sàng các nguồn lực, phương tiện, trang thiết bị ứng phó sự cố.

Rủi ro về thị trường

Thị trường dầu thô biến động rất lớn và khó lường do xung đột giữa Nga – Ukraine, lệnh cấm vận của Mỹ, EU đối với Nga, bất ổn chính trị tại dải Gaza do cuộc chiến giữa Israel và Hamas. Tình hình an ninh ở Biển Đỏ đã trở nên căng thẳng làm dấy lên lo ngại về sự an toàn của giao thông vận tải hàng hóa qua tuyến đường thủy quan trọng này. Đồng thời, thị trường dầu thô toàn cầu năm 2023 tương đối thắt chặt khi OPEC+ duy trì cắt giảm sản lượng với khối lượng 1,66 triệu thùng/ngày, dự kiến kéo dài đến hết năm 2024. Ngoài ra, sản lượng cắt giảm tự nguyện của Saudi và Nga là 1,3 triệu thùng/ngày kéo dài đến hết năm 2023.

Bên cạnh đó, sản lượng dầu thô trong nước đang giảm dần trong thời gian tới, do đó công tác cung ứng dầu thô luôn được BSR chú trọng nhằm tối ưu chi phí, đáp ứng đủ lượng dầu để chế biến, đạt kế hoạch sản xuất đề ra; BSR luôn tăng cường và chủ động làm việc với các nhà cung cấp dầu thô trong và ngoài nước; Tổ chức ký kết hợp đồng khung cung cấp dầu thô với các đối tác lớn để cung cấp dầu thô nhập khẩu dài hạn cho NMLD Dung Quất; Tăng cường chế biến thử nghiệm dầu thô mới, có thể đồng thời 1-2 loại dầu thô phối trộn cùng thời điểm để mở rộng danh sách rõ dầu; Tối ưu hóa công suất các cụm phân xưởng, đi kèm đó là việc mua bán các cấu tử, sản phẩm trung gian như T-DAO, Naphtha, Condensate, Residue, Propylene,... để chế biến trong một số thời điểm thuận lợi nhằm gia tăng hiệu quả.

Rủi ro từ các đối thủ cạnh tranh

Áp lực cạnh tranh đối với sản phẩm ngày càng lớn khi nguồn hàng nhập khẩu trong khu vực sẵn có và Nhà máy lọc hóa dầu trong nước tăng công suất. Sản phẩm PP cũng gặp sự cạnh tranh rất lớn tại thị trường nội địa khi nhà máy khác đi vào hoạt động. Nhằm tăng tính cạnh tranh, BSR đã và đang nâng cao tính chủ động, tận dụng những nguồn lực có sẵn nhằm đảm bảo ổn định được đầu vào, đầu ra và lợi nhuận lọc dầu. BSR tập trung tiêu thụ sản phẩm tại thị trường nội địa hiện đang có lợi thế cạnh tranh, tăng cường tận dụng tính liên kết chuỗi giữa các đơn vị/đối tác đối với việc phân phối sản phẩm của BSR; Tập trung vào các khách hàng, nhà cung cấp chính có quan hệ lâu dài nhằm gắn kết chuỗi cung ứng

dầu vào - chế biến - đầu ra. BSR thực hiện chiến lược kinh doanh với chính sách bán hàng theo hướng linh hoạt, đồng hành cùng khách hàng, đặt khách hàng là trọng tâm trong hoạt động bán hàng, tiến đến đối tác tin cậy cùng phát triển.

Rủi ro về biến động giá ảnh hưởng đến hiệu quả lọc dầu

Căng thẳng địa chính trị sẽ tiếp tục diễn ra bởi leo thang, suy thoái kinh tế toàn cầu vẫn kéo dài, do đó, thị trường năng lượng, đặc biệt thị trường dầu sẽ còn tiếp tục chịu ảnh hưởng rất lớn. Với đặc thù sản xuất và kinh doanh, giá thành sản phẩm chính của BSR cũng lợi nhuận lọc dầu chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi sự biến động của giá dầu trên thế giới. Việc giá dầu diễn biến phức tạp, tăng/giảm không ổn định ngoài tầm kiểm soát ảnh hưởng trực tiếp và ảnh hưởng lớn đến kế hoạch sản xuất kinh doanh của BSR. Với những khó khăn thách thức trên, BSR đã chủ động ứng phó với diễn biến khó lường của thị trường dầu trong năm 2023, biến thách thức thành cơ hội, tận dụng chuỗi cung ứng sẵn có tại thị trường để tạo lợi thế cạnh tranh tại thị trường nội địa, liên tục bám sát tình hình thị trường, linh hoạt các giải pháp bán hàng, rút ngắn độ trễ của giá từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ, nỗ lực duy trì vận hành công suất cao, điều chỉnh thời gian bảo dưỡng nhằm tận dụng tối đa điều kiện thuận lợi của thị trường.

Rủi ro phát triển sản phẩm thay thế, áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với ô tô

Xu hướng chuyển dịch năng lượng đã và đang diễn ra mạnh mẽ trên khắp thế giới. Quá trình chuyển dịch năng lượng ở thế kỷ 21 là con đường hướng tới chuyển đổi ngành năng lượng toàn cầu với mục tiêu giảm phát thải carbon góp phần giảm thiểu biến đổi khí hậu.

BSR cũng từng bước tham gia chuyển dịch từ nhiên liệu hóa thạch sang các nguồn năng lượng xanh/sạch của Việt Nam bằng cách chủ động triển khai các giải pháp phát triển năng lượng mặt trời, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm E5, E10 và E100; Đẩy mạnh công tác nghiên cứu phát triển. Tập trung đẩy mạnh nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới đặc biệt sản phẩm phù hợp với chuyển dịch năng lượng. Hiện tại, BSR đang triển khai Nghiên cứu, pha chế thử nghiệm sản phẩm xanh.



Rủi ro về tài chính

Rủi ro về lãi suất:

Đây là rủi ro phát sinh khi có sự biến động của chênh lệch lãi suất, giữa lãi suất đầu tư tiền gửi ngân hàng với lãi suất phải trả cho việc đi vay, dẫn đến làm giảm thu nhập tài chính của Công ty. Vì vậy, BSR luôn chú trọng đến công tác dự báo/ lập kế hoạch, cân đối dòng tiền hàng tháng, phân tích, đánh giá để quyết định gửi tiền, vay vốn đạt tối ưu và hiệu quả.

Rủi ro về tỷ giá:

Nhận thức được tầm quan trọng của việc quản trị rủi ro về tỷ giá, BSR chú trọng công tác dự báo, cập nhật tình hình kinh tế vĩ mô, tình hình tài chính thế giới và trong nước/ công tác điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước, theo dõi sát sao các biến động của tỷ giá để xây dựng và triển khai các phương án kinh doanh phù hợp, linh hoạt và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Với việc sử dụng ngoại tệ trong giao dịch kinh doanh và trả nợ vay, biến động về tỷ giá có ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động kinh doanh của BSR. Song song với công tác quản trị về tỷ giá nêu trên, BSR luôn triển khai đến các Ngân hàng về việc chào tỷ giá ngoại tệ cạnh tranh cho từng giao dịch, lựa chọn mua với tỷ giá tốt nhất.

Rủi ro về hoạt động, tuân thủ

Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ISO 45001:2018 và ISO 50001:2018; xây dựng hệ thống văn bản quản lý nội bộ điều chỉnh các mảng hoạt động và thực hiện việc rà soát, cập nhật sửa đổi/bổ sung hàng năm hoặc ngay khi có thay đổi của pháp luật liên quan. Các hoạt động kiểm tra, đánh giá sự tuân thủ pháp luật, tuân thủ quy chế/quy định/tiêu chuẩn ISO đã được Công ty tổ chức triển khai thường xuyên (định kỳ hàng quý hoặc đột xuất) để đảm bảo tính hiệu lực/khả thi của hệ thống văn bản quản lý nội bộ và nâng cao tinh thần thực thi pháp luật. Công ty đã triển khai hệ thống quản trị rủi ro doanh nghiệp nhằm phát hiện/cảnh báo và đưa ra các giải pháp hạn chế/xử lý các rủi ro có thể xảy ra tác động tiêu cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh

Rủi ro liên quan đến hoạt động đầu tư vào công ty con

Hiện nay, BSR tham gia góp vốn vào 04 công ty với tổng giá trị vốn góp theo mệnh giá là 899,3 tỷ đồng, trong đó có 02 Công ty con (Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí – PV Building và Công ty cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung – BSR – BF) và 02 công ty liên kết (Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa công trình Dầu khí – PMS, Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam – PVOS).

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty PV Building và PMS tương đối ổn định, có triển vọng phát triển và sinh lời qua các năm. Đối với Công ty PVOS (BSR tham gia góp vốn với giá trị đầu tư 4,2 tỷ đồng): Hoạt động của PVOS đến nay vẫn nằm trong giai đoạn triển khai đầu tư xây dựng dự án nên chưa phát sinh doanh thu.

BSR đã tiến hành thủ tục để thoái vốn tại PMS, PVOS. Tuy nhiên công tác thoái vốn tại 2 đơn vị này hiện đang gặp vướng mắc về hành lang pháp lý liên quan đến thoái vốn tại các đơn vị chưa phải là công ty cổ phần đại chúng. BSR đã có công văn kiến nghị cấp có thẩm quyền và sẽ tiếp tục triển khai thực hiện công tác thoái vốn tại PMS, PVOS sau khi có hướng dẫn.

Hoạt động của BSR-BF gặp nhiều khó khăn, chưa đem lại hiệu quả, đến thời điểm 31/12/2020, Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ giá trị khoản đầu tư vào BSR-BF. Hiện nay BSR-BF đang triển khai phương án phá sản doanh nghiệp theo phê duyệt của các cổ đông.

Rủi ro trong quá trình đầu tư dự án

BSR đang tiếp tục tập trung nguồn lực để triển khai thực hiện các công việc tiếp theo phù hợp với Quyết định số 482/QĐ-TTg ngày 05/05/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất. Dự án với tổng mức đầu tư lớn nên quá trình triển khai sẽ qua nhiều thủ tục phức tạp có thể ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện, đồng thời việc thu xếp vốn cho Dự án cũng gặp nhiều thách thức, đặc biệt là nguồn vốn tín dụng xuất khẩu.



02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD TRONG NĂM 2023



Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Năm 2023, kết quả các chỉ tiêu SXKD chính của Công ty như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023		Thực hiện
				KH theo NQ ĐHĐCĐ số 2676/NQ-BSR ngày 13/04/2023	KH điều chỉnh theo NQ HĐQT số 7324/NQ-BSR ngày 29/12/2023 (*)	
I Chỉ tiêu sản lượng						
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	7.010.828	5.624.734	6.765.415	7.367.305
2	Sản lượng tiêu thụ		7.003.079	5.624.734	6.765.415	7.340.677
II Chỉ tiêu tài chính (hợp nhất)						
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	168.963,8	95.644,8	145.102,4	150.115,9
2	Nộp NSNN		19.040,7	9.825,3	15.703,3	17.389,6
3	Lợi nhuận trước thuế		15.585,8	1.820,6	5.428,3	9.639,3
4	Lợi nhuận sau thuế		14.669,3	1.628,4	4.867,7	8.592,6
III Chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ						
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	168.898,0	95.370,8	145.013,8	150.073,2
2	Nộp NSNN		19.027,5	9.812,8	15.692,3	17.378,7
3	Lợi nhuận trước thuế		15.750,5	1.912,7	5.586,8	9.800,5
4	Lợi nhuận sau thuế		14.836,2	1.721,5	5.028,1	8.755,1

(*) Nghị quyết số 2676/NQ-BSR ngày 13/04/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 đã ủy quyền cho HĐQT BSR phê duyệt điều chỉnh kế hoạch năm 2023.

Phân tích hiệu quả sản xuất kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ năm 2023 là 8.755,11 tỷ đồng vượt 412% kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua và 75% kế hoạch điều chỉnh. Các yếu tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty cụ thể như sau:

Sản lượng

Năm 2023, BSR thực hiện tối ưu thời gian thực hiện công tác bảo dưỡng tổng thể lần 5 từ tháng 06/2023 sang tháng 03/2024, đồng thời Nhà máy được vận hành liên tục ở công suất trung bình là 111% công suất thiết kế đã làm tăng tổng sản lượng sản xuất và tiêu thụ của Nhà máy. Tổng sản lượng sản phẩm tiêu thụ cả năm 2023 đạt 7.340 nghìn tấn, vượt 31% kế hoạch được ĐHĐCĐ thông qua và 9% kế hoạch điều chỉnh đã góp phần làm tăng doanh thu và lợi nhuận của Công ty.



Giá dầu thô và sản phẩm

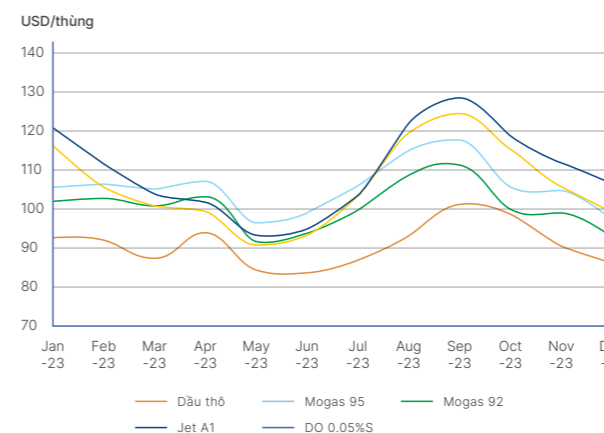
Trong nửa đầu năm 2023, giá dầu chịu áp lực giảm do tăng trưởng kinh tế của Trung Quốc không như kỳ vọng, các đợt tăng lãi suất của các Ngân hàng TW lớn như FED, ECB, BOE và khủng hoảng ngân hàng khi Silicon Valley Bank, Signature Bank, Credit Suisse và First Republic Bank vỡ nợ. Mặc dù, ngày 02/4, OPEC+ bất ngờ công bố cắt giảm sản lượng dầu tự nguyện bổ sung với tổng khối lượng là 1,66 triệu thùng/ngày và sẽ có hiệu lực từ tháng 5/2023 đến cuối năm 2023 nhưng sau khi tăng vọt phiên thì giá dầu lại tiếp tục giảm do thị trường lo ngại rằng rủi ro suy thoái kinh tế toàn cầu sẽ làm giảm nhu cầu nhiên liệu.

Đến Quý III/2023 giá dầu tăng mạnh sau khi OPEC+ thống nhất gia hạn chính sách sản lượng hiện tại đến cuối năm 2024 và Saudi Arabia cắt giảm tự nguyện thêm 1 triệu thùng/ngày trong tháng 7/2023 và có thể gia hạn tùy tình hình thị trường. Điều này đã tác động lớn đến hiệu quả SXKD của Công ty, lợi nhuận sau thuế hợp nhất Quý III/2023 là 3.235 tỷ đồng, trong khi lợi nhuận 6 tháng đầu năm là 2.951 tỷ đồng, cao hơn 109,6%.

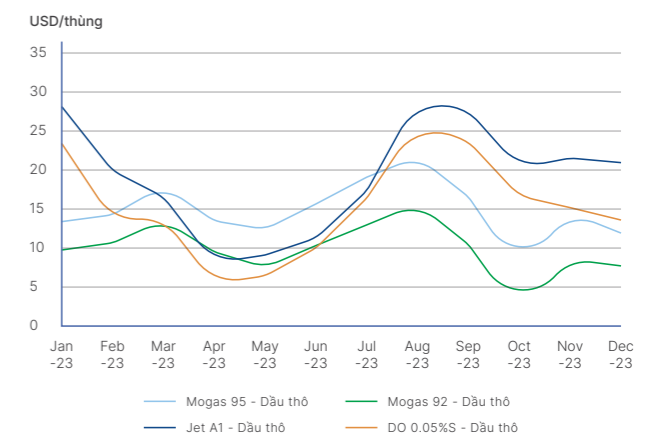
Từ tháng 10/2023 đến nay giá quay đầu giảm lại, ngày 16/11, giá dầu giảm mạnh xuống còn 78,15 USD/bbl. Giá dầu thô và sản phẩm bình quân năm 2023 giảm mạnh so với năm 2022 nhưng vẫn cao hơn so với kế hoạch năm 2023 đây là nguyên nhân tích cực chính đẩy lợi nhuận của công ty vượt xa kế hoạch năm 2023 được ĐHĐCĐ phê duyệt và vượt kế hoạch năm 2023 điều chỉnh.

Diễn biến giá dầu thô, sản phẩm từ đầu năm đến tháng 12/2023 được thể hiện ở biểu đồ sau:

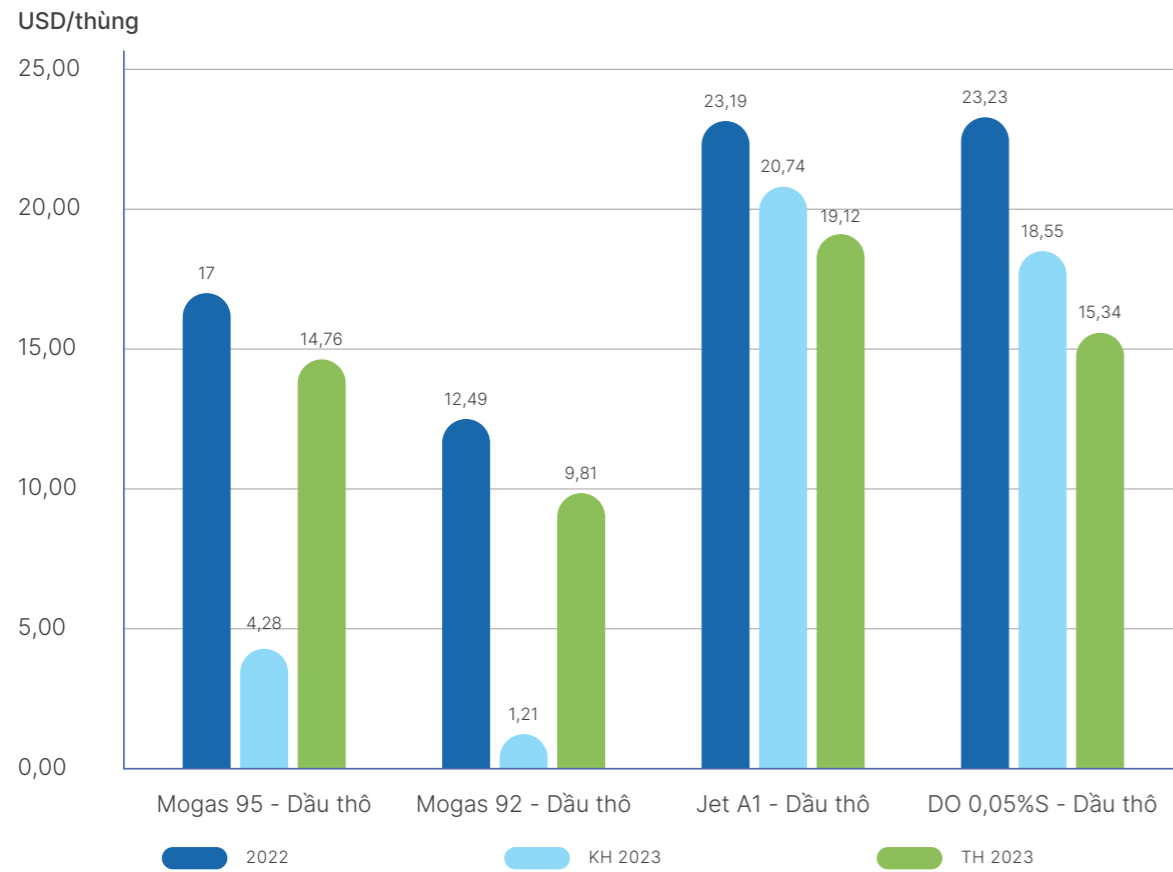
DIỄN BIẾN GIÁ DẦU THÔ & SẢN PHẨM TRONG NĂM 2023



DIỄN BIẾN CHÊNH LỆCH GIÁ SẢN PHẨM & DẦU THÔ TRONG NĂM 2023



CHÊNH LỆCH GIÁ SẢN PHẨM & DẦU THÔ NĂM 2022 & YTD 2023



Nội dung	2022	2023		Chênh lệch	
		KH	TH	TH23 vs. TH22	TH23 vs. KH23
Dầu thô	108,01	78,10	90,75	-16,0%	16,2%
Mogas 95	125,01	82,38	105,51	-15,6%	28,1%
Mogas 92	120,50	79,31	100,56	-16,5%	26,8%
Jet A1	131,20	98,84	109,87	-16,3%	11,2%
DO 0,05%S	131,24	96,65	106,09	-19,2%	9,8%
Mogas 95- Dầu thô	17,00	4,28	14,76	-13,2%	244,9%
Mogas 92- Dầu thô	12,49	1,21	9,81	-21,4%	710,2%
Jet A1- Dầu thô	23,19	20,74	19,12	-17,6%	-7,8%
DO 0,05%S-Dầu thô	23,23	18,55	15,34	-34,0%	-17,3%

Ghi chú:

- Giá dầu thô được tính trên cơ sở giá dầu Dtd Brent + Premium + các chi phí khác có liên quan.
- Giá sản phẩm được tính trên cơ sở giá MOPS + Premium/Discount.

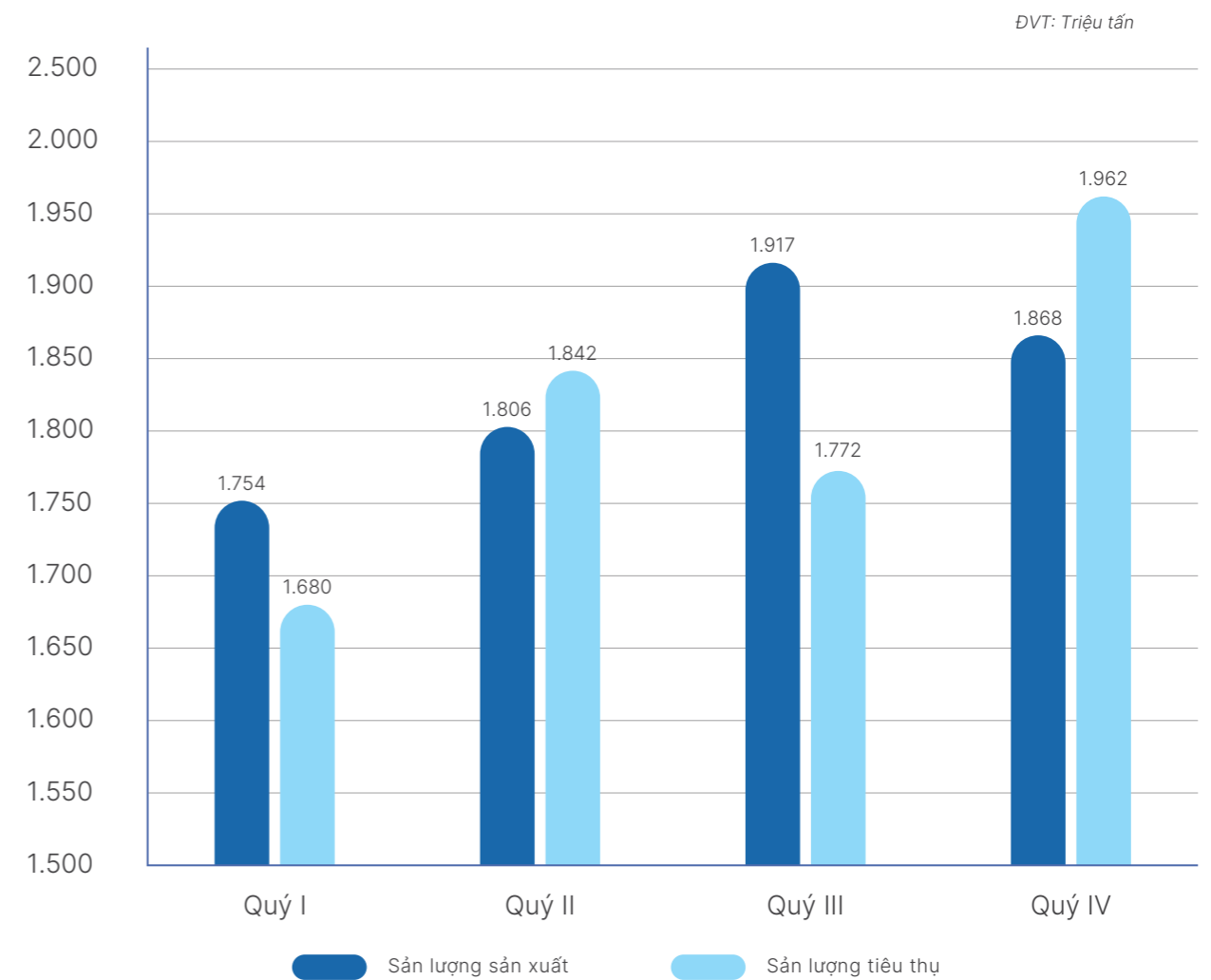
Sản lượng sản xuất, tiêu thụ và doanh thu

Nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng bắt đầu trải qua những khó khăn thực sự trong năm 2023, là hậu quả tiếp diễn từ đại dịch Covid-19. Là ngành quan trọng và có nhiều đóng góp vào nền kinh tế, ngành lọc dầu chịu ảnh hưởng trực tiếp từ những bất ổn này.

Sản lượng sản xuất của Công ty năm 2023 đạt 7.367 nghìn tấn, vượt 8,9% so với kế hoạch đề ra từ đầu năm. So với mức thực hiện năm 2022, sản lượng sản xuất năm 2023 tăng 5,1%. Sản lượng tiêu thụ 2023 cũng có diễn biến tương tự, đạt 7.340 nghìn tấn, bám sát theo sản lượng sản xuất và vượt 8,5% so với kế hoạch cả năm. Sản lượng tiêu thụ cũng tăng 4,8 so với năm 2022.

Tổng doanh thu đạt 150.116 tỷ đồng, vượt 3,5% so với kế hoạch.

SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT VÀ SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ CÁC QUÝ TRONG NĂM 2023



Chi phí sản xuất kinh doanh

Để tối đa hóa lợi nhuận, BSR xác định công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí là nhiệm vụ trọng tâm, BSR đã ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm chống lãng phí năm 2023 tại Nghị quyết số 2738/NQ-BSR ngày 19/04/2023 với mục tiêu tiết giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

Với các nỗ lực thực hiện triệt để các giải pháp tiết giảm chi phí, kết quả thực hiện tiết giảm chi phí năm 2023 là 260,69 tỷ đồng đạt 115,4% so với kế hoạch tiết giảm đã góp phần làm tăng lợi nhuận của Công ty

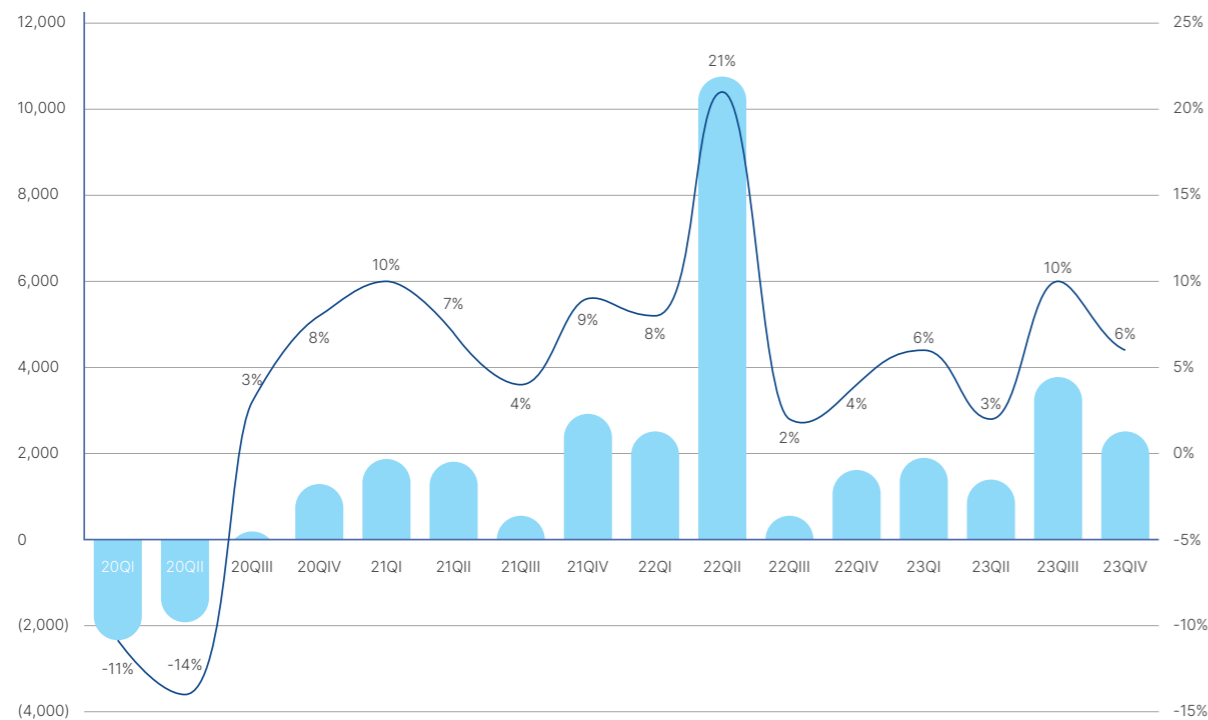


Lợi nhuận và chi phí

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất năm 2023 là 8.593 tỷ đồng, vượt kế hoạch điều chỉnh 76,5%. Công ty tiếp tục duy trì mức lợi nhuận cao đạt được nhờ diễn biến thị trường tương đối thuận lợi cũng như những nỗ lực trong việc cải tiến công nghệ, đa dạng hóa sản phẩm và tối ưu vận hành.

Biên lợi nhuận gộp của công ty tiếp tục duy trì ở mức từ 6% - 10% và ổn định trong suốt cả năm 2023. Riêng quý III/2023, nhờ thị trường thuận lợi cùng sự ổn định trong sản xuất kinh doanh, biên lợi nhuận gộp của Công ty đạt mức 10%, ghi nhận lợi nhuận gộp là hơn 3,6 nghìn tỷ đồng, đóng góp lớn vào kết quả kinh doanh tích cực của Công ty.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ VÀ BIÊN LỢI NHUẬN GỘP THEO QUÝ



Dòng tiền, sức khỏe tài chính

Nhờ kết quả kinh doanh thuận lợi, các chỉ số tài chính của BSR đạt trạng thái lành mạnh nhất trong 05 năm trở lại đây với các chỉ tiêu dòng tiền tăng mạnh so với năm 2022. Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh đạt 11,6 nghìn tỷ và lượng tiền mặt ròng đạt 21,8 nghìn tỷ, tăng lần lượt 66% và 33% so với kết quả năm 2022.

Cùng các chỉ tiêu về khả năng thanh toán tăng và hệ số cơ cấu vốn giảm về nợ vay, BSR đang có sức khỏe tài chính rất tốt, là nguồn lực quan trọng để Công ty nắm bắt các cơ hội trên thị trường dầu thế giới trong bối cảnh giá dầu tiếp tục có nhiều biến động và là tiền đề quan trọng cho việc triển khai các dự án đầu tư mới trong tương lai.

Chỉ tiêu	Đơn vị	2019	2020	2021	2022	2023
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	4.937	425	8.971	7.087	11.673
Tiền mặt ròng	Tỷ đồng	2.058	768	9.763	16.079	21.824
Hệ số nợ vay/tổng tài sản	Lần	0,12	0,23	0,44	0,35	0,34
Tỷ lệ thanh toán hiện thời	Lần	2,08	1,47	1,65	2,25	2,41
Tỷ lệ thanh toán nhanh	Lần	1,42	1,06	1,27	1,60	1,87

Công tác an ninh, an toàn, môi trường và phòng chống cháy nổ

Năm 2023, BSR đã thực hiện công tác An ninh, An toàn, Môi trường và Phòng chống cháy nổ (ATSKMT) được đảm bảo với kết quả như sau: Không có sự cố mất an ninh, không có sự cố cháy nổ, không có sự cố môi trường và không có sự cố mất ngày công lao động. Đến ngày 31/12/2023, BSR đạt hơn 42,2 triệu giờ công an toàn không có tai nạn lao động mất ngày công (LTI). Công việc được triển khai chủ động bám sát kế hoạch, chương trình đề ra. Công tác kiểm tra, giám sát, huấn luyện và quản lý về an toàn, PCCC được thực hiện thường xuyên với các kết quả như sau:

Công tác kiểm tra, giám sát, huấn luyện và quản lý về an toàn, PCCC:

- 100% các thiết bị/ hệ thống PCCC được quản lý và kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ theo quy định đảm bảo thiết bị/ hệ thống hoạt động sẵn sàng.
- Tổ chức thực hiện 169 đợt gồm: 168 đợt thực tập ứng phó tình huống khẩn cấp cấp 1 và 01 đợt diễn tập ứng phó tình huống khẩn cấp cấp 2.
- Hệ thống quản lý ATSKMT và kiểm soát rủi ro được triển khai xây dựng, duy trì áp dụng, đánh giá, cải tiến liên tục theo tiêu chuẩn ISO 45001:2018 và ISO 14001:2015, các thành phần của Hệ thống quản lý An toàn công nghệ.
- Đào tạo ATSKMT 14 khóa cho hơn 7.473 lượt CBCNV, tổng số giờ công đào tạo tích lũy là 23.415 giờ, trung bình 15,27 giờ/người.

Công tác quản lý môi trường:

- Nước thải, khí thải từ hoạt động sản xuất được thu gom, xử lý đạt chất lượng theo các quy chuẩn.
- Thực hiện 04 đợt quan trắc môi trường theo đánh giá tác động môi trường, 04 đợt quan trắc chất lượng nguồn nước biển khai thác sử dụng và 06 đợt quan trắc chất lượng nước thải sau xử lý và nguồn nước tiếp nhận.
- Trong năm, Công ty có 02 đợt làm việc với Tổ Giám sát môi trường thuộc Tổng cục Môi trường được đánh giá không có vi phạm pháp luật về môi trường.

Công tác chăm sóc sức khỏe người lao động:

- Trong năm 2023, Công ty đã khám bệnh và cấp thuốc cho 5.632 lượt CBCNV; Thực hiện quan trắc môi trường lao động định kỳ 2 đợt.



Công tác quản lý an toàn lao động:

- Thực hiện đầy đủ và hiệu quả công tác giám sát tuân thủ các quy định an toàn lao động tại Nhà máy lọc dầu Dung Quất bởi 3 tầng giám sát: Giám sát của Đội thực thi công việc, Giám sát của Quản lý khu vực, Giám sát của Giám sát viên an toàn và các đoàn kiểm tra an toàn lao động định kỳ/ chuyên đề.
- Triển khai có hiệu quả Kế hoạch Văn hóa an toàn thông qua các chương trình quan sát hành vi an toàn (SAO) với 53.049 thẻ, thẻ đánh giá thực thi an toàn (SAC) với 4.095 thẻ và triển khai Thực hành văn hóa an toàn các quý I, II/2023 với chủ đề: "Nhận diện sớm, phòng ngừa xa" và quý III, IV theo chủ đề "Tuân thủ quy trình nghiệp vụ, thực thi kỷ luật".
- Đã triển khai số hóa công tác quản lý ATMT: Giấy phép làm việc (PTW), SAO, SAC, Báo cáo an toàn lao động hàng ngày và Kiểm tra ATSKMT các cấp lãnh đạo.

Công tác an ninh:

- Phối hợp với các lực lượng liên quan (Công an, Biên phòng, Chính quyền địa phương) tổ chức và thực hiện các phương án, kế hoạch và biện pháp nghiệp vụ đảm bảo an ninh trật tự, an toàn tại Nhà máy.
- Phối hợp với các cơ quan liên quan phát hiện, ngăn chặn xử lý các trường hợp người dân xâm phạm hành lang bảo vệ Nhà máy.
- Phối hợp với lực lượng bảo vệ, Công an, Biên phòng tổ chức tuần tra, kiểm soát an ninh an toàn các mục tiêu trên Nhà máy.
- Xây dựng phương án an ninh tổng thể cho Nhà máy lọc dầu Dung Quất trong giai đoạn Bảo dưỡng tổng thể lần 5.
- Ngoài ra, Công ty đã phối hợp với Bộ đội Biên phòng, chính quyền địa phương tổ chức công tác tuyên truyền an ninh, an toàn đối với Nhà máy lọc dầu Dung Quất cho nhân dân địa phương.



Công tác vận hành, bảo dưỡng sửa chữa và kiểm tra thiết bị

Công tác vận hành



Triển khai vận hành các phân xưởng/Nhà máy theo kế hoạch được phê duyệt, công suất vận hành trung bình năm 2023 là 111% công suất thiết kế. Đồng thời, BSR cũng đã kiểm soát chặt chẽ các điểm nhạy cảm về kỹ thuật, các bất thường công nghệ/thiết bị, các mối nguy tiềm ẩn có thể gây ra sự cố về ổn định vận hành đảm bảo duy trì Nhà máy vận hành an toàn, ổn định đến TA5. Trong năm 2023, BSR cũng đã hoàn thành thử nghiệm chế biến 2 chủng loại dầu thô mới là Palanca Blend và Bertam với tỷ lệ chế biến đến 36 %vol, góp phần đa dạng hóa chủng loại dầu thô chế biến tại NMLD Dung Quất.

Công tác kiểm tra thiết bị và bảo dưỡng sửa chữa



Trong năm 2023, công tác bảo dưỡng sửa chữa tiếp tục được triển khai thực hiện theo kế hoạch đề ra đảm bảo Nhà máy vận hành an toàn và tin cậy, các thành tựu điển hình đạt được trong năm 2023 như sau:

- Hoàn thành công tác đánh giá tối ưu thời điểm TA5 và điều chỉnh thời điểm thực hiện TA5 từ tháng 6/2023 sang tháng 3/2024. Hoàn thành công tác tổ chức đánh giá lựa chọn nhà thầu các gói thầu chính TA5, thực hiện kiểm soát tốt công tác kế hoạch và tiến độ công việc chuẩn bị TA5.
- Hoàn thành cập nhật quy trình, với việc bổ sung điểm mới về điện tử hóa các khâu trong công tác triển khai công việc.
- Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng gồm 37 nhân sự chất lượng cao cho NMLD Nghi Sơn trong đợt Bảo dưỡng tổng thể.
- Thực hiện sửa chữa, bảo dưỡng, đại tu, làm sạch và gia công vượt tiến độ, gia công mới nhiều hạng mục, chi tiết như công trình biển, van an toàn, thiết bị cơ khí tĩnh, quay, thiết bị điện và công tác chế tạo cho các dự án cải hoán như hoàn thành công việc chế tạo khẩn theo các MOC.



Kết quả tối ưu hóa sản xuất, tiết giảm chi phí sản xuất kinh doanh

Trong năm 2023, BSR tích cực thực hiện công tác tối ưu hóa sản xuất, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm và đẩy nhanh việc triển khai, cập nhật các chương trình hành động hàng năm về tối ưu hóa sản xuất, tiết kiệm chi phí nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, cụ thể như sau:

Tối ưu hóa năng lượng



Giám sát chặt chẽ và tối ưu quá trình sản xuất/tiêu thụ năng lượng của các khu vực trong Nhà máy. Chỉ số năng lượng EII trung bình 11 tháng đầu năm 2023 là 104,5% (KPI EII năm 2023 là 105%).

Thực hiện công tác cải tiến liên tục thông qua cuộc họp hàng ngày rà soát các biến ảnh hưởng năng lượng để kịp thời có hành động khắc phục/phòng ngừa.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp tối ưu năng lượng như lắp đặt biển tần cho các động cơ điện chạy non tải, giảm tốc độ của quạt cấp gió nồi hơi, v.v...

Tiếp tục triển khai các dự án tối ưu hóa năng lượng lắp đặt thiết bị trao đổi nhiệt tại phân xưởng U-32 và CDU.

Tối ưu hóa công nghệ



Nghiên cứu các giải pháp để khai thác tối đa công suất khả dụng các phân xưởng nhằm tăng sản lượng sản xuất và tiết giảm chi phí sản xuất: CDU 114%, NHT 137%, CCR 112%, KTU 135%, SRU2 110% công suất thiết kế.

Nghiên cứu, sản xuất và xuất bán thành công 3 sản phẩm mới: BOPP, RFCC Naphtha, MixC4.

Đa dạng hóa nguồn dầu thô, nguyên liệu trung gian như chế biến VGO, LSFO tại RFCC với tỷ lệ lên đến 10%, chế biến thành công 2 chủng loại dầu thô mới là Palanca Blend và Bertam với tỷ lệ chế biến lên trên 35 %vol, nâng tỷ lệ chế biến dầu Bu Attifel lên 40%vol.

Nghiên cứu và triển khai thử nghiệm các chủng loại HPXT và phụ gia mới nhằm đa dạng nhà cung cấp, tăng tính cạnh tranh. Đã đánh giá và thử nghiệm, góp phần giảm 9 HPXT và phụ gia độc quyền.

Thực hiện các giải pháp tối đa chỉ số RON của RFCC Naphtha, Reformate và Isomerate để tăng sản lượng xăng Mogas 95 để tăng tỷ trọng sản lượng xăng Mogas 95/Mogas 92 trên 70%/30%.

Hoàn thành bộ tiêu chuẩn kỹ thuật và giải pháp để sẵn sàng nhập nguyên liệu và cấu tử bổ sung cho mục đích khai thác tối đa công suất khả dụng các phân xưởng công nghệ và phối trộn với các sản phẩm của Nhà máy.

Tối ưu hoá cơ cấu sản phẩm nhằm tăng sản lượng sản phẩm có giá trị (xăng Mogas 95, Propylene, Jet A1, Diesel) và giảm sản phẩm ít giá trị (LPG, FO).

Triển khai thành công nhiều giải pháp cải tiến lớn, mang lại hiệu quả cao cho Nhà máy như: Trích 1 phần Naphtha (18m³/h) từ TPA của phân xưởng CDU sang bể chứa nguyên liệu phân xưởng NHT (TK-5112) giúp tăng khả năng chế biến dầu nhẹ và công suất Nhà máy, giảm lưu lượng dòng DCO xuống 22m³/h.

Triển khai nghiên cứu, đánh giá về thiết kế, kỹ thuật công nghệ của Nhà máy để làm cơ sở quyết định tối ưu thời điểm BDTT lần 5 từ tháng 6/2023 sang tháng 3/2024.

Triển khai thực hiện đúng tiến độ và chất lượng 62 dự án, giải pháp cải tiến thực hiện trong TA5.

Nghiên cứu và triển khai các dự án đầu tư hạ tầng để tăng khả năng lưu trữ, vận chuyển nguyên liệu và sản phẩm của Nhà máy nhằm tăng độ linh động và đảm bảo an toàn vận hành.

Nghiên cứu về Chuyển dịch năng lượng, giải pháp công nghệ để tăng tỷ trọng hóa dầu, hóa chất cho Nhà máy trong tương lai.

Hoàn thành bộ tiêu chuẩn kỹ thuật và giải pháp để sẵn sàng nhập nguyên liệu và cấu tử bổ sung





Triển khai số hóa, xây dựng hệ thống báo cáo thông minh theo thời gian thực toàn Công ty

Công tác nghiên cứu khoa học

Trong năm 2023, BSR đã triển khai và hoàn thành các nhiệm vụ khoa học công nghệ (KHCN) trong Kế hoạch hoạt động KHCN, cụ thể như sau:

- 10 sáng kiến đạt giải thưởng tại Hội thi sáng tạo kỹ thuật tỉnh Quảng Ngãi lần thứ 13 (2022 - 2023): 01 giải nhất, 02 giải nhì, 05 giải ba, 02 giải khuyến khích.
- Gửi hồ sơ đăng ký sáng kiến cấp Tập đoàn PVN (06 sáng kiến), tham dự giải thưởng sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam năm 2023 (06 sáng kiến), tham dự hội thi sáng tạo kỹ thuật toàn quốc (07 sáng kiến).
- Công nhận 328 ý tưởng khả thi để áp dụng vào thực tế và 423 cải tiến thành công đang được áp dụng vào hoạt động SXKD của Công ty.
- Chương trình “01 triệu sáng kiến - nỗ lực vượt khó, sáng tạo, quyết tâm chiến thắng đại dịch Covid-19”.
- Bằng khen của Ban chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cho tập thể và 02 cá nhân tiêu biểu xuất sắc của BSR.
- Bằng khen của Công đoàn Dầu khí Việt Nam cho 19 cá nhân tiêu biểu xuất sắc của BSR.
- Nghiên cứu tối ưu quá trình trao đổi nhiệt tại vùng đối lưu H-1101 thông qua việc tăng sản xuất hơi thấp áp quá nhiệt và đem thay thế MPS đang dùng tại thiết bị reboiler E-2316 (DIH T-2303).
- Nghiên cứu ảnh hưởng của amin tiềm ẩn trong dầu thô đến khả năng vận hành của phân xưởng chưng cất dầu thô (CDU).
- Nghiên cứu sản xuất thử nghiệm hạt nhựa PP sử dụng làm nguyên liệu sản xuất màng BOPP, sợi thừng và vải không dệt.
- Nghiên cứu ứng dụng sơn Nano bảo vệ thiết bị và đường ống NMLD Dung Quất.
- Nghiên cứu các giải pháp giảm lượng hao hụt trong quá trình sản xuất tại phân xưởng PP.
- Nghiên cứu ứng dụng hệ thống thu hồi khí nhiên liệu từ dòng khí xả ra trước đốt chính (Flare Gas Recovery Project).

Công tác chuyển đổi số

Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số theo lộ trình, từng bước chuyển đổi phương thức làm việc, hoạt động. Gia tăng hiệu quả khai thác và các giải pháp bổ trợ-tích hợp với hệ thống ERP đảm bảo toàn bộ các nghiệp vụ sản xuất kinh doanh tài chính của Công ty hoạt động quản trị trên nền tảng số. Dùng chuyển đổi số thúc đẩy tạo các giá trị mới, văn hóa chuyển đổi/linh hoạt thích ứng cho Công ty/Nhà máy, định hướng tới nhà máy sản xuất thông minh. Kết quả thực hiện chuyển đổi số năm 2023 như sau:

- Đã triển khai và đưa vào khai thác giải pháp quản lý An toàn - Sức khỏe - Môi trường tích hợp.
- Đã triển khai và đưa vào khai thác giải pháp quản lý mua sắm điện tử D-procure.
- Đã hoàn thành cải tiến giải pháp văn phòng điện tử mở rộng giải pháp ký điện tử với các đối tác, ký hợp đồng điện tử, quản lý công việc.
- Đã phát triển và đưa vào khai thác phân hệ quản lý thanh toán đồng bộ từ hóa đơn-đề nghị thanh toán-ủy nhiệm chi, kết nối ngân hàng.
- Đã triển khai và hoàn thiện giải pháp lập lịch trình sản xuất (PSS) tích hợp với giải pháp lập kế hoạch sản xuất (LP) và tối ưu phối trộn dầu thô, tối ưu phối trộn sản phẩm.
- Đang triển khai số hóa, xây dựng hệ thống báo cáo thông minh theo thời gian thực toàn Công ty.
- Hoàn thành nâng cấp một số hệ thống MIS/MES đã lỗi thời và không đáp ứng yêu cầu của BSR như: LIMS, RBI.
- Đang triển khai giải pháp quản lý vào ra bằng nhận diện khuôn mặt kết hợp giám sát phân tích hình ảnh phục vụ công tác an ninh an toàn.
- Tiếp tục hoàn thiện hạ tầng và điều kiện các phòng máy chủ để đảm bảo tính tin cậy sẵn sàng của hệ thống công nghệ thông tin.
- Tiếp tục hoàn thiện các giải pháp/công nghệ, quy trình kiểm soát, con người đảm bảo an toàn an ninh mạng và an toàn dữ liệu.

Cung ứng dầu thô và tiêu thụ sản phẩm

Cung cấp dầu thô và nguyên liệu trung gian

Năm 2023, BSR mua khoảng 7,97 triệu tấn dầu thô trong nước và nhập khẩu trong đó khối lượng dầu Việt Nam (Bạch Hổ, Đại Hùng, Tê Giác Trắng, Sư Tử Đen, Ruby, Chim Sáo, Rạng Đông, Hải Thạch) là 5,6 triệu tấn, khối lượng dầu thô nhập khẩu các loại (Azeri, WTI Midland, Kimanis, Bu Attifel, Rabi) là 2,14 triệu tấn, nguyên liệu trung gian là 202 nghìn tấn.

Khối lượng sản phẩm tiêu thụ trong năm 2023 thể hiện ở bảng sau:

STT	Sản phẩm	ĐVT	Năm 2023			So sánh	
			KH theo NQ ĐHCĐ số 2676/NQ-BSR	KH điều chỉnh theo NQ HĐQT số 7324/NQ-BSR	Thực hiện	So với KH	So với KH điều chỉnh
1	Polypropylene	Tấn	135.106	163.164	177.297	131%	109%
2	LPG	Tấn	396.532	437.286	475.114	120%	109%
3	Xăng E5 RON 92	Tấn	38.270	25.968	26.261	69%	101%
4	Xăng RON 92	Tấn	788.786	905.906	979.794	124%	108%
5	Xăng RON 95	Tấn	1.382.587	1.762.823	1.946.475	141%	110%
6	Jet A1	Tấn	428.020	520.874	560.718	131%	108%
7	Diesel Oil	Tấn	2.362.009	2.768.318	3.032.533	128%	110%
8	FO/MFO	Tấn	91.373	177.802	138.902	152%	78%
9	Lưu huỳnh	Tấn	2.052	3.274	3.582	175%	109%
TỔNG		Tấn	5.624.734	6.765.415	7.340.677	131%	109%

Xăng dầu: Năm 2023, BSR ký kết hợp đồng term/miniterm với 22 khách hàng, tổng khối lượng xăng dầu BSR đã xuất bán ra thị trường trong năm là 6.684 nghìn tấn đã bao gồm các sản phẩm nhiên liệu quốc phòng (Xăng Ron 83, Jet A1-K và Diesel Oil L-62) vượt 31% kế hoạch được ĐHCĐ thông qua tại Nghị quyết số 2676/NQ-BSR và vượt 8% so với KH điều chỉnh.

LPG: Tổng khối lượng LPG xuất bán trong năm 2023 là 475,1 nghìn tấn vượt 20% kế hoạch được ĐHCĐ thông qua tại Nghị quyết số 2676/NQ-BSR và vượt 9% so với KH điều chỉnh.

Polypropylene (PP): Trong năm 2023, tổng sản lượng PP tiêu thụ là 177,29 nghìn tấn vượt 31% kế hoạch được ĐHCĐ thông qua tại Nghị quyết số 2676/NQ-BSR và vượt 9% so với KH điều chỉnh.

Tình hình tồn kho vật tư thiết bị dự phòng, hóa phẩm xúc tác

Vật tư thiết bị dự phòng, hóa phẩm xúc tác

Kho	Tồn kho ngày 31/12/2023
Kho vật tư, phụ tùng	2.230,7
Kho dầu mỡ bôi trơn	5,9
Kho xúc tác hóa phẩm LD+PP	233,1
Kho hóa chất thí nghiệm	5,9

ĐVT: Tỷ đồng

Dầu thô, sản phẩm

Khối lượng lưu kho ước cuối năm 2023 là 279,7 nghìn tấn dầu thô và 110,67 nghìn tấn sản phẩm các loại.



Tổ chức nhân sự

Những thay đổi trong Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Năm 2023, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn ghi nhận sự thay đổi về nhân sự trong HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cụ thể như sau:

- Ông Hạng Anh Minh được bầu giữ chức vụ Thành viên HĐQT từ ngày 13/04/2023.
- Ông Nguyễn Bá Phước được miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT từ ngày 13/04/2023.
- Ông Nguyễn Hải Âu được miễn nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT từ ngày 13/04/2023.
- Ông Nguyễn Ngọc Anh thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc - được nghỉ việc để hưởng chế độ hưu trí từ ngày 01/07/2023.
- Ông Trần Thái Bảo được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ ngày 01/08/2023.
- Ông Trần Đoàn Thịnh thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc để nhận nhiệm vụ khác từ ngày 15/08/2023.

Số lượng cán bộ, nhân viên, tóm tắt các chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

Số lượng cán bộ, nhân viên

Tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2023 là: 1.532 người, trong đó:

- Người quản lý (bao gồm: HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban Kiểm soát): 14 người.
- Nhân viên/Người lao động: 1.518 người.

1.532
TỔNG SỐ LAO ĐỘNG

Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

BSR xây dựng Quỹ tiền lương, Quỹ thưởng cho Người lao động và Người quản lý căn cứ vào Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ và Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Năm 2023, BSR hoàn thành xuất sắc kế hoạch sản xuất kinh doanh đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận, Công ty có nguồn để tạo nguồn trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi tập thể. Vì vậy, thu nhập của người lao động luôn được đảm bảo và tăng so với năm 2022.

Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách đối với người lao động như chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn - bệnh nghề nghiệp, chế độ phụ cấp độc hại và bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện độc hại, nguy hiểm; thực hiện chế độ khám chữa bệnh định kỳ đối với người lao động, phụ cấp tiền ăn ca, thưởng an toàn, chế độ bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm sức khỏe, chế độ nhà ở, xe đưa đón CBCNV đi làm việc hàng ngày...

Công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Với mục tiêu cao nhất là vận hành nhà máy an toàn, ổn định và hiệu quả, BSR đã linh hoạt ứng dụng công nghệ thông tin thông qua hệ thống E-Learning, E-test và các phần mềm liên quan hỗ trợ kịp thời cho CBCNV tham gia đầy đủ các chương trình đào tạo, đảm bảo tuân thủ các yêu cầu của pháp luật, yêu cầu của vị trí chức danh. Các hình thức đào tạo như: OJT, Coaching, Mentor-Mentee, đào tạo chuyên sâu, định hướng phát triển chuyên gia, đào tạo kỹ năng, quản lý, lý luận chính trị, đào tạo và lan tỏa các giá trị văn hóa bản sắc PVN/BSR, đào tạo cho công tác Bảo dưỡng tổng thể lần 5 đã được triển khai đồng bộ, có chất lượng và có chiều sâu theo đúng kế hoạch được phê duyệt. BSR đã thực hiện được 141 chương trình và chuỗi chương trình đào tạo cho 13.335 lượt người, đạt 192% số lượt người so với kế hoạch cả năm 2023. Tổng chi phí đào tạo đã sử dụng là 8 tỷ đồng.

Công tác đánh giá năng lực theo yêu cầu vị trí chức danh được thực hiện định kỳ và đạt nhiều kết quả. Trong năm 2023, BSR đã thực hiện hơn 200 lượt đánh giá tương đương với 2.000 giờ công đánh giá của các chuyên gia, cấp quản lý để đảm bảo năng lực thực hiện nhiệm vụ và phát triển đơn vị. BSR đã thực hiện tốt việc khuyến khích CBCNV tự học và phát triển nghề nghiệp, đảm bảo đầy đủ các yêu cầu năng lực theo chức danh đảm nhận.

Đến thời điểm hiện tại, BSR có 12 chuyên gia bậc 1, 01 chuyên gia bậc 2 theo tiêu chuẩn quốc tế và 05 chuyên gia tư vấn. Đội ngũ nhân sự kỹ thuật và chuyên gia BSR đã làm chủ được công nghệ tiên tiến của Nhà máy và đã dần thay thế các vị trí chuyên gia tư vấn nước ngoài. Các chuyên gia của BSR đã và đang tham gia hỗ trợ công tác vận hành, bảo dưỡng cho các nhà máy lọc dầu hoá Nghi Sơn, Đạm Cà Mau, Đạm Phú Mỹ, Nhiệt Điện Thái Bình 2, Thép Hòa Phát, Doosan Vina...

141 CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHO

13.335
LƯỢT NGƯỜI

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án



Tình hình thực hiện các Dự án đầu tư

Năm 2023, BSR chủ yếu thực hiện những công việc, dự án trong kế hoạch chuyển tiếp từ năm 2022 nên tỷ lệ giải ngân còn thấp, nguyên nhân chủ yếu do tiến độ triển khai đầu tư Dự án NCMR NMLD Dung Quất bị chậm. Ngoài ra, một số dự án khác vẫn đang trong giai đoạn thẩm định hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi/ Báo cáo kinh tế kỹ thuật, triển khai các công việc chuẩn bị đầu tư, kết quả cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu đầu tư	ĐVT	KH theo NQ ĐHCĐ số 2676/ NQ-BSR	KHĐC theo NQ HDQT số 7324/ NQ-BSR	TH năm 2023	%TH so với KH	%TH so với KHĐC
I	Giá trị thực hiện đầu tư	Tỷ đồng	1.622,5	387,4	196,4	12%	51%
1	Dự án NCMR NMLD	Tỷ đồng	954,8	83,77	38,02	4%	45%
2	Các dự án đầu tư khác	Tỷ đồng	89,1	11,8	4,04	5%	34%
	Dự án thực hiện trong năm	Tỷ đồng	47,9	10,5	3,27	7%	31%
	Dự án chuẩn bị đầu tư	Tỷ đồng	41,2	1,3	0,77	2%	59%
3	Mua sắm TSCĐ	Tỷ đồng	578,6	291,8	154,31	27%	53%
II	Giá trị giải ngân	Tỷ đồng	1.622,5	387,4	217,93	13%	56%
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	1.622,5	387,4	217,93	13%	56%
2	Vốn vay + khác	Tỷ đồng	-	-	-	-	-

Tình hình thực hiện các dự án lớn



Dự án NCMR NMLD Dung Quất

- Ngày 20/03/2024, Bộ Công Thương đã có Công văn số 1730/BCT-DKT về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh Dự án Nâng cấp, mở rộng nhà máy lọc dầu Dung Quất. Ngày 28/03/2024, HĐQT BSR đã ban hành Quyết định số 968/QĐ-BSR về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất. BSR đang tích cực triển khai các công việc tiếp theo của Dự án
- Về Bản quyền công nghệ: Trong quá trình triển khai Hồ sơ điều chỉnh chủ trương đầu tư của Dự án, trong năm 2022 và đầu năm 2023, BSR đã làm việc với các Nhà bán quyền công nghệ đã ký kết hợp đồng bản quyền với BSR để cập nhật tình hình Dự án, chuẩn bị các công việc liên quan cho bước tiếp theo. Hiện BSR cùng các nhà bán quyền công nghệ hoàn thiện các biên bản ghi nhận các nội dung đã làm việc và chuẩn bị các nội dung chưa thống nhất sẽ tiếp tục được trao đổi, làm rõ.
- Công tác thu xếp vốn: Dự án xây dựng cơ cấu vốn cơ sở VCŞH/VV theo tỷ lệ 40/60 tương ứng nhu cầu vốn cần phải bố trí tiếp theo cho Dự án là 528/792 triệu USD. Nguồn vốn chủ sở hữu cho dự án gồm nguồn khấu hao dồn tích sau khi đã trả lãi vay dài hạn và nguồn quỹ đầu tư phát triển. BSR xây dựng Kế hoạch Chiến lược thu xếp vốn cho Dự án để làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo với mục tiêu xác định rõ được khối lượng, chi phí vốn vay cho các khoản vay trước thời điểm ký hợp đồng EPC dự kiến trong năm 2025.
- Tiểu Dự án: Việc bóc tách chi phí đền bù, GPMB cho phần diện tích đất sử dụng cho Dự án NCMR: Ngày 24/11/2023, Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi (DEZA) đã có Công văn số 3382/BQL-TDA gửi BSR thông báo số liệu giá trị bóc tách chi phí trên phần mặt bằng 41,01ha của Tiểu Dự án là 59,59 tỷ đồng, đáp ứng tiến độ lập Tổng mức đầu tư của nhà thầu FS.

BSR xây dựng Kế hoạch Chiến lược thu xếp vốn cho Dự án để làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo với mục tiêu xác định rõ được khối lượng, chi phí vốn vay cho các khoản vay trước thời điểm ký hợp đồng EPC dự kiến trong năm 2025.





Các công ty con, đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Công ty con

Công ty cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí miền Trung (BSR-BF)

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023

Từ giữa tháng 4/2019 đến nay, BSR-BF vẫn đang tạm dừng sản xuất và chỉ tiếp tục duy trì các hoạt động tối thiểu. Các Ngân hàng đã kiện BSR-BF lên Tòa án nhân dân TP Quảng Ngãi để yêu cầu thanh toán các khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng. Ngày 31/12/2021, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi có Thông báo số 15/TB-TLVA gửi BSR-BF về việc Tòa án đã thụ lý vụ án dân sự số 15/2021/TLST-KDTM theo đơn khởi kiện của các Ngân hàng.

Tính đến 31/12/2023, BSR-BF lỗ lũy kế là 1.588,04 tỷ đồng và âm vốn chủ sở hữu khoảng 455,67 tỷ đồng.

Định hướng cho năm 2024

BSR-BF đã nộp đơn lên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi mở thủ tục phá sản BSR-BF theo quy định pháp luật.

Công ty CP Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building)

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2023
1	Tổng doanh thu thuần	727.301,69
2	Lợi nhuận sau thuế	16.672,87

Định hướng cho năm 2024

Tiếp tục tạo điều kiện để PV Building phát triển bền vững. Tập trung lĩnh vực kinh doanh cốt lõi, phát triển hoạt động thương mại, mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ theo hướng chuyên nghiệp; phần đầu là đơn vị hậu cần hàng đầu của ngành Dầu khí tại khu vực Miền Trung và là đơn vị sản xuất bao bì có uy tín tại khu vực Miền Trung – Tây Nguyên.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Công ty cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí (PMS)

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2023
1	Doanh thu thuần	252.256,5
2	Lợi nhuận sau thuế	6.426,87

Định hướng cho năm 2024 đối với Công ty PMS

PMS chưa phải công ty đại chúng nên việc thoái vốn chưa có hành lang pháp lý/hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước. Vì vậy, BSR đang giữ nguyên giá trị vốn góp hiện có tại PMS. Đồng thời, BSR sẽ tiếp tục đánh giá, xây dựng phương án đối với phần vốn góp tại PMS phù hợp với các quy định hiện hành.

Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOS)

Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023

Ngành nghề kinh doanh chính của PVOS là đầu tư xây dựng và vận hành kho ngầm chứa xăng dầu để tồn chứa dầu thô và các sản phẩm dầu chủ yếu phục vụ nhà máy lọc dầu. Hoạt động của PVOS đến nay vẫn nằm trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án nên chưa phát sinh doanh thu. Đến 31/12/2022, lỗ lũy kế của PVOS là 32,03 tỷ đồng. BSR đã nhiều lần đề nghị các cổ đông khác nhận chuyển nhượng vốn nhưng không thành. Việc thoái vốn của BSR tại PVOS trong giai đoạn này là rất khó khăn và tốn kém chi phí trong khi giá trị vốn góp của BSR tại PVOS là 4,2 tỷ đồng và BSR đã trích lập dự phòng cho khoản vốn góp này.

Định hướng cho năm 2024 cho Công ty PVOS

BSR giữ nguyên giá trị vốn góp hiện có tại PVOS và sẽ thực hiện thoái vốn khi có nhà đầu tư nhận chuyển nhượng. Trong thời gian tìm kiếm nhà đầu tư để thực hiện thoái vốn, BSR sẽ tiếp tục chỉ đạo Người đại diện vốn tại PVOS nâng cao công tác giám sát tại đơn vị theo đúng quy chế hoạt động của Người đại diện vốn tại các doanh nghiệp khác.



Tình hình tài chính

Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	78.487	86.595	10,3%
Doanh thu thuần	167.123	147.423	-11,8%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	15.499	9.602	-38,1%
Lợi nhuận khác	86	37	-57,0%
Lợi nhuận trước thuế	15.585	9.639	-38,2%
Lợi nhuận sau thuế	14.669	8.593	-41,4%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn		
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	2,25	2,41
+ Hệ số thanh toán nhanh		
(Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,60	1,87
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,35	0,34
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,53	0,51
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho		
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	11,12	8,51
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,30	1,79
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,09	0,06
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	33,06%	15,84%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	20,19	10,41%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	9,27%	6,51%

Các hệ số về khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) năm nay là 2,41 cao hơn năm trước (2,25) cho thấy khả năng thanh toán của Công ty tốt hơn năm trước. Bên cạnh đó, hệ số thanh toán nhanh năm nay là 1,87, cũng cao hơn so với năm 2022 (1,60) cho thấy Công ty tăng khả năng đáp ứng nhu cầu thanh toán nhanh hơn so với năm ngoái. Với hệ số khả năng thanh toán như trên cho thấy năng lực tài chính của Công ty tốt, khả năng thanh toán các khoản nợ tốt và không gặp khó khăn về tài chính khi các khoản nợ đến hạn.

Các hệ số về cơ cấu vốn

Cơ cấu vốn ngày càng lành mạnh là điểm nhấn trong bức tranh tài chính của BSR, trong đó các tỉ lệ nợ trên tài sản và nợ trên vốn chủ sở hữu giảm, là tiền đề quan trọng trong các bước phát triển tiếp theo của Công ty:

Hệ số nợ trên tài sản (Nợ vay và thuê tài chính/Tổng tài sản) năm nay là 0,13, tăng 0,02 so với hệ số năm 2023 (0,11) cho thấy mức độ tự chủ tài chính của Công ty ngày càng lành mạnh, có tính chủ động cao.

Hệ số nợ vốn chủ (Nợ phải trả/Vốn CSH) năm nay là 0,19 tăng hơn so với năm trước (0,17) cho thấy Công ty ít phụ thuộc vào hình thức huy động vốn bằng vay nợ so với năm trước. Đây là hệ quả từ quá trình tích lũy tài chính cùng kết quả kinh doanh tích cực giúp BSR dần trả toàn bộ phần nợ dài hạn phát sinh từ thời kỳ đầu xây dựng Nhà máy. Đến hết năm 2022, BSR không còn dư nợ vay và thuê tài chính dài hạn.

Các hệ số hoạt động

Các chỉ số về năng lực hoạt động của BSR đều tốt. Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân) 8,51, trong khi tỉ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản là 1,79 cho thấy Công ty vẫn duy trì năng lực vận hành tốt.

Các hệ số về khả năng sinh lời

Năm 2023, ROA, ROE giảm so với năm trước do năm 2023, tình hình kinh tế khó khăn hơn và các yếu tố về thị trường giúp công ty đạt đỉnh lợi nhuận năm 2022 đã giảm mạnh trong năm 2023.

Tỷ suất sinh lời trên Tổng tài sản (ROA) năm 2023 là 10,41%. Chỉ tiêu ROA thể hiện tính hiệu quả của quá trình tổ chức, quản lý nguồn lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Cùng với ROA, tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm 2023 cũng giảm về mức 15,84%. Mặc dù vậy, các chỉ số tài chính vẫn cho thấy kết quả tích cực của Công ty.



Thông tin cổ phần

Tổng số cổ phần của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn là 3.100.499.616 cổ phần, trong đó có 815.700 cổ phần hạn chế chuyển nhượng.

Cơ cấu cổ đông

Theo danh sách do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) lập ngày 23/08/2023, tổng số cổ phần đang lưu hành là 3.100.499.616 được sở hữu bởi 32.640 cổ đông. Trong số đó, theo Bản cam kết hạn chế tỷ lệ tham gia của Nhà đầu tư nước ngoài do BSR gửi Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 27/05/2020, tỷ lệ sở hữu tối đa của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn là 49%. Chi tiết cơ cấu cổ đông được mô tả theo bảng dưới đây:

Đối tượng	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số cổ đông
Cổ đông trong nước	3.089.300.300	99,64%	32.477
Tổ chức	2,865,716,517	7,21%	48
Cá nhân	223,583,783	92,43%	32.429
Cổ đông nước ngoài	11.199.316	0,36%	163
Tổ chức	8,884,610	0,07%	19
Cá nhân	2,314,706	0,29%	144
Tổng cộng	3.100.499.616	100,00%	32.640

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn

Tên Cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	18 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội	2.856.380.247	92,13%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Năm 2023, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn không có thay đổi về vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Kể từ khi hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần (ngày 01/07/2018) đến nay, Công ty không thực hiện bất kỳ đợt tăng vốn nào.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2023.

Các chứng khoán khác: Không có

Báo cáo hoạt động quan hệ nhà đầu tư

Song hành với các mục tiêu kinh doanh và quản trị doanh nghiệp, hoạt động quan hệ nhà đầu tư tiếp tục được BSR chú trọng nâng cao chất lượng nhằm thể hiện trách nhiệm đối với cổ đông và nhà đầu tư. Cổ phiếu BSR tiếp tục nhận được sự quan tâm lớn của nhà đầu tư, giá trị vốn hóa đứng top 4 và thanh khoản giữ vị trí top 1 trên sàn UPCOM tính đến thời điểm cuối năm 2023.

Minh bạch hóa và chuẩn hóa quy trình

BSR luôn đảm bảo tuân thủ các quy định công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Quy chế công bố thông tin được cập nhật đầy đủ theo luật hiện hành và chuẩn hóa quy trình giúp kịp thời truyền tải thông tin đến cổ đông và nhà đầu tư.

Sự kiện nhà đầu tư

Ngày 13/04/2023, BSR tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, các nội dung đã được thông qua với tỷ lệ tán thành cao. Công tác tổ chức ngày càng chuẩn hóa và chuyên nghiệp hơn. Tài liệu họp và các thông tin quan trọng được gửi đến cổ đông đúng hạn, truyền tải nội dung đầy đủ, chi tiết tại cuộc họp, Công ty đã trao đổi, thảo luận một cách bài bản, cởi mở các vấn đề mà cổ đông quan tâm.

Ngày 19/10/2023, tại văn phòng Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI (“SSI”), Công ty Cổ phần Lọc Hóa Dầu Bình Sơn (UPCOM: BSR) đã phối hợp cùng SSI tổ chức buổi “Hội thảo gặp gỡ Nhà đầu tư 2023” với sự tham dự của 22 chuyên viên phân tích đến từ các 08 công ty chứng khoán và 07 quỹ đầu tư lớn. Phiên làm việc tập trung vào cập nhật kết quả sản xuất kinh doanh dự kiến đến Quý III năm 2023 cũng như thông tin về các chiến lược trong tương lai gần của công ty. Buổi hội thảo cũng là dịp để Công ty gặp gỡ và giải đáp trực tiếp các mối quan tâm đến tình hình hoạt động và các diễn biến mới trong chiến lược của BSR từ các chuyên gia phân tích của các tổ chức tài chính chuyên nghiệp hàng đầu thị trường.

Ứng dụng công nghệ, đa dạng hóa kênh thông tin

Trang thông tin điện tử được BSR xây dựng bài bản, định kỳ hàng quý công bố Báo cáo tài chính và Bản tin Nhà đầu tư.

Kênh truyền thông báo chí được BSR tận dụng, kịp thời có những bài viết đánh giá về thị trường, cổ phiếu và hoạt động kinh doanh của BSR trong suốt năm 2023.

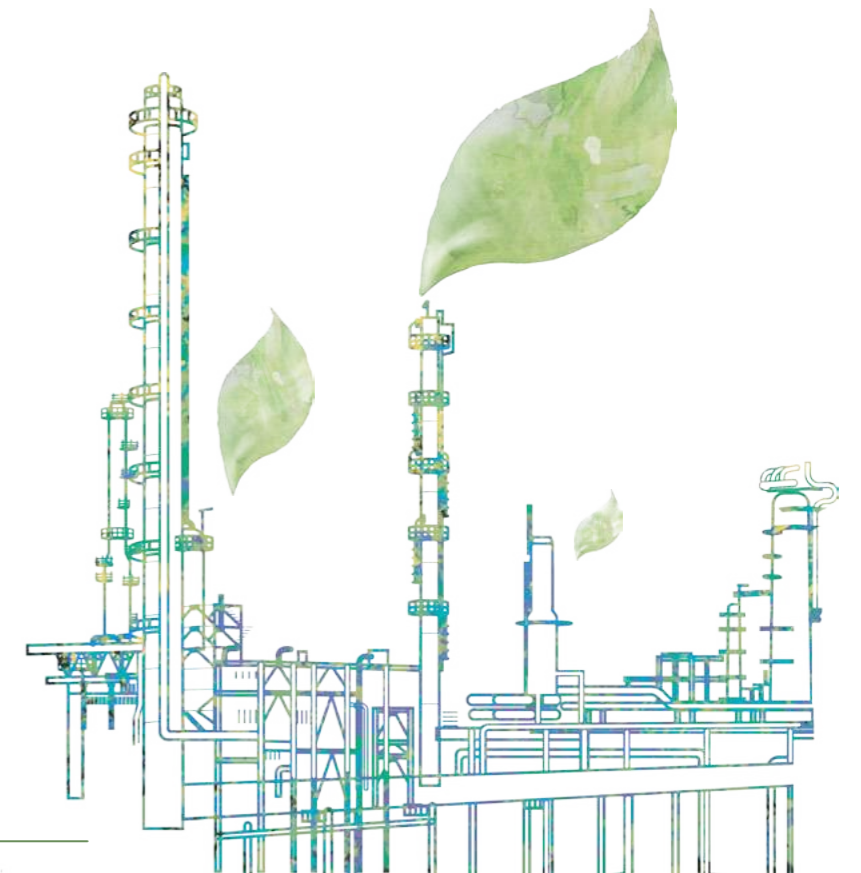
Định hướng năm 2024

BSR hướng đến các tiêu chuẩn cao hơn trong hoạt động quan hệ nhà đầu tư, đẩy mạnh việc tổ chức các hội thảo tiếp xúc với nhà đầu tư và mở rộng các kênh thông tin đến nhà đầu tư.



03

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ban Tổng Giám Đốc



Ông **BÙI NGỌC DƯƠNG**
Thành viên HĐQT kiêm TGD

Ông **TRẦN THÁI BẢO**
Phó Tổng Giám đốc

Ông **NGHIÊM ĐỨC DƯƠNG**
Phó Tổng Giám đốc

Ông **MAI TUẤN ĐẠT**
Phó Tổng Giám đốc

Ông **PHẠM MINH NGHĨA**
Phó Tổng Giám đốc

Ông **NGUYỄN VIỆT THẮNG**
Phó Tổng Giám đốc

Ông **BẠCH ĐỨC LONG**
Kế toán trưởng



Những điểm nhấn trong hoạt động kinh doanh năm 2023

Năm 2023 ghi nhận nhiều kết quả tích cực trong hoạt động kinh doanh của BSR. Công ty đạt mức lợi nhuận sau thuế cao nhất kể từ khi cổ phần hóa, Nhà máy vận hành liên tục và an toàn. Công ty tiếp tục thử nghiệm công nghệ mới nhằm gia tăng và củng cố lợi thế cạnh tranh. Văn hóa BSR được duy trì và phát huy cùng các giá trị cốt lõi. Song song với đó, BSR tiếp tục hướng tới hoạt động kinh doanh bền vững, gắn liền hoạt động sản xuất và kinh doanh với các mục tiêu môi trường và xã hội.

Đồng hành cùng cố đồng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và Chính phủ trong chặng đường phát triển bền vững

Phát triển bền vững ngày càng đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của nền kinh tế nói chung và của các doanh nghiệp nói riêng. Những chủ đề về biến đổi khí hậu, cắt giảm carbon không chỉ là mối quan tâm của các nhà hoạt động vì môi trường mà dần dần trở thành mục tiêu, hành động của Chính phủ các nước, trở thành tiêu chí đầu tư của nhiều nhà đầu tư trong và ngoài nước. Tại Hội nghị COP26 năm 2021, Việt Nam đã có nhiều cam kết thể hiện mong muốn chuyển đổi xanh một cách mạnh mẽ và cho tới nay, nước ta đã bước đầu hiện thực hóa các cam kết này.

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) ban hành quyết định số 2128/QĐ-DKVN ngày 19/04/2019 về "Kế hoạch hành động giảm thiểu, thích ứng với biến đổi khí hậu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2018 – 2030", trong đó Tập đoàn cam kết cắt giảm khí nhà kính phạm vi 1 và 2 tới năm 2025 là 2,86%, tới năm 2030 là 2,44%.

Song hành với các định hướng phát triển bền vững, BSR đã xây dựng lộ trình cụ thể để cắt giảm phát thải theo từng giai đoạn, theo đó giai đoạn 2023 – 2024, BSR tiến hành kiểm kê khí nhà kính và xây dựng, thẩm định kế hoạch giảm nhẹ khí nhà kính đến năm 2030 cho NMLD Dung Quất, thực hiện các biện pháp giảm nhẹ phát thải khí nhà kính phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh của BSR, đề xuất phương án trồng rừng và đăng ký chương trình theo cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ carbon. BSR tiếp tục triển khai các giải pháp cải tiến công nghệ, phát triển năng lượng tái tạo để giảm nhẹ phát thải khí nhà kính đến giai đoạn I (đến năm 2030) và giai đoạn II (đến năm 2050). Hiện tại, các giải pháp đang được BSR nghiên cứu, xem xét nhằm giảm phát thải CO₂ bao gồm: tối ưu vận hành (giảm từ 2-5%); nâng cấp/ cải tiến thiết bị, công nghệ (giảm từ 15-20%); thu hồi CO₂ (giảm từ 30%) và trồng rừng, sử dụng năng lượng tái tạo (giảm 50%). Các nhóm giải pháp giảm thải CO₂ sẽ giảm khoảng 50% lượng phát thải CO₂ tại các phân xưởng, nhà máy và 50% còn lại sẽ bổ sung bằng năng lượng tái tạo, trồng rừng và GH2. Lộ trình giảm thải CO₂ của BSR đang được tiến hành nghiên cứu, xem xét và tiếp tục làm việc với các nhà tư vấn quốc tế, nhà bán quyền công nghệ để đánh giá tính khả thi của các giải pháp và hoàn thiện lộ trình.

Vận hành nhà máy an toàn và tiếp tục cải tiến, tối ưu hóa công nghệ

Tính đến ngày 31/12/2023, BSR đã đạt hơn 42,2 triệu giờ công an toàn không có tai nạn lao động mất ngày công (LTI). Để đạt được điều này, BSR đã và đang thực hiện quyết liệt các công tác an ninh, an toàn trong lao động và công tác môi trường, phòng chống cháy nổ. Năm 2023 cũng là thời điểm NMLD Dung Quất thiết lập giới hạn vận hành mới với công suất trung bình cả năm 2023 là 111%, cao nhất, cùng với hao hụt dầu thô trung bình cả năm thấp nhất từ trước tới nay ở mức 0,11%.

Một trong những tiêu chí đánh giá năng lực cạnh tranh của nhà máy lọc dầu là khả năng lọc đa dạng các nguồn dầu thô, từ dầu nhẹ, ngọt tới các loại dầu có hàm lượng lưu huỳnh (S) cao hơn. Trong tiến trình đa dạng nguồn dầu thô đầu vào cho Nhà máy, BSR tiếp tục nghiên cứu và thử nghiệm các loại dầu thô khác nhau trên thị trường. Trong năm 2023, BSR đã tìm kiếm, đánh giá và chế biến thử nghiệm thành công 2 loại dầu thô mới là Palanca Blend và Bertam với tỉ lệ chế biến lên trên 35% vol, nâng tỉ lệ chế biến dầu Bu Attifel lên 40% vol, góp phần đa dạng hóa chủng loại dầu thô chế biến tại NMLD Dung Quất. Bên cạnh đó, BSR cũng chế biến thành công và xuất bán 03 sản phẩm mới bao gồm BOPP, RFCC Naphtha, mixed C4+, góp phần gia tăng tỉ trọng các sản phẩm có giá trị gia tăng cao.

Nội lực từ năng lực tài chính vững mạnh và ổn định

Nhờ kết quả kinh doanh thuận lợi cùng những định hướng kinh doanh đúng đắn, sức khỏe tài chính BSR đang đạt trạng thái tốt nhất. Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh cả năm 2023 đạt 11,6 nghìn tỷ, nâng mức tiền mặt ròng lên 21,8 nghìn tỷ và là mức tiền mặt ròng cao nhất kể từ khi niêm yết tới nay.

Đặt trong bối cảnh nền kinh tế thế giới chung tiếp tục khó khăn trong năm 2023, BSR tiếp tục đạt những kết quả kinh doanh rất tích cực và xây chắc trụ cột tài chính của mình, là yếu tố bổ sung cần thiết cho giai đoạn tái đầu tư trong tương lai khi Công ty bắt đầu tăng tốc nghiên cứu, thực hiện dự án mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

Chỉ tiêu	Đơn vị	2019	2020	2021	2022	2023
Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	4.937	425	8.971	7.087	11.673
Tiền mặt ròng	Tỷ đồng	2.058	768	9.763	16.079	21.824
Hệ số nợ vay/tổng tài sản	Lần	0,12	0,23	0,44	0,35	0,34
Tỷ lệ thanh toán hiện thời	Lần	2,08	1,47	1,65	2,25	2,41
Tỷ lệ thanh toán nhanh	Lần	1,42	1,06	1,27	1,60	1,87

Đầu tháng 9-2023, Fitch Ratings đã hoàn thiện và công bố kết quả đánh giá, xếp hạng tín nhiệm lần đầu BSR ở mức "BB" với "Triển vọng tích cực". Đây là kết quả xếp hạng tương đương với công ty mẹ - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Petrovietnam, BB/Tích cực).





Đánh giá chung

Sản lượng sản xuất vượt

8,9%

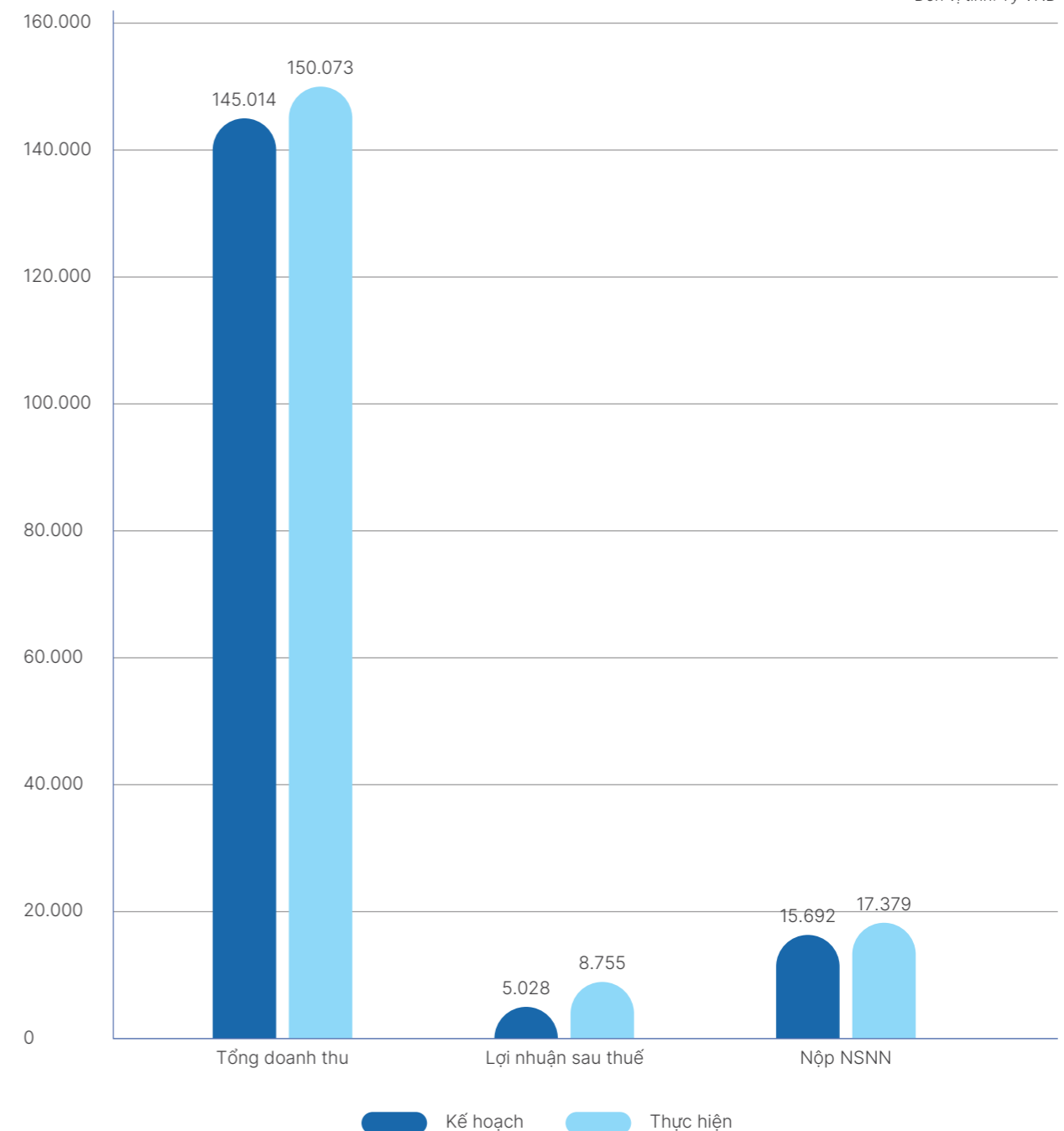
Kế hoạch điều chỉnh năm 2022

Các kết quả kinh doanh năm 2023 đều tăng trưởng so với cùng kỳ và vượt kế hoạch đã đề ra, trong đó:

- Sản lượng sản xuất vượt 8,9% kế hoạch điều chỉnh, giảm 3,5% so với năm 2022.
- Tổng doanh thu Công ty mẹ vượt 3,5% so với kế hoạch điều chỉnh và giảm 14% so với năm 2022.
- Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ vượt 71% so với kế hoạch và giảm 66% so với năm 2022.
- Chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước Công ty mẹ vượt 10,07% so với kế hoạch.

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH MỘT SỐ CHỈ TIÊU CÔNG TY MẸ

Đơn vị tính: Tỷ VND



Tình hình tài chính

Tình hình tài sản, nguồn vốn

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	2022	2023	% Tăng giảm
I. Tổng tài sản	78.488	86.595	10,33%
1. Tài sản ngắn hạn	58.471	68.681	17,46%
2. Tài sản dài hạn	20.017	17.914	-10,50%
II. Tổng nguồn vốn	78.488	86.595	10,33%
1. Nợ phải trả	27.298	29.326	7,43%
2. Vốn chủ sở hữu	51.190	57.269	11,87%
III. Cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,35	0,34	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,53	0,51	

Tổng tài sản của Công ty

86.595

Tỷ đồng

▲ 10% so với năm 2022

Tổng tài sản của Công ty tại 31/12/2023 là 86.595 tỷ đồng, tăng 10% so với tổng tài sản tại thời điểm 31/12/2022. Trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 17% và tài sản dài hạn giảm 11%. Tài sản ngắn hạn tăng chủ yếu ở chỉ tiêu đầu tư tài chính ngắn hạn. Tài sản dài hạn giảm chủ yếu ở tài sản cố định do trích khấu hao tài sản cố định trong năm.

Về nợ phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng của Công ty thấp hơn so với thời điểm 31/12/2022 và chiếm 16% tổng tài sản cuối năm 2023. Công ty luôn giám sát và tăng cường công tác quản lý nợ và thu hồi nợ, ban hành quy chế quản lý nợ chặt chẽ, phân tích tuổi nợ, phân loại nợ và lựa chọn khách hàng để hạn chế tối đa nợ xấu.

Về hàng tồn kho

Hàng tồn kho tại 31/12/2023 thấp hơn so với thời điểm 31/12/2022. Hầu hết chất lượng hàng tồn kho đều tốt. Công ty tuân thủ các quy định về quản lý hàng tồn kho, đảm bảo không để tình trạng ứ đọng hàng tồn kho.

Về nợ phải trả

Tại thời điểm 31/12/2023, nợ phải trả của Công ty chiếm khoảng 34% tổng nguồn vốn, trong đó 97% là nợ ngắn hạn. Nợ ngắn hạn chủ yếu là các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, thuế và các khoản phải nộp nhà nước...So với cuối năm 2022, nợ phải trả tăng 7% chủ yếu tăng ở khoản vay ngắn hạn. Tổng vay ngân hàng (Công ty không còn khoản vay dài hạn) tăng 23% so với năm 2022 do trong năm 2023 lãi suất vay ngắn hạn có nhiều thuận lợi nên Công ty tăng cường vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Việc duy trì dư nợ vay ở mức phù hợp thông qua kế hoạch giải ngân hợp lý và thực hiện trả nợ kịp thời giúp làm tăng hiệu quả sử dụng vốn.

Vốn chủ sở hữu:

So với thời điểm đầu năm, vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2023 tăng 6.078 tỷ và chiếm tỷ trọng 66% trong tổng nguồn vốn. Tỷ trọng này thể hiện nguồn vốn chủ sở hữu để tái đầu tư của BSR lớn và khả năng tự chủ về nguồn vốn để đầu tư của BSR cao.

Về khả năng thanh toán

Hệ số khả năng thanh toán	Năm 2022	Năm 2023
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	2,25	2,41
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,60	1,87

Các hệ số về khả năng thanh toán năm nay đều tốt hơn năm trước, cụ thể: hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) là 2,41 (năm trước 2,25), hệ số thanh toán nhanh là 1,87 (năm trước 1,60). Với hệ số khả năng thanh toán như trên cho thấy năng lực tài chính của Công ty tốt, khả năng thanh toán các khoản nợ tốt và không gặp khó khăn về tài chính khi các khoản nợ đến hạn.

Hiệu quả sử dụng tài sản, vốn

Năm 2023, thị trường dầu mỏ tiếp tục có sự biến động lớn, diễn biến phức tạp và khó tiên đoán do tác động của nhiều yếu tố tích cực và tiêu cực đan xen như việc OPEC+ cắt giảm nguồn cung, tăng trưởng nguồn cung từ các nước ngoài OPEC+ và các thành viên OPEC+ không bị hạn ngạch như Mỹ, Brazil, Iran...; lo ngại về mức độ phục hồi kinh tế thế giới, đặc biệt là sự phục hồi kinh tế của Trung Quốc không như kỳ vọng; những diễn biến phức tạp trên thị trường tài chính toàn cầu; căng thẳng địa chính trị tại nhiều khu vực trên thế giới... Điều này đã tác động lớn đến giá dầu thô và giá sản phẩm và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Nhằm thực hiện tốt các giải pháp ứng phó với diễn biến thị trường và giảm thiểu tác động tiêu cực của thị trường dầu mỏ, BSR đã chủ động, linh hoạt trong việc tối ưu hóa cơ cấu sản phẩm và tối ưu hóa công suất vận hành trên cơ sở cung cầu của thị trường. Tăng cường công tác điều độ nhập dầu thô và xuất bán sản phẩm và tồn kho hợp lý để giảm thiểu tác động biến động giá. Công tác kiểm soát, tối ưu chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh được thực hiện thường xuyên và liên tục. Vì vậy, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 đạt mức cao với lợi nhuận sau thuế 8.593 tỷ đồng.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 kém thuận lợi hơn năm trước nên các chỉ số về hoạt động và khả năng sinh lời cũng giảm so với năm trước. Cụ thể: năm 2023 tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) là 10,41%, tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE) là 15,84%.



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm 2023, BSR đã thực hiện rà soát cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trong Công ty để điều chỉnh, bổ sung, tránh chồng chéo, đảm bảo hoạt động của Công ty thông suốt, hiệu quả; cải tiến về cách thức chi trả tiền lương cho người lao động đảm bảo công bằng, hiệu quả, khoa học. Một số công việc đã thực hiện:

Bổ sung, điều chỉnh chức năng nhiệm vụ của một số Ban/ Phòng để phù hợp với công tác quản lý, điều hành và tình hình thực tế của Công ty.

Tăng cường phân cấp, phân quyền, nâng cao trách nhiệm của các cấp quản lý. Phân cấp rõ ràng, cụ thể và chuyên nghiệp trong công tác quản lý sản xuất trực tiếp, không làm phát sinh chi phí, nâng cao hiệu quả xử lý công việc.

Tăng cường áp dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành để phát huy ưu thế công nghệ, hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu kế hoạch và góp phần mang lại lợi ích tối đa theo hướng bền vững và hiệu quả trong thời đại công nghiệp 4.0 và kỷ nguyên số hóa.

Rà soát cập nhật, sửa đổi quy chế trả lương, trả thưởng, quy định đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người lao động làm cơ sở chi trả lương thưởng cho phù hợp với mức độ đóng góp của người lao động.



Kế hoạch phát triển trong tương lai

Định hướng phát triển

- Xây dựng, phát triển Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn gắn liền với chiến lược phát triển ngành Dầu khí Việt Nam, Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam, Định hướng phát triển năng lượng quốc gia và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, đảm bảo đồng bộ, hiệu quả và bền vững, có khả năng cạnh tranh, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng cho phát triển đất nước, tham gia tích cực vào việc thực hiện các giải pháp để đạt được phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, đóng góp hiệu quả công tác an sinh xã hội.
- Tập trung phát triển các lĩnh vực kinh doanh chính bao gồm: sản xuất và kinh doanh các sản phẩm lọc hóa dầu; kinh doanh thương mại dầu thô và các sản phẩm hóa dầu; Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật; Từng bước thâm nhập hiệu quả vào lĩnh vực sản xuất và kinh doanh năng lượng tái tạo. Giữ vững vị trí là nhà cung cấp các sản phẩm lọc hóa dầu hàng đầu của Việt Nam. Đẩy mạnh phát triển hóa dầu và các dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật chất lượng cao cho khâu sau.
- Sử dụng tài nguyên tiết kiệm, hiệu quả, gắn liền với bảo vệ môi trường sinh thái. Chủ động thực hiện các giải pháp giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu. Phát triển năng lượng mới, năng lượng tái tạo.
- Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng khoa học công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong mọi hoạt động của BSR. Phát huy tối đa nội lực, năng lực quản trị hiện đại, kết hợp với đẩy mạnh hợp tác, hội nhập quốc tế, khuyến khích và thu hút các đối tác thuộc mọi thành phần kinh tế ở trong nước và nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào các lĩnh vực hoạt động của BSR.
- Tiếp tục phát huy hiệu quả vận hành nhà máy an toàn, ổn định, liên tục, gia tăng hiệu quả sản xuất, cải thiện các hoạt động kinh doanh và tiếp tục phấn đấu duy trì lợi nhuận sau thuế và tăng trưởng dương trong thời gian tới.
- Tuân thủ đầy đủ các quy định về bảo vệ môi trường và tham gia tích cực vào việc thực hiện cam kết phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050 của Việt Nam tại COP26, tiếp tục hoạt động SXKD và tập trung đầu tư vào lọc hóa dầu, trong đó chủ yếu là các sản phẩm hóa dầu làm nguyên liệu để sản xuất hàng tiêu dùng và mở rộng sang lĩnh vực năng lượng tái tạo và tồn trữ carbon.
- Phấn đấu là một trong những doanh nghiệp có đóng góp lớn nhất cho sự tăng trưởng của ngành dầu khí Việt Nam và ngân sách Nhà nước. Tích cực tham gia công tác an sinh xã hội nhằm góp phần vào sự phát triển chung của địa phương.
- BSR tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc góp phần đảm bảo an ninh năng lượng của Việt Nam như đáp ứng nhu cầu nhiên liệu vận chuyển cho thị trường nội địa và nhiên liệu đặc thù của Bộ Quốc phòng.



Các nhận định về các yếu tố tác động tới hoạt động kinh doanh của Công ty

Dự báo nhu cầu, những khó khăn, thuận lợi từ thị trường

Thách thức

- Theo cơ chế mua bán dầu thô thì gần như toàn bộ các loại dầu thô Việt Nam bao gồm: Bạch Hổ, Tê Giác Trắng, Sư Tử Đen, Rồng Đông, Đại Hùng, Chim Sáo, Ruby... BSR vẫn phải đàm phán với các Chủ dầu và tham gia chào mua cạnh tranh với các Công ty/Tập đoàn Dầu khí lớn trên thế giới để mua dầu thô khai thác tại Việt Nam để cung cấp cho NMLD Dung Quất, nên có rủi ro không mua được lô dầu để thu xếp đủ nguồn dầu thô cho NMLD Dung Quất đảm bảo an toàn sản xuất, đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Do đó, nguồn cung dầu thô cho Nhà máy vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, đặc biệt với diễn biến bất ổn của thị trường trong thời gian qua.
- Sản phẩm xăng dầu theo Nhà máy hiện hữu chưa đáp ứng được với lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải mức EURO V. Do đó, sản phẩm xăng dầu đã suy giảm thị phần tại thị trường nội địa cũng như suy giảm lợi thế cạnh tranh so với những sản phẩm có chất lượng cao hơn từ các nhà máy trong nước và khu vực.
- Nhà máy đã có thời gian vận hành gần 15 năm và 03 tháng đầu năm 2024 đang ở cuối chu kỳ Bảo dưỡng tổng thể nên thiết bị, máy móc tiềm ẩn nguy cơ không đảm bảo nếu không được kiểm tra, giám sát và chăm sóc, duy tu bảo dưỡng sửa chữa một cách thường xuyên, liên tục và chú trọng. Điều này dẫn tới chi phí bảo dưỡng sẽ gia tăng.
- Nhà máy sẽ thực hiện Bảo dưỡng tổng thể lần 5 (TA5) trong năm 2024 dẫn đến tổng sản lượng sản xuất và xuất bán thấp hơn các năm không có TA kéo theo tổng doanh thu và lợi nhuận giảm.
- Rủi ro địa chính trị tại nhiều nơi trên thế giới dự kiến tiếp tục phức tạp và gia tăng. Xung đột ở Trung Đông cũng là yếu tố tác động lên giá dầu bởi các nhà đầu tư lo ngại cuộc xung đột có thể ảnh hưởng đến nguồn cung.
- Chịu sự cạnh tranh với xăng dầu nhập khẩu từ các nước Việt Nam tham gia hiệp định thương mại tự do và xăng dầu được sản xuất từ NMLD trong nước. Đặc biệt là sản phẩm PP dự kiến sẽ gặp nhiều khó khăn khi phải cạnh tranh với sản phẩm của các nhà máy trong nước và hàng nhập khẩu từ các nước ASEAN, Trung Quốc, Hàn Quốc.
- Khó khăn trong việc triển khai Dự án NCMR NMLD Dung Quất.

Cơ hội

- BSR luôn nhận được chỉ đạo sát sao, kịp thời từ cổ đông Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, sự ủng hộ của các Bộ/ngành và sự phối hợp, hỗ trợ của các đơn vị trong ngành trong việc tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Ban lãnh đạo Công ty đoàn kết, nhạy bén, linh hoạt và chủ động thực hiện quyết liệt các giải pháp ứng phó diễn biến thị trường phức tạp nhằm giảm thiểu tổn thất cũng như bắt lấy cơ hội khi thị trường có dấu hiệu tích cực. Đội ngũ lao động lành nghề, tích lũy nhiều kinh nghiệm, tập thể đoàn kết, thống nhất.
- Hệ thống quản trị của Công ty ngày càng hoàn thiện, công tác chuyển đổi số được triển khai quyết liệt đã hỗ trợ cho cấp lãnh đạo quản lý điều hành BSR ngày càng linh hoạt, kịp thời, sát với thực tế SXKD và chặt chẽ/tuân thủ các quy định của pháp luật, điều lệ, quy chế/quy trình của BSR, theo đó, góp phần nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động và hoạt động SXKD đồng thời đang làm nền tảng để chuyển đổi mô hình SXKD theo chiến lược phát triển của Công ty.
- BSR đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm về quản lý, điều hành và vận hành bảo dưỡng NMLD. Đội ngũ lao động có chuyên môn và được đào tạo từ cơ bản đến chuyên sâu đồng thời đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm thực tiễn sau gần 15 năm vận hành Nhà máy.
- Tình hình chính trị - xã hội trong nước ổn định, kinh tế đang dần phục hồi và phát triển. Nhu cầu tiêu dùng và đi lại sẽ tăng cao trong những tháng lễ hội cuối năm và Tết Nguyên đán năm 2024.



Các nhân tố tác động trực tiếp, gián tiếp

Tình hình địa chính trị: Căng thẳng địa chính trị tại nhiều nơi trên thế giới vẫn còn tiềm ẩn nhiều rủi ro và có thể gây gián đoạn nguồn cung như cuộc chiến giữa Israel và Hamas, cuộc chiến giữa Nga – Ukraine vẫn chưa có dấu hiệu hạ nhiệt.

OPEC+ có vai trò quan trọng trong việc định hướng thị trường dầu thô và sẽ tiếp tục can thiệp thị trường nếu cần thiết. Việc cắt giảm tự nguyện dự kiến kéo dài đến hết năm 2024 khiến cân bằng dầu thô toàn cầu dự kiến sẽ ngày càng trở nên eo hẹp, nhất là vào mùa cao điểm đi lại. Thâm hụt nguồn cung sẽ giảm bớt vào đầu năm 2024.

Đối với việc tiêu thụ sản phẩm xăng dầu từ năm 2024, đặc biệt sản phẩm xăng sẽ chịu tác động mạnh bởi các yếu tố sau:

- Theo lộ trình cắt giảm thuế quan trong các Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và các nước khác, căn cứ Nghị định số 126/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022, đối với sản phẩm xăng, thuế nhập khẩu áp cho khu vực ASEAN điều chỉnh 0% từ năm 2024.
- Đối với quy định tại Quyết định 53/2012/TTg-QĐ, bắt buộc thị trường dùng lưu hành xăng Mogas 92 và chuyển hoàn toàn sang xăng E5 RON92 kể từ đầu năm 2018, một số đầu mối chưa đủ điều kiện kinh doanh/phối trộn xăng E5 RON92 đã lựa chọn phương án nhập khẩu xăng E5 RON92 hoặc chỉ kinh doanh xăng Mogas 95. Với chính sách sử dụng xăng nhiên liệu sinh học nên cơ cấu xăng Mogas 95 và xăng Mogas 92/90 có sự dịch chuyển đáng kể. Việc

quy định tiêu thụ xăng nhiên liệu sinh học đã khiến cho nhu cầu đối với xăng Mogas 92 giảm sút rõ rệt (nhiều khách hàng không có nhu cầu tiêu thụ xăng Mogas 92).

Rủi ro suy thoái kinh tế toàn cầu ngày càng tăng khiến cho giá dầu thô và sản phẩm biến động mạnh, có xu hướng giảm và khó tiên đoán.

Xu thế chuyển dịch năng lượng đang diễn ra một cách mạnh mẽ tiếp tục ảnh hưởng đến thị trường dầu mỏ.

Biến đổi khí hậu trên toàn cầu có thể ảnh hưởng đến nguồn cung và cơ sở hạ tầng của ngành dầu mỏ.

Sản phẩm lọc hoá dầu do BSR sản xuất bị cạnh tranh khốc liệt bởi sản phẩm của NSRP và các sản phẩm nhập khẩu, vì vậy gây ảnh hưởng lớn tới hiệu quả SXKD của BSR do phải tăng thêm các chi phí bán hàng.

Quy định pháp luật, cơ chế chính sách còn nhiều bất cập ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động SXKD của Công ty.

Nhà máy sẽ thực hiện Bảo dưỡng tổng thể lần 5 (TA5) trong năm 2024 dẫn đến tổng sản lượng sản xuất và xuất bán thấp hơn các năm không có TA kéo theo tổng doanh thu và lợi nhuận giảm.

Sự gia tăng phương tiện vận chuyển bằng động cơ điện dẫn đến nhu cầu xăng giảm dần, đặc biệt nhu cầu xăng Mogas 92 sẽ giảm mạnh.

Kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm và các giải pháp thực hiện trong năm 2024

Nhiệm vụ trọng tâm



Tập trung vận hành Nhà máy lọc dầu (NMLD) Dung Quất an toàn, ổn định, liên tục ở công suất, cơ cấu sản phẩm tối ưu phù hợp với nhu cầu và tình hình thị trường, tối đa hoá hiệu quả sản xuất kinh doanh (SXKD) của BSR.

Linh hoạt cơ cấu sản phẩm theo nhu cầu thị trường, tận dụng tối đa điều kiện thuận lợi của thị trường, thời cơ giá sản phẩm theo từng thời điểm để gia tăng doanh thu, lợi nhuận, đảm bảo phát triển vốn.

Tập trung nguồn lực để thực hiện công tác Bảo dưỡng tổng thể lần 5 (TA5) đảm bảo an toàn, chất lượng, tối ưu chi phí và tiến độ so với kế hoạch được duyệt (phần đầu rút ngắn thời gian thực hiện Bảo dưỡng tổng thể so với tiến độ được duyệt để tăng hiệu suất hoạt động của Nhà máy, tạo ra hiệu quả cao nhất). Phát huy tối đa việc tự chủ, nguồn nhân sự của BSR/các đơn vị trong ngành/trong nước cho quá trình thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa để tiết giảm chi phí.

Thực hiện tốt công tác an ninh, an toàn, sức khỏe, môi trường, phòng chống cháy nổ tại Nhà máy.

Chủ động, linh hoạt trong công tác mua dầu thô, đảm bảo nguồn dầu thô cung cấp cho vận hành Nhà máy.

Nâng cao hiệu quả công tác đánh giá thông tin dự báo giá dầu thô và sản phẩm, chi phí vận chuyển/bảo hiểm, thông tin cung-cầu của thị trường trong nước và ngoài nước, rủi ro địa chính trị tại khu vực và quốc tế... để xây dựng và cập nhật các kịch bản, giải pháp điều hành SXKD phù hợp, linh hoạt và kịp thời nhằm tận dụng tối đa cơ hội và giảm thiểu rủi ro đến hoạt động SXKD của BSR.

Tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và chế biến thử nghiệm các loại nguyên liệu (dầu thô và/hoặc các cấu tử trung gian) mới để không ngừng mở rộng giỏ dầu thô/ cấu tử trung gian cho Nhà máy, nâng cao sản lượng và hiệu quả SXKD.

Nghiên cứu, xem xét cơ hội hợp tác với các đối tác có năng lực để có các giải pháp phù hợp nhằm làm tốt và phát triển thị trường sản phẩm hóa dầu.

Thường xuyên nghiên cứu và tối ưu hóa: (i) cơ cấu sản phẩm phù hợp với đặc tính của các hỗn hợp dầu thô chế biến, nhu cầu thị trường và công suất vận hành của các phân xưởng; (ii) tiêu thụ HPXT, vật tư tiêu hao, vật tư phụ tùng thay thế (spare parts)...(gắn liền với công tác kiểm soát và cập nhật bộ định mức); (iii) năng lượng, tổn thất và mất mát... để góp phần nâng cao hiệu quả SXKD.

Triển khai các bước tiếp theo của Dự án NCMR NMLD Dung Quất (Dự án điều chỉnh) phù hợp với các quy định hiện hành.

Hoàn thành công tác quyết toán cổ phần hoá của BSR ngay sau khi được cấp thẩm quyền chấp thuận.

Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số nhằm thúc đẩy các định hướng của BSR theo chiến lược phát triển Công ty, quản trị rủi ro, mô hình sản xuất thông minh và đảm bảo hiệu quả các nghiệp vụ cốt lõi của doanh nghiệp, cải tiến, biến đổi hoạt động của doanh nghiệp bằng cách tạo ra các quy trình kinh doanh mới, trải nghiệm khách hàng, văn hóa số và văn hóa Công ty.

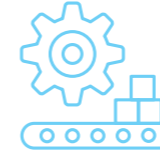
Triển khai công tác an sinh xã hội phù hợp với điều kiện hoạt động SXKD.

Thực hiện các công việc khác được Đại hội đồng cổ đông giao.

Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số nhằm thúc đẩy các định hướng của BSR theo chiến lược phát triển Công ty, quản trị rủi ro, mô hình sản xuất thông minh và đảm bảo hiệu quả các nghiệp vụ cốt lõi của doanh nghiệp.

Các giải pháp thực hiện

Giải pháp trong sản xuất



Đảm bảo vận hành Nhà máy an toàn, ổn định, liên tục và hiệu quả, chú trọng công tác an toàn/an toàn công nghệ trong hoạt động sản xuất. Linh hoạt, tối ưu trong việc điều chỉnh công suất Nhà máy, cơ cấu sản phẩm theo nhu cầu thị trường và giá sản phẩm góp phần đạt và vượt kế hoạch, mục tiêu được giao.

Tăng cường kiểm tra, giám sát và huấn luyện để bảo đảm công tác an ninh, an toàn, sức khỏe và môi trường cho NMLD.

Thường xuyên kiểm tra, phát hiện sớm các mối nguy và xây dựng, triển khai các giải pháp kiểm soát rủi ro hiệu quả, đặc biệt đối với các thiết bị quan trọng/tối quan trọng của nhà máy góp phần bảo đảm nhà máy vận hành an toàn, ổn định.

Linh hoạt, tối ưu hóa trong việc điều chỉnh công suất Nhà máy, cơ cấu sản phẩm theo nhu cầu thị trường và giá sản phẩm.

Công tác tối ưu hóa năng lượng:

- Tiếp tục theo dõi, giám sát sự tiêu thụ/sử dụng năng lượng của Nhà máy.
- Tiếp tục triển khai các giải pháp tối ưu hóa năng lượng.

Công tác tối ưu hóa sản xuất:

- Tiếp tục tìm kiếm, đánh giá và chế biến thử nghiệm dầu thô, cấu tử trung gian mới.
- Tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và triển khai thử nghiệm tăng công suất phân xưởng công nghệ.
- Tiếp tục nghiên cứu, triển khai sản xuất sản phẩm PP chủng loại mới.

Công tác Bảo dưỡng tổng thể lần 5 (TA5): Tập trung mọi nguồn lực để thực hiện thành công TA5 đảm bảo an toàn, chất lượng, tiết kiệm chi phí và phần đầu rút ngắn thời gian triển khai so với kế hoạch được duyệt nhằm sớm đưa nhà máy vào vận hành trở lại góp phần gia tăng sản lượng sản xuất và lợi nhuận cho công ty. Phát huy tối đa việc sử dụng các nguồn lực tại chỗ (BSR, các đơn vị trong ngành tại Việt Nam) trong quá trình thực hiện công tác bảo dưỡng sửa chữa, giảm thiểu việc sử dụng các dịch vụ kỹ thuật bên ngoài để tiết giảm chi phí.

Tiếp tục tìm kiếm cơ hội cung cấp dịch vụ đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật và vận hành, bảo dưỡng cho các dự án/ nhà máy khác.



Giải pháp trong kinh doanh

Thường xuyên theo dõi, phân tích dự báo giá dầu mỏ, cung/cầu thị trường trong nước để xây dựng các kịch bản kinh doanh và có các giải pháp ứng phó phù hợp nhằm kiểm soát hiệu quả các rủi ro (nếu có) và nâng cao hiệu quả SXKD.

Điều hành linh hoạt trong công tác tiêu thụ sản phẩm, bám sát diễn biến thị trường, khối lượng hàng tồn kho và tiến độ nhận hàng của khách hàng để ứng phó kịp thời khi thị trường phát sinh tình huống bất lợi.

Đẩy mạnh triển khai công tác marketing, phát triển thị trường, đặc biệt quảng bá các sản phẩm mới gắn với thương hiệu BSR.

Đa dạng hóa nguồn nguyên liệu, tối đa tiêu thụ dầu thô, nguyên liệu trung gian trong nước để tăng lợi ích của chuỗi liên kết trong ngành.

Đa dạng hóa và xuất bán sản phẩm mới nhằm tăng thêm hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Tính toán tăng khối lượng nhập các nguyên liệu trung gian để gia tăng công suất các phân xưởng công nghệ của NMLD Dung Quất, tạo điều kiện gia tăng sản phẩm lượng cũng như hiệu quả sản xuất.

Tiếp tục tìm kiếm các đối tác cung cấp dầu thô và tiêu thụ sản phẩm để không ngừng mở rộng mạng lưới và có quan hệ tốt với các nhà cung cấp và khách hàng tiềm năng, giúp BSR ổn định nguồn cung dầu thô và đầu ra sản phẩm.

Nghiên cứu xem xét cơ hội hợp tác với các đối tác có năng lực để có giải pháp phù hợp nhằm phát triển thị trường sản phẩm hóa dầu.

Giải pháp trong quản trị

Tiếp tục nâng cao hệ thống quản trị doanh nghiệp góp phần nâng cao hiệu quả SXKD. Tổ chức rà soát, nghiên cứu và cải tiến các quy chế, quy trình nghiệp vụ đảm bảo tuân thủ pháp luật, tinh gọn, hiệu quả và phù hợp với định hướng triển khai áp dụng và mở rộng hệ thống ERP, công tác chuyển đổi số của BSR.

Nâng cao hiệu quả công tác đánh giá thông tin dự báo, thông tin thị trường trong nước và ngoài nước, tình hình dịch bệnh, rủi ro địa chính trị tại khu vực và quốc tế... để xây dựng và cập nhật các kịch bản, giải pháp kinh doanh phù hợp, kịp thời nhằm tận dụng tối đa cơ hội và giảm thiểu rủi ro đến hoạt động SXKD.

Thường xuyên rà soát, phân tích và nghiên cứu các giải pháp để tiếp tục tối ưu chi phí SXKD nhằm góp phần nâng cao hiệu quả SXKD.

Hoạch định nguồn nhân lực, tuyển dụng, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm nhân sự phù hợp, phát huy năng lực, sở trường, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ để đảm bảo nguồn nhân lực cho hoạt động SXKD trong giai đoạn mới, nâng cấp mở rộng nhà máy và chiến lược phát triển của BSR.

Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị và cơ sở dữ liệu đào tạo để nâng cao hiệu quả đào tạo, đảm bảo năng lực cho từng vị trí chức danh, chú trọng đào tạo chuyên sâu, đào tạo quản lý và thực hiện đào tạo theo kế hoạch đã được phê duyệt và định hướng phát triển chiến lược của Công ty.

Hoàn thiện và vận hành hiệu quả hệ thống quản trị tài năng nhằm gìn giữ và phát triển đội ngũ nhân lực chất lượng cao, nhân sự tiềm năng, đặc biệt đối với Khối trực tiếp sản xuất.

Chú trọng triển khai Đề án xây dựng và phát triển văn hóa doanh nghiệp BSR gắn liền với Hệ giá trị cốt lõi của Petrovietnam.

Bám sát và tích cực làm việc với các cơ quan thẩm quyền để đưa cổ phiếu BSR niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh khi đủ điều kiện.

Giải pháp về đầu tư và vốn

Thường xuyên rà soát, đánh giá, phân tích hiệu quả các dự án đầu tư, kiểm soát hiệu quả danh mục đầu tư, tăng cường kiểm soát công tác mua các TTB/TSCĐ. Đẩy nhanh và bù đúng tiến độ các công trình đầu tư nhằm sớm đưa vào hoạt động và khai thác, tránh tình trạng đầu tư dàn trải, chậm tiến độ.

Tập trung nguồn lực để thúc đẩy công tác triển khai các bước tiếp theo của Dự án NCMR NMLD Dung Quất (Dự án điều chỉnh) theo đúng quy định hiện hành, đảm bảo chất lượng, tiến độ và hiệu quả.



04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





Ông **NGUYỄN VĂN HỘ**
Chủ tịch HĐQT

Ông **BÙI NGỌC DƯƠNG**
Thành viên HĐQT kiêm TGD

Ông **HÀ ĐỒNG**
Thành viên HĐQT

Ông **KHƯƠNG LÊ THÀNH**
Thành viên HĐQT

Ông **HẠNG ANH MINH**
Thành viên độc lập HĐQT

Ông **NGUYỄN HẢI ÂU**
Thành viên HĐQT - được
miễn nhiệm từ ngày 13/04/2023

Ông **NGUYỄN BÁ PHƯỚC**
Thành viên HĐQT - được
miễn nhiệm từ ngày 13/04/2023



Về kết quả sản xuất kinh doanh



Với tinh thần trách nhiệm cao, HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ một cách cẩn trọng, trung thực vì lợi ích của cổ đông và Công ty.

Hội đồng Quản trị (HĐQT) đã chủ động chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng Giám đốc (TGD) đề ra các kịch bản, giải pháp đồng bộ, linh hoạt để hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2023 trước tình hình thị trường trong nước và thế giới có nhiều biến động do ảnh hưởng của chiến tranh giữa Nga - Ukraine, Israel - Hamas, tỷ giá đồng USD, biến động của giá dầu mỏ... Bên cạnh sự chỉ đạo sát sao của HĐQT, sự hỗ trợ của Cổ đông lớn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, cùng với xu hướng tích cực của thị trường, với tinh thần đoàn kết, chia sẻ và trách nhiệm trong quản lý, điều hành, BSR đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận trong năm 2023.

HĐQT đã thực hiện đầy đủ chức năng đại diện các chủ sở hữu trong việc chỉ đạo, giám sát hoạt động điều hành của BDH, định hướng phù hợp và kịp thời, đảm bảo sử dụng hiệu quả các nguồn lực để hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua, trên cơ sở tuân thủ các quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và các quy định có liên quan.

Với tinh thần trách nhiệm cao, HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ một cách cẩn trọng, trung thực vì lợi ích của cổ đông và Công ty. Kết quả năm 2023, Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu nhiệm vụ được ĐHĐCĐ giao. Công ty tiếp tục vận hành an toàn Nhà máy lọc dầu Dung Quất (Nhà máy); mở rộng nguồn dầu thô, nguyên liệu trung gian đầu vào; cũng như đa dạng hóa sản phẩm khí sản xuất và xuất bán.

Năm 2023, Nhà máy lọc dầu Dung Quất vận hành an toàn, ổn định, góp phần quan trọng hoàn thành các chỉ tiêu SXKD năm 2023 của Công ty. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chính năm 2023 đều đạt kết quả tích cực và hoàn thành kế hoạch được giao, trong đó tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 150.115 và 8.592 tỷ đồng, theo thứ tự vượt 3,5% và 75% so với kế hoạch điều chỉnh. Sản lượng sản xuất và tiêu thụ đạt trên 7,3 triệu tấn, tương đương 111% công suất thiết kế và vượt 9% kế hoạch điều chỉnh.

Về kết quả thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm đã đề ra

Công tác chiến lược, kế hoạch



- HĐQT chỉ đạo cập nhật Định hướng Chiến lược phát triển đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045; triển khai Kế hoạch 5 năm 2021 – 2025, từng bước hiện thực hóa Chiến lược phát triển; định hướng các mục tiêu phát triển trong dài hạn để chủ động trong kinh doanh; chỉ đạo xây dựng Chiến lược tiêu thụ sản phẩm, Chiến lược thương hiệu và truyền thông,...
- Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, BSR đã tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm bao gồm: vận hành Nhà máy lọc dầu Dung Quất đảm bảo an toàn, ổn định ở công suất tối ưu phù hợp với nhu cầu thị trường; nghiên cứu, đánh giá và chế biến thử nghiệm thành công các loại dầu mới để mở rộng giới dầu thô cho Nhà máy; tiếp tục triển khai đàm phán việc cung cấp dầu thô dài hạn; đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và tối ưu hóa sản xuất; triển khai Dự án nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất sau khi điều chỉnh chủ trương đầu tư; xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro của BSR để tích hợp với chiến lược phát triển của BSR đến 2030, tầm nhìn đến 2045; tiếp tục thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp; Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số để nâng cao độ chính xác và kịp thời của thông tin báo cáo góp phần nâng cao hiệu quả quản trị công ty, tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) sau khi đi vào vận hành; triển khai thực hiện đồng bộ văn hóa doanh nghiệp trong toàn Công ty.
- HĐQT xác định các vấn đề, nội dung trong hoạt động của BSR cần được ưu tiên thực hiện trong từng năm, từng giai đoạn để BSR luôn chủ động, tận dụng thời cơ, đón đầu xu hướng và cũng làm cơ sở để BSR phân bổ nguồn lực thực hiện phù hợp.

Công tác quản trị



- Để góp phần nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp, tạo chủ động và đột phá cho hoạt động SXKD phù hợp với cơ chế thị trường, HĐQT chỉ đạo thực hiện giải pháp về cơ chế chính sách. Trong đó: ban hành các Quy chế trả lương, trả thưởng, Quy chế thưởng an toàn; rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các Quy chế quản lý hoạt động kinh doanh đầu thô, sản phẩm, Quy chế quản lý tài chính, các Quy định phân cấp đầu tư và quản lý đấu thầu,... cũng như các quy định pháp luật, chỉ đạo điều hành của các cơ quan quản lý Nhà nước.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các chỉ đạo, Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
- Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ tại Nghị quyết số 2676/NQ-BSR ngày 13/04/2023 và kết quả hoạt động SXKD năm 2023, HĐQT đã quyết định điều chỉnh Kế hoạch SXKD năm 2023 tại Nghị quyết số 7324/NQ-BSR ngày 28/12/2023.
- Thực hiện ủy quyền của ĐHĐCĐ tại Nghị quyết số 1189/NQ-BSR ngày 22/04/2022, HĐQT đã ban hành Quyết định số 968/QĐ-BSR ngày 28/03/2024 về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án Nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất.

Công tác khác



- Bên cạnh việc chỉ đạo thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD thì trách nhiệm đối với môi trường và xã hội cũng được BSR xem là một trong những ưu tiên hàng đầu. Nhận thức rõ việc tuân thủ an toàn và môi trường là vấn đề quan trọng của doanh nghiệp, từ khi thành lập đến nay, BSR luôn thể hiện trách nhiệm cao trong việc tuân thủ, chấp hành tốt các quy định của pháp luật về môi trường. Với định hướng phát triển bền vững, các sản phẩm của BSR luôn đáp ứng tiêu chuẩn quy định và thân thiện với môi trường.
- Về công tác niêm yết cổ phiếu BSR tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE), trong năm 2023, Công ty đã tiến hành thuê đơn vị tư vấn niêm yết chứng khoán theo quy định và tích cực tổ chức triển khai các công việc chuẩn bị để đăng ký niêm yết chứng khoán tại HOSE. Mặc dù có kết quả sản xuất kinh doanh và sức khỏe tài chính rất tốt trong những năm gần đây nhưng BSR vẫn chưa đáp ứng được điều kiện niêm yết cổ phiếu theo quy định của Luật chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Do đó, BSR sẽ tiếp tục triển khai công tác chuyển sàn, đăng ký niêm yết chứng khoán tại HOSE khi đủ điều kiện.

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị với Ban TGD

Phương thức giám sát

Căn cứ Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị đã thực hiện giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết/Quyết định/các văn bản chỉ đạo của HĐQT trong năm 2023 như sau:

- Giám sát quá trình lập kế hoạch SXKD năm 2023 và việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thông qua và HĐQT phê duyệt.
- Thường xuyên tổ chức, tham gia các cuộc họp của HĐQT, của Ban TGD để chỉ đạo, đánh giá tình hình thực hiện, xem xét các giải pháp, kiểm tra, giám sát, đôn đốc các hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư xây dựng, tài chính, tổ chức nhân sự, tái cấu trúc, tối ưu hóa và các hoạt động khác trong toàn Công ty và các đơn vị có phần vốn góp.
- Phối hợp chặt chẽ với Ban TGD trong việc kiểm tra, nắm bắt tình hình hoạt động SXKD thực tế của Công ty.
- Tổ chức công tác kiểm tra, giám sát chuyên đề.
- Giám sát các đơn vị thành viên, liên kết thông qua Quy chế người đại diện của Công ty tại các công ty con/ công ty liên kết, Quy chế quản lý vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác.

Kết quả giám sát

Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt vai trò quản lý, điều hành BSR trong năm 2023, cụ thể:

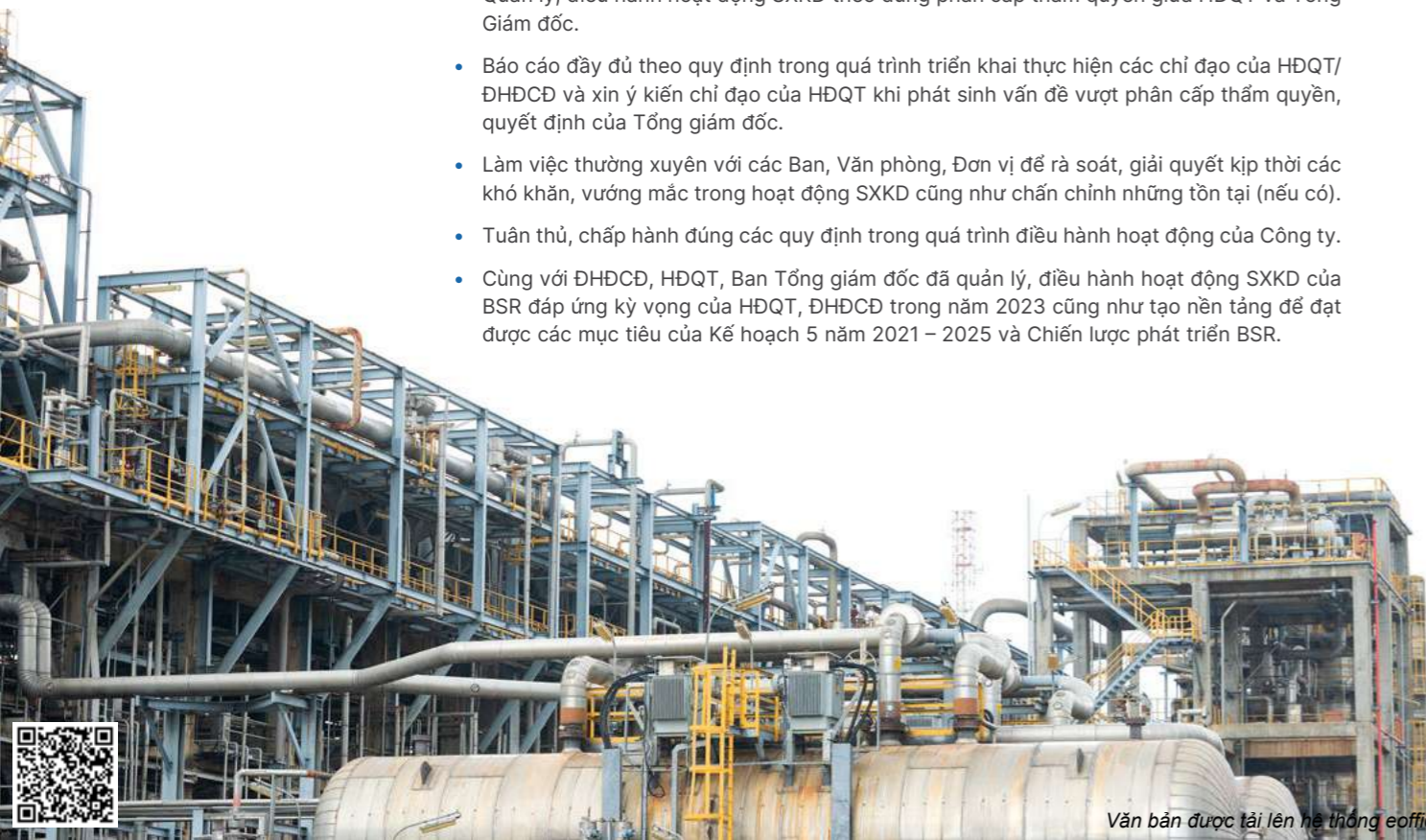
- Triển khai, chỉ đạo các ban, văn phòng, đơn vị thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của ĐHĐCĐ, HĐQT.
- Quản lý, điều hành hoạt động SXKD chuyên nghiệp, sát sao, trung thực, cẩn trọng với tinh thần trách nhiệm cao, khắc phục khó khăn, không ngừng nâng cao năng lực quản trị theo thông lệ tốt, hiện đại để hoàn thành công việc, nhiệm vụ được giao vì lợi ích hợp pháp, tối đa của BSR và các cổ đông.
- Quản lý, điều hành hoạt động SXKD theo đúng phân cấp thẩm quyền giữa HĐQT và Tổng Giám đốc.
- Báo cáo đầy đủ theo quy định trong quá trình triển khai thực hiện các chỉ đạo của HĐQT/ĐHĐCĐ và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT khi phát sinh vấn đề vượt phân cấp thẩm quyền, quyết định của Tổng giám đốc.
- Làm việc thường xuyên với các Ban, Văn phòng, Đơn vị để rà soát, giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc trong hoạt động SXKD cũng như chấn chỉnh những tồn tại (nếu có).
- Tuân thủ, chấp hành đúng các quy định trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty.
- Cùng với ĐHĐCĐ, HĐQT, Ban Tổng giám đốc đã quản lý, điều hành hoạt động SXKD của BSR đáp ứng kỳ vọng của HĐQT, ĐHĐCĐ trong năm 2023 cũng như tạo nền tảng để đạt được các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021 – 2025 và Chiến lược phát triển BSR.

Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

Năm 2024, bên cạnh những tác động từ tình hình kinh tế, chính trị thế giới thì nội tại BSR phải đối diện và giải quyết các vấn đề về: giá dầu mỏ tiếp tục biến động khó lường; xu thế chuyển đổi số, chuyển dịch năng lượng; suy giảm nguồn đầu thô nội địa, thay thế là các nguồn nhập khẩu với chi phí cao; đối thủ mạnh cạnh tranh trong kinh doanh xăng dầu, các sản phẩm hóa dầu; chi phí bảo dưỡng sửa chữa ngày càng tăng theo số năm vận hành Nhà máy lọc dầu Dung Quất; chi phí đầu tư cao hơn, thủ tục, quy định về đầu tư phức tạp hơn so với trước đây... Vì vậy, để hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024, HĐQT xác định những nhiệm vụ chính cần thực hiện như sau:

- Tiếp tục tổ chức bộ máy HĐQT, cơ quan giúp việc cho HĐQT làm việc chuyên nghiệp, sắc bén với tinh thần trách nhiệm cao.
- Duy trì các phiên họp định kỳ theo quy định, tổ chức họp bất thường khi cần thiết, linh hoạt áp dụng hình thức làm việc trực tiếp tại văn phòng BSR hoặc làm việc từ xa (tùy thuộc tình hình thực tế) để kịp thời chỉ đạo, giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền, phân cấp của HĐQT.
- Tiếp tục xem xét, quyết định, chỉ đạo: công tác xây dựng, thực hiện Chiến lược; xác định các vấn đề, công việc trong hoạt động SXKD của BSR cần được ưu tiên thực hiện; xây dựng, kiến nghị, phê duyệt các vấn đề về cơ chế chính sách; kiểm tra, giám sát Ban Tổng giám đốc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành BSR, thực hiện các chỉ đạo, Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và các cấp có thẩm quyền; tổ chức thực hiện các ủy quyền của ĐHĐCĐ (nếu có).
- Đồng thời, HĐQT tiếp tục chỉ đạo thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, cụ thể:
- Triển khai các nhiệm vụ hoạt động SXKD gắn liền Quyết định số 1243/QĐ-TTg phê duyệt "Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) giai đoạn đến hết năm 2025"; Kế hoạch 5 năm 2021-2025 của BSR làm cơ sở để BSR phát triển bền vững.
- Tập trung vận hành Nhà máy lọc dầu Dung Quất an toàn, ổn định, liên tục ở công suất, cơ cấu sản phẩm tối ưu phù hợp với nhu cầu và tình hình thị trường, tối đa hóa hiệu quả sản xuất kinh doanh của BSR.
- Giám sát chặt chẽ công tác Bảo dưỡng tổng thể Nhà máy lọc dầu Dung Quất lần 5 đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ và tối ưu chi phí với kế hoạch được duyệt.
- Đảm bảo nguồn cung dầu thô cung cấp cho vận hành an toàn, ổn định, hiệu quả Nhà máy lọc dầu Dung Quất.
- Chỉ đạo, nghiên cứu xem xét cơ hội hợp tác với đối tác tiềm năng nhằm đa dạng và phát triển thị trường sản phẩm hóa dầu.

- Chỉ đạo hoàn thiện hồ sơ quyết toán cổ phần hóa BSR trong năm 2024.
- Đẩy mạnh triển khai Dự án NCMR NMLD Dung Quất (Dự án điều chỉnh) đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả đầu tư Dự án và tuân thủ các quy định hiện hành.
- Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số, đồng thời tích hợp hệ thống ERP với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để hệ thống ERP được thông suốt, hiệu quả.
- Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ phù hợp với các quy định của pháp luật và PVN, đáp ứng yêu cầu thực tiễn của hoạt động SXKD Công ty, thích ứng với cơ chế thị trường.
- Thực hiện công tác tái cấu trúc theo Nghị quyết số 4626/NQ-DKVN ngày 13/07/2023 của Hội đồng thành viên Tập đoàn; Rà soát, sắp xếp công tác tổ chức, cơ cấu, chức năng nhiệm vụ, định biên các Ban, Chi nhánh Công ty đảm bảo hiệu quả, phù hợp với hoạt động SXKD của BSR từng giai đoạn.
- Triển khai công tác truyền thông, an sinh xã hội phù hợp với điều kiện hoạt động SXKD của Công ty.
- Phấn đấu đăng ký thủ tục chuyển sản phẩm yếm tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) khi đủ điều kiện.
- Thực hiện các công việc khác do Đại hội đồng cổ đông giao.



05

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị (HDQT) có 5 thành viên, bao gồm Chủ tịch HĐQT, 01 Thành viên kiêm Tổng Giám đốc, 03 Thành viên không điều hành.

STT	Hội đồng quản trị	Chức vụ	Số cổ phần đại diện	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch	1.147.384.859	6.400	37,00%
2	Bùi Ngọc Dương	Thành viên	930.149.885	0	30,00%
3	Hà Đồng	Thành viên	465.074.942	0	15,00%
4	Khuông Lê Thành	Thành viên	313.770.561	3.400	10,12%
5	Hạng Anh Minh	Thành viên			

Hoạt động của HĐQT

Với tinh thần trách nhiệm cao, HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ một cách cẩn trọng, trung thực vì lợi ích của các cổ đông và Công ty

Với tinh thần trách nhiệm cao, HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ một cách cẩn trọng, trung thực vì lợi ích của các cổ đông và Công ty. Kết quả năm 2023, Công ty đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu nhiệm vụ được ĐHCĐ giao. Công ty tiếp tục vận hành an toàn, ổn định Nhà máy lọc dầu Dung Quất; mở rộng nguồn dầu thô, nguyên liệu trung gian đầu vào.

Các hoạt động chủ động, tích cực, hiệu quả, kịp thời và có tầm chiến lược của HĐQT, phù hợp với các quy định của pháp luật và BSR, với phương châm "Chính trực – Chuyên nghiệp – Đoàn kết – Sáng tạo – Hiệu quả", triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp, trong đó tập trung vào vào các nhóm giải pháp cốt lõi, đột phá "về con người, thị trường và cơ chế chính sách" góp phần giúp BSR tiếp tục đạt được nhiều thành công trong năm 2023, giảm thiểu mức độ ảnh hưởng từ các yếu tố khách quan bất lợi (cụ thể như được trình bày tại "Báo cáo kết quả SXKD năm 2023, kế hoạch SXKD năm 2024"), tạo thuận lợi để BSR đạt được các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021 – 2025 và Chiến lược phát triển dài hạn.

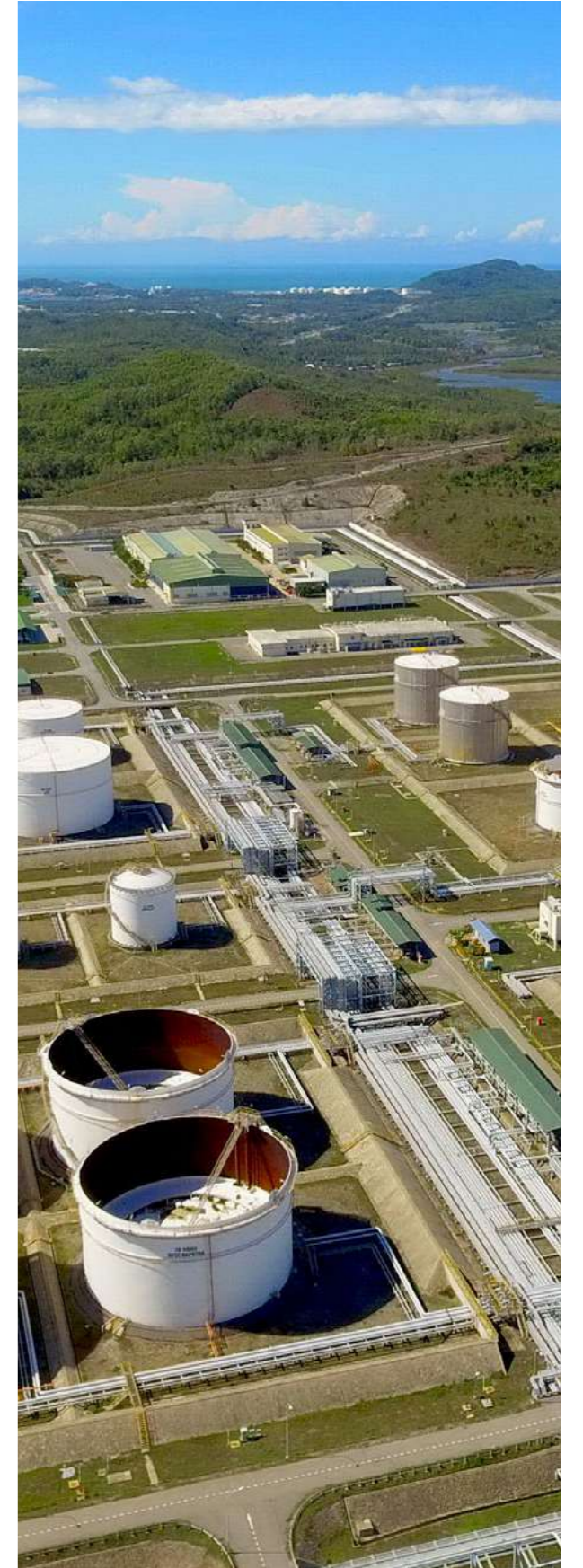


Một số hoạt động nổi bật của HĐQT như sau:

- Chiến lược, kế hoạch: HĐQT chỉ đạo cập nhật Định hướng Chiến lược phát triển đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045; triển khai Kế hoạch 5 năm 2021 – 2025, từng bước hiện thực hóa Chiến lược phát triển; định hướng các mục tiêu phát triển dài hạn để chủ động trong kinh doanh; chỉ đạo xây dựng Chiến lược tiêu thụ sản phẩm, Chiến lược thương hiệu và truyền thông...
- Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, BSR đã tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm.
- HDQT xác định các vấn đề, nội dung trong hoạt động của BSR cần được ưu tiên thực hiện trong từng năm, từng giai đoạn để BSR luôn chủ động, tận dụng thời cơ, đón đầu xu hướng và cũng làm cơ sở để BSR phân bổ nguồn lực thực hiện phù hợp.
- HDQT chỉ đạo thực hiện giải pháp về cơ chế chính sách, trong đó: ban hành các Quy chế nội bộ cũng như cập nhật và áp dụng các quy định phát luật, chỉ đạo điều hành của các cơ quan quản lý Nhà nước.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các chỉ đạo, Nghị quyết, Quyết định của ĐHCĐ, HĐQT.
- Thực hiện ủy quyền của ĐHCĐ tại Nghị quyết số 2676/NQ-BSR ngày 13/04/2023 và kết quả hoạt động SXKD năm 2023, HĐQT đã quyết định điều chỉnh Kế hoạch SXKD năm 2023 tại Nghị quyết số 7324/NQ-BSR ngày 28/12/2023.
- Về công tác niêm yết cổ phiếu BSR: Công ty đã tiến hành thuê đơn vị tư vấn niêm yết chứng khoán theo quy định và tích cực tổ chức triển khai các công việc chuẩn bị để đăng ký niêm yết chứng khoán tại HOSE.

Ngoài ra, phù hợp với phân cấp, thẩm quyền, HĐQT còn thực hiện nhiều hoạt động/chương trình khác để chỉ đạo, định hướng, quản trị hoạt động SXKD của BSR.

HDQT xác định các vấn đề, nội dung trong hoạt động của BSR cần được ưu tiên thực hiện trong từng năm, từng giai đoạn để BSR luôn chủ động, tận dụng thời cơ, đón đầu xu hướng và cũng làm cơ sở để BSR phân bổ nguồn lực thực hiện phù hợp.



HDQT ban hành trên 170 Nghị quyết, Quyết định và trên 200 Văn bản để quản trị, chỉ đạo về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 đối với những vấn đề thuộc phân cấp, thẩm quyền quyết định của HDQT. Trong đó có một số Nghị quyết quan trọng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	07324/NQ-BSR	28/12/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt điều chỉnh một số chỉ tiêu Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
2	05504/NQ-BSR	05/09/2023	Nghị quyết Về việc phê duyệt Đề án/Kế hoạch cơ cấu lại Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn đến năm 2025
3	05160/NQ-BSR	14/08/2023	Nghị quyết về việc chấp thuận Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh 5 năm 2021-2025 của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
4	05005/NQ-BSR	02/08/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt Chương trình An sinh xã hội năm 2023-2024 của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
5	04809/NQ-BSR	19/07/2023	Nghị quyết về việc thông qua các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn và Người có liên quan
6	03417/NQ-BSR	14/06/2023	Nghị quyết về việc giải tỏa cổ phần hết hạn hạn chế chuyển nhượng trong đợt bán cổ phần ưu đãi theo thời gian cam kết làm việc của người lao động cho Công ty cổ phần sau cổ phần hóa
7	03383/NQ-BSR	12/06/2023	Nghị quyết Về việc phê duyệt kinh phí tài trợ các hạng mục/công trình An sinh xã hội bổ sung thuộc Chương trình An sinh xã hội năm 2022-2023 của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
8	03269/NQ-BSR	02/06/2023	Nghị quyết về việc thông qua Phương án chi trả cổ tức năm 2022 của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
9	02789/NQ-BSR	21/04/2023	Nghị quyết Về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 của BSR
10	02738/NQ-BSR	19/04/2023	Về việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
11	02676/NQ-BSR	13/04/2023	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn năm 2023
12	02216/NQ-BSR	09/03/2023	Nghị quyết về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động SXKD năm 2023 tạm thời của BSR
13	01811/NQ-BSR	08/02/2023	Nghị quyết về việc thông qua chương trình làm việc của Hội đồng quản trị BSR năm 2023
14	01805/NQ-BSR	07/02/2023	Nghị quyết Về việc thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn
15	01778./NQ-BSR	06/02/2023	Nghị quyết về việc quy hoạch cán bộ

Báo cáo hoạt động của từng thành viên HDQT

Ông Nguyễn Văn Hội

(Chủ tịch HDQT)

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Thành viên/Chủ tịch HDQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BSR, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HDQT và các quy định liên quan khác.

Lĩnh vực phụ trách:

Chiến lược phát triển, Công tác tái cấu trúc Công ty; Phụ trách hoạt động của Văn phòng Hội đồng quản trị.

Nhận xét:

Ông Nguyễn Văn Hội thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của Thành viên/Chủ tịch HDQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BSR, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HDQT và quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HDQT phân công về lĩnh vực phụ trách nêu trên.

Ông Bùi Ngọc Dương

(Thành viên HDQT/ TGD)

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HDQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BSR, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HDQT và các quy định liên quan khác.

Lĩnh vực phụ trách:

Công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và lĩnh vực Tài chính Kế toán của Công ty.

Giám sát hoạt động:

Bộ máy cơ quan điều hành.

Nhận xét:

Ông Bùi Ngọc Dương thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HDQT/TGD theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BSR, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HDQT và quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HDQT phân công về lĩnh vực phụ trách nêu trên.

Ông Hà Đống

(Thành viên HDQT)

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HDQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BSR, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HDQT và các quy định liên quan khác.

Lĩnh vực phụ trách:

Giám sát công tác Bảo dưỡng tổng thể lần 5 (TA5); Lĩnh vực tiến độ triển khai Dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất (NCOMR); Công ty dự báo, phân tích thị trường phục vụ sản xuất kinh doanh; Giám sát Công ty cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí (PMS).

Nhận xét:

Ông Hà Đống thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HDQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BSR, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HDQT và quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HDQT phân công về lĩnh vực phụ trách nêu trên.





Ông Khương Lê Thành
(Thành viên HĐQT)

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BSR, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định liên quan khác.

Lĩnh vực phụ trách:

Công tác an ninh, an toàn, sức khỏe, môi trường, phòng cháy chữa cháy và quản lý chất lượng; Công tác quản trị nhân lực, tiền lương, chế độ chính sách và đào tạo; Công tác chuyển đổi số; Truyền thông, văn hóa doanh nghiệp, an sinh xã hội; Công tác mua sắm hàng hóa, thương mại dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; Công tác pháp chế, quản trị rủi ro, bảo hiểm; Lĩnh vực công nghệ Dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất; Lĩnh vực khoa học công nghệ Công ty; Giám sát Công ty cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF).

Nhận xét:

Ông Khương Lê Thành thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BSR, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực phụ trách nêu trên.

Ông Hạng Anh Minh
(Thành viên độc lập HĐQT)

Thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BSR, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định liên quan khác.

Lĩnh vực phụ trách:

Công tác Đầu tư, mua sắm tài sản cố định; Lĩnh vực kinh doanh dầu thô và sản phẩm; Công tác kế hoạch sản xuất kinh doanh; Kiểm soát, kiểm toán nội bộ; Quan hệ cổ đông; truyền thông liên quan đến công tác quan hệ cổ đông. Công tác nhượng bán, thanh lý tài sản; Lĩnh vực pháp lý Dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất; Phụ trách hoạt động của Ban Kiểm soát nội bộ; Giám sát Công ty cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building) và Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOS).

Nhận xét:

Ông Hạng Anh Minh thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của Thành viên độc lập HĐQT theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ BSR, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và quy định liên quan khác; hoàn thành tốt nhiệm vụ do HĐQT phân công về lĩnh vực phụ trách nêu trên.

Hoạt động của HĐQT

Tất cả thành viên trong Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã được đào tạo về quản trị Công ty. Trong năm 2023, các thành viên này đã tham gia các chương trình đào tạo/ hội thảo như “Nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp – Lãnh đạo trong thế giới D-VUCAD”, “Hứng nhận thành viên Hội đồng quản trị”, “Diễn đàn quản trị cấp cao Việt Nam - Singapore”, “Phát triển năng lực quản lý”, “Quản trị doanh nghiệp theo thông lệ quốc tế”, “Hội đồng quản trị quốc tế” do các chuyên gia trong nước và quốc tế giảng dạy, chia sẻ.

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và cổ đông lớn và người liên quan:

Trong năm 2023, giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ như sau:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (01/01/2023)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2023)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Nguyễn Lý Phương Dung	Người có liên quan của Thư ký Công ty	0	0%	0	-	Mua, bán
2	Võ Tiến Bình	Thư ký Công ty	0	0%	0	-	Mua, bán

Ghi chú: số lượng cổ phiếu giao dịch dưới số lượng phải công bố thông tin từng giao dịch theo quy định.

- Trong năm 2023, BSR không phát sinh các giao dịch hoặc hợp đồng với cổ đông nội bộ.
- Công ty tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về Luật Doanh nghiệp, chứng khoán và các văn bản liên quan.

Bổ nhiệm/ Miễn nhiệm cán bộ

Trong năm 2023, ĐHĐCĐ quyết định bầu ông Hạng Anh Minh giữ chức Thành viên độc lập HĐQT, quyết định miễn nhiệm chức danh Thành viên độc lập HĐQT đối với ông Nguyễn Hải Âu và ông Nguyễn Bá Phước; HĐQT quyết định bổ nhiệm ông Trần Thái Bảo giữ chức Phó Tổng Giám đốc Công ty, quyết định thôi giữ chức Phó Tổng Giám đốc đối với ông Trần Đoàn Thịnh để chuyển công tác khác, quyết định ông Nguyễn Ngọc Anh được nghỉ việc để hưởng chế độ hưu trí; Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn không có sự thay đổi về nhân sự trong Ban Kiểm soát.

Về chi phí hoạt động

Chi tiết thù lao của HĐQT được tổng hợp và thể hiện trong Tờ trình thông qua báo cáo tiền lương, thu nhập năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của HĐQT và Ban Kiểm soát, Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán và Báo cáo thường niên năm 2023 theo quy định.

Các thành viên HĐQT làm việc thường xuyên tại Công ty, sử dụng phòng làm việc, các tiện ích, phương tiện di chuyển, công cụ, dụng cụ làm việc và thực hiện các chế độ công tác, đào tạo... theo các quy định hiện hành của Công ty về các định mức chi phí hành chính và các trang thiết bị, chế độ công tác phí... Chi phí hoạt động của HĐQT được hạch toán theo quy định vào chi phí quản lý chung của Công ty.



Báo cáo của Ban Kiểm soát

Kết quả giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty

Trên cơ sở kế hoạch hoạt động năm 2023, kết quả giám sát tình hình hoạt động thực tế tại BSR và Báo cáo kiểm toán của đơn vị kiểm toán độc lập (Công ty TNHH Kiểm toán Deloitte Việt Nam và Ban Kiểm soát đã thực hiện thẩm định BCTC 6 tháng và 1 năm), Ban Kiểm soát báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh của BSR đối với một số chỉ tiêu chính như sau:

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt

8.755

Tỷ đồng

Vượt kế hoạch năm 2023 là 174%

Hiện tại, BSR đang thực hiện phương án tái cơ cấu các khoản góp vốn tại 04 công ty trên theo phương án thoái vốn tại PMS, PVOS, thực hiện phá sản đối với BSR-BF và tiếp tục giữ nguyên phần vốn PV Building.

Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Năm 2023, Nhà máy hoạt động ổn định với công suất cao và bình quân trên 100% công suất thiết kế. Tình hình diễn biến địa chính trị trên thế giới phức tạp do chiến dịch đặc biệt Nga - Ukraine, tình hình ở giải Gaza, giá dầu thô tiếp tục khó dự báo, lạm phát toàn cầu đã giảm, nhưng lạm phát cơ bản vẫn ở mức cao ... Với tình hình như vậy, nhưng BSR đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trọng tâm và vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra cụ thể như: Lợi nhuận sau thuế đạt **8.755** tỷ đồng, vượt kế hoạch năm 2023 là 174%. Nộp ngân sách nhà nước **17.409** tỷ đồng, vượt kế hoạch năm 111%. Đối với sản lượng sản xuất và sản lượng tiêu thụ cũng vượt kế hoạch cụ thể như sau: sản lượng sản xuất: **7.367.305** tấn đạt 109%, sản lượng tiêu thụ: **7.340.677** tấn đạt 109% so với kế hoạch 2023.

Các chỉ số tài chính:

Các hệ số về khả năng thanh toán, các chỉ tiêu về cân đối nợ, sự phù hợp của cơ cấu tài sản, nguồn vốn... nhìn chung các chỉ số tài chính của BSR là tốt, nằm trong khoảng an toàn.

Tình hình bảo toàn và phát triển vốn:

Năm 2023, BSR lãi sau thuế là 8.755 tỷ đồng nên Công ty đã bảo toàn và phát triển vốn với hệ số là 1,12.

Công tác đầu tư tài chính:

Tại thời điểm 31/12/2023, BSR có 01 đơn vị hạch toán phụ thuộc là Ban quản lý dự án nâng cấp mở rộng nhà máy và BSR tham gia góp vốn tại 04 doanh nghiệp gồm:

- Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF) với tỷ lệ tham gia góp vốn là 65,54% vốn điều lệ. Các Ngân hàng đã kiện BSR-BF lên Tòa án để yêu cầu thanh toán các khoản nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng. Ngày 26/09/2023, Tòa án đã tuyên án Theo Bản án sơ thẩm số 08/2023/KDTM-ST ngày 26/9/2023 cơ bản chấp nhận tất cả các yêu cầu khởi kiện của các Ngân hàng, đồng thời yêu cầu BSR-BF thanh toán các khoản nợ gốc, lãi phát sinh. Trong trường hợp BSR-BF không thể thanh toán thì các Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ. Ngày 10/10/2023, BSR-BF đã nộp đơn kháng cáo với một số nội dung của bản án dân sự sơ thẩm số 08/2023/KDTM-ST ngày 26/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi. Đến ngày 22/2/2024, BSR-BF đã nộp hồ sơ mở thủ tục phá sản lên tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi. Năm 2023, BSR-BF ước lỗ lũy kế là 1.611,26 tỷ đồng và âm vốn chủ sở hữu khoảng 478,89 tỷ đồng. Tại thời điểm 31/12/2023, BSR đang trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào BSR-BF là gần 205,78 tỷ đồng (trích lập thêm trong kỳ: 0 VND và không bao gồm khoản 536 tỷ đồng BSR đã trích lập cho giai đoạn trước 30/6/2018).
- Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building) với: tỷ lệ cổ phần nắm giữ là 83,26% vốn điều lệ. Năm 2023, PV Building ước đạt tổng doanh thu 686 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 15,3 tỷ đồng.

- Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa công trình Dầu khí (PMS) với tỷ lệ vốn thực góp là 7 tỷ đồng, chiếm 8,75% vốn điều lệ. Năm 2023, PMS ước đạt tổng doanh thu 198 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 5,63 tỷ đồng.
- Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOS) với tỷ lệ vốn thực góp là 4,24 tỷ đồng, chiếm 5,77% vốn điều lệ. Năm 2023, PVOS ước lỗ khoảng 2,4 tỷ đồng. Vì đang trong giai đoạn đầu tư, tiến độ đầu tư kéo dài do các vướng mắc về cơ chế/ chính sách nên chưa hiệu quả. Trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty TNHH Kho ngầm xăng dầu Dầu khí Việt Nam là 1.492.777.634 VND (trong đó: trích lập thêm trong kỳ 206.555.700 VND).
- Hiện tại, BSR đang thực hiện phương án tái cơ cấu các khoản góp vốn tại 04 công ty trên theo phương án thoái vốn tại PMS, PVOS, thực hiện phá sản đối với BSR-BF và tiếp tục giữ nguyên phần vốn PV Building.

Hiện tại, BSR đang thực hiện phương án tái cơ cấu các khoản góp vốn tại 04 công ty trên theo phương án thoái vốn tại PMS, PVOS, thực hiện phá sản đối với BSR-BF và tiếp tục giữ nguyên phần vốn PV Building.

Vấn đề ngoại trừ và nhấn mạnh trong BCTC 2023 của BSR:

Trong BCTC riêng và BCTC hợp nhất năm 2023 của BSR, Kiểm toán Deloitte đã lưu ý vấn đề cần nhấn mạnh và không có yếu tố ngoại trừ, cụ thể:

Ý kiến nhấn mạnh trên BCTC riêng:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Ý kiến nhấn mạnh trên BCTC hợp nhất:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền chưa thực hiện kiểm tra và phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tòa án Nhân dân Thành phố Quảng Ngãi đã ban hành Bản án sơ thẩm vụ kiện một số ngân hàng khởi kiện Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF - công ty con của Công ty) liên quan đến các khoản vay quá hạn thanh toán. Theo đó, BSR-BF buộc phải thanh toán các khoản nợ gốc, lãi quá hạn. Trong tháng 02 năm 2024, BSR-BF đã nộp đơn mở thủ tục phá sản đến Tòa án Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi theo chấp thuận của Hội đồng Quản trị. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của BSR-BF được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty trên cơ sở hoạt động liên tục, phù hợp với cơ sở lập báo cáo tài chính và chính sách kế toán của Công ty.

Ý kiến của Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát cho rằng ý kiến nhấn mạnh của Kiểm toán Deloitte phù hợp, khách quan. Việc BSR chưa được phê duyệt quyết toán cổ phần hóa và Tòa đang trong quá trình xử lý các thủ tục liên quan đến Công ty cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung về các quyền và nghĩa vụ liên quan đến BSR- BF có thể phát sinh điều chỉnh kết quả xuất kinh doanh năm 2023 khi cơ quan có thẩm quyền có các quyết định cuối cùng. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2020, Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ giá trị khoản đầu tư vào BSR-BF. Ngày 22/2/2024, BSR-BF đã nộp hồ sơ mở thủ tục phá sản lên tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Công tác quản trị doanh nghiệp

Trong giai đoạn biến động của thị trường trong nước và quốc tế thời gian qua, Ban Lãnh đạo Công ty đã tập trung và có các giải pháp về quản trị biến động, điều hành linh hoạt để ứng phó với các tình huống về thị trường và biến động trên thế giới. Tăng cường áp dụng các hệ thống quản trị hiện đại, xây dựng chiến lược phát triển và văn hóa doanh nghiệp để tạo môi trường và động lực phát triển bền vững. Cụ thể:

Hoàn thiện Hệ thống quản trị rủi ro và triển khai áp dụng vào thực tiễn quản lý điều hành; Xây dựng Chiến lược phát triển BSR đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 để làm lộ trình đầu tư phát triển bền vững cho Công ty.

Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các Quy chế, quy định và quy trình để phù hợp với thực tế SXKD và tuân thủ các quy định pháp luật, chỉ đạo điều hành của các cơ quan quản lý Nhà nước.

Áp dụng hệ thống công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành và giám sát các hoạt động thường xuyên của Công ty. Đẩy mạnh công tác chuyển đổi số để nâng cao độ chính xác và kịp thời của báo cáo quản trị công ty, tiếp tục hoàn thiện hệ thống quản trị nguồn lực doanh nghiệp (ERP) sau khi đi vào vận hành.

Thực hiện theo phương án tái cơ cấu đảm bảo ổn định tổ chức, phù hợp với đặc thù, thực tế của từng giai đoạn và cho những năm tiếp theo của Công ty.

Triển khai thực hiện đồng bộ văn hóa doanh nghiệp của công ty để tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững.

Kết quả giám sát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

Trong năm 2023, HĐQT BSR đã hoàn thành tốt các chức năng, nhiệm vụ được giao và đưa ra các chỉ đạo định hướng, quyết định, nghị quyết kịp thời để Ban điều hành thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu đã được ĐHĐCĐ thông qua. Báo cáo của HĐQT và TGD đã phản ánh đầy đủ, trung thực tình hình hoạt động năm 2023 của Công ty, cụ thể:



Hội đồng Quản trị:

HĐQT hoàn thành tốt các chức năng, nhiệm vụ, quyền và nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật, Điều lệ BSR, Quy chế hoạt động và các quy định khác có liên quan; làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, minh bạch và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ được giao.

HĐQT đã ban hành quyết định phân công nhiệm vụ trong Hội đồng quản trị theo lĩnh vực (chi tiết như báo cáo của HĐQT) bên cạnh các nhiệm vụ và trách nhiệm của Thành viên HĐQT theo quy định pháp luật và Điều lệ BSR để tối ưu hóa và nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo và giám sát các hoạt động của Công ty.

HĐQT đã ban hành các nghị quyết, quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty theo đúng trình tự, thẩm quyền, phù hợp căn cứ pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty.

Các thành viên HĐQT tham gia đầy đủ các cuộc họp, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, cẩn trọng, trung thực vì lợi ích của cổ đông và Công ty; đã thực hiện tốt vai trò giám sát, chỉ đạo và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Tổng Giám đốc thực hiện công tác điều hành hoạt động SXKD.

HĐQT đã chỉ đạo, tạo điều kiện và đồng hành cùng Tổng Giám đốc trong việc xử lý các vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động SXKD, đặc biệt là triển khai đồng bộ các nhóm giải pháp, trong đó tập trung vào vào các nhóm giải pháp cốt lõi, đột phá “về con người, thị trường và cơ chế chính sách” góp phần giúp BSR đạt được thành công trong năm 2023.

Tổng Giám đốc:

TGD đã chỉ đạo các ban chức năng nghiêm túc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của HĐQT và ĐHĐCĐ.

- Tổ chức quản lý, điều hành hoạt động SXKD chuyên nghiệp, trung thực, cẩn trọng với tinh thần trách nhiệm cao và không ngừng nâng cao năng lực quản trị theo thông lệ tốt, hiện đại để tối ưu hóa nâng cao hiệu quả SXKD.
- Quản lý, điều hành hoạt động SXKD đúng phân cấp giữa HĐQT và Tổng Giám đốc. Thực hiện báo cáo đầy đủ theo quy định trong quá trình triển khai thực hiện các chỉ đạo của HĐQT.
- Luôn nỗ lực nghiên cứu và sáng tạo để có các giải pháp trong quản lý điều hành và SXKD cũng như tối ưu hóa, tiết giảm chi phí.
- Tuân thủ, chấp hành đúng các quy định trong quá trình điều hành hoạt động của Công ty.

HĐQT, Ban Tổng giám đốc đã quản lý, điều hành hoạt động SXKD của BSR đáp ứng kỳ vọng và hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ của ĐHĐCĐ trong năm 2023 và tạo nền tảng, động lực cho sự phát triển bền vững của BSR trong những năm tiếp theo.

Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát đã xem xét và cho rằng các báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị Công ty là đầy đủ, hợp pháp và trung thực, đáng tin cậy.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, TGD dựa trên nguyên tắc minh bạch, rõ ràng, tuân thủ các quy định pháp luật nhằm đảm bảo lợi ích của Công ty và cổ đông.

HĐQT và TGD đã phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong công tác kiểm tra, giám sát và thực hiện các nhiệm vụ khác theo chức năng của BKS. Thường xuyên trao đổi và cung cấp đầy đủ thông tin, mời tham gia các cuộc họp và thực hiện các khuyến nghị của BKS đưa ra.

Trong năm 2023, BKS không nhận được yêu cầu của cổ đông/nhóm cổ đông về việc thực hiện kiểm tra một nội dung/vụ việc nào theo quy định tại Điểm 6, Điều 170- Quyền và nghĩa vụ của BKS- của Luật Doanh nghiệp 2020.

Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch: trong năm 2023 BSR có giao dịch với Tổng Công ty Dầu Việt Nam – CTCP (PVOIL). Ông Hạng Anh Minh – Thành viên độc lập HĐQT BSR đã từng là Thành viên HĐQT PVOIL từ tháng 08/2018 - đến tháng 04/2023.



Hoạt động của BKS

Trong năm 2023, ĐHĐCĐ quyết định tiếp tục bầu chức danh Thành viên Ban kiểm soát đối với ông Hoàng Ngọc Xuân sau khi đã hết nhiệm kỳ 5 năm và quyết định giữ nguyên vị trí Trưởng Ban kiểm soát đối với ông Hoàng Đình Nhật và bà Vũ Lan Phương chức danh Thành viên (kiêm nhiệm) Ban kiểm soát Công ty.

Hoạt động của BKS được thực hiện theo nguyên tắc tập thể, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát; các thành viên BKS cùng chịu trách nhiệm chung đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của BKS. Đồng thời BKS cũng phân công các Thành viên trong BKS thực hiện công tác theo dõi, giám sát theo lĩnh vực phù hợp với năng lực và sở trường của từng thành viên để nâng cao hiệu quả giám sát.

Ban kiểm soát BSR hiện nay gồm có 03 thành viên, các Thành viên ban kiểm soát thực hiện chức trách, nhiệm vụ dựa trên sự phân công công việc cụ thể như sau:

Ông Hoàng Đình Nhật - Trưởng BKS

- Phụ trách chung trong việc điều hành hoạt động của BKS.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát trong năm và tổ chức triển khai thực hiện.
- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định Nhà nước, điều lệ Công ty, việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định và tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty.
- Kiểm tra, giám sát công tác và đánh giá hiệu lực, hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro của Công ty.
- Xem xét, đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC hàng năm trình ĐHĐCĐ phê duyệt.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

Ông Hoàng Ngọc Xuân – Thành viên BKS:

- Các hệ số về khả năng thanh toán, các chỉ tiêu về cân đối nợ, sự phù hợp của cơ cấu tài sản, nguồn vốn... nhìn

chung các chỉ số tài chính của BSR là tốt, nằm trong khoảng an toàn.

- Phụ trách chung trong việc điều hành hoạt động của BKS.
- Xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát trong năm và tổ chức triển khai thực hiện.
- Kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định Nhà nước, điều lệ Công ty, việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định và tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty.
- Kiểm tra, giám sát công tác và đánh giá hiệu lực, hiệu quả hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro của Công ty.
- Xem xét, đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC hàng năm trình ĐHĐCĐ phê duyệt.
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

Bà Vũ Lan Phương – Thành viên BKS kiêm nhiệm

- Giám sát công tác triển khai dự án Nâng cấp mở rộng NMLD Dung Quất.
- Tham gia xây dựng kế hoạch hoạt động trong năm.
- Giám sát công tác liên quan đến chế độ, chính sách, tiền lương và thù lao của của Công ty
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Điều lệ Công ty.



Trong năm 2023, BKS đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dựa trên kế hoạch hoạt động đã được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, tập trung chủ yếu vào các vấn đề sau:

- Việc chấp hành điều lệ Công ty, các Nghị Quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT và các quy định của Công ty;
- Công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản lý rủi ro của Công ty.
- Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2023; tình hình sử dụng và bảo toàn vốn; việc thực hiện biện pháp tiết kiệm/tiết giảm chi phí; công tác quản trị danh mục đầu tư; thẩm định các báo cáo tài chính.
- Kiểm tra, giám sát hoạt động của các công ty con, công ty liên kết và việc bảo toàn vốn đầu tư của Công ty Công tác đầu tư vốn của Công ty tại các công ty này.
- Phối hợp với các đoàn kiểm tra giám sát của Nhà nước và các bên liên quan trong công tác giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Công tác kiểm tra, giám sát được thực hiện thông qua việc xem xét, đánh giá các báo cáo định kỳ, đột xuất của các đơn vị, phòng ban về hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty; kiểm tra trực tiếp theo chuyên đề đối với các hoạt động của các đơn vị/phòng ban; phối hợp giám sát cùng các đoàn kiểm tra kiểm tra thanh tra, kiểm tra, của đơn vị cấp trên; tham gia các cuộc họp của HĐQT, cuộc họp giao ban và các cuộc họp khác của Công ty.... Qua đó, BKS đã có những trao đổi, đề xuất, kiến nghị để HĐQT, TGD Công ty xem xét triển khai thực hiện nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan và tối đa lợi ích của Công ty. Các nội dung, ý kiến, kiến nghị của các thành viên trong BKS được gửi cho Ban điều hành Công ty thông qua các cuộc họp, trao đổi hàng ngày, báo cáo hàng quý và báo cáo thẩm định báo cáo tài chính để xem xét triển khai thực hiện.

Đánh giá: Các thành viên của BKS đã cơ bản thực hiện tốt vai trò chức trách của mình theo quy định và đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ đã phân công, cụ thể như sau:

1	Ông: Hoàng Đình Nhật	Trưởng Ban Kiểm soát	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
2	Ông: Hoàng Ngọc Xuân	Thành viên Ban Kiểm soát	Hoàn thành tốt nhiệm vụ
3	Bà: Vũ Lan Phương	Thành viên Ban Kiểm soát (Kiêm nhiệm)	Hoàn thành tốt nhiệm vụ





Tổng kết các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong năm 2023

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp để thống nhất trao đổi các nội dung liên quan đến phân công nhiệm vụ, công tác giám sát và một số điểm lưu ý trong hoạt động SXKD của Công ty, cụ thể nội dung chính như sau:

- Công tác kiểm tra giám sát phải được thực hiện có trọng tâm và dựa trên các hạng mục công việc quan trọng, các rủi ro trọng yếu và việc tuân thủ các quy định liên quan trong quá trình hoạt động của Công ty.
- Xem xét một số nội dung liên quan đến việc thực hiện các nhiệm vụ do ĐHĐCĐ đã giao và cập nhật công tác kiểm tra giám sát và thực hiện kế hoạch giám sát năm 2023 đã được ĐHĐCĐ phê duyệt; BKS thực hiện giám sát, theo dõi, đôn đốc việc xây dựng hệ thống quản lý rủi ro; xây dựng chiến lược phát triển công ty đến 2030 và tầm nhìn 2045; hoàn thiện hệ thống ERP...9
- Công tác quyết toán cổ phần hóa; việc cập nhật một số nội dung trong quy chế kinh doanh sản phẩm để phù hợp với thực tế SXKD; công tác quản trị dòng tiền, thu hồi công nợ...
- Tình hình thực hiện chuẩn hóa, cập nhật quy chế của Công ty để phù hợp với tình hình thực tế và các thay đổi của quy định pháp luật; Chuẩn bị báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 và kế hoạch 2024 báo cáo cổ đông.

Một số kết luận và kiến nghị trong năm 2023

Trên cơ sở chương trình thực hiện kiểm tra, giám sát thường xuyên/chuyên đề và tham gia các cuộc họp của Công ty, Ban Kiểm soát đã đưa ra các ý kiến, kiến nghị trực tiếp cũng như gián tiếp thông qua các cuộc họp, trao đổi, báo cáo giám sát với HĐQT/TGD, trong đó có một số điểm chính như sau:

- Trong năm 2023, tình hình thế giới tiếp tục là một năm biến động khó lường về kinh tế cũng như địa chính trị phức tạp dẫn đến giá dầu, crack thay đổi khó dự báo, Công ty cần tiếp tục linh hoạt trong điều hành và đổi mới sáng tạo trong phương án kinh doanh để tiếp tục nâng cao hiệu quả cao nhất trong SXKD.
- HĐQT đã có Quyết định số 2563/QĐ-BSR ngày 04/04/2023 về việc tối ưu thời điểm thực hiện bảo dưỡng tổng thể lần 5 Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Ban TGD cần triển khai các giải pháp quản trị rủi ro đảm bảo an toàn vận hành nhà máy. Bên cạnh đó cần rà soát lại phương án triển khai TA5 phù hợp với tình hình cụ thể theo thực tế thời gian tối ưu và phạm vi công việc sau khi tối ưu. Hoàn thiện công tác mua sắm và lựa chọn nhà thầu thực hiện TA5 sớm để chủ động triển khai TA5 khi dừng theo kế hoạch hoặc dừng bất thường.
- Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt quyết định Quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án NCMR tại Quyết định số 482/QĐ-TTg ngày 05/05/2023 với dự kiến đưa dự án đi vào vận hành trong Quý I năm 2028, đây là mốc tiến độ rất thách thức trong khi các bước triển khai dự án phức tạp, vì vậy

Công ty cần tiếp tục linh hoạt trong điều hành và đổi mới sáng tạo trong phương án kinh doanh để tiếp tục nâng cao hiệu quả cao nhất trong SXKD.

HĐQT/TGD cần có các phương án, giải pháp và bố trí nguồn lực phù hợp để triển khai đẩy nhanh tiến độ.

- Tại ngày 30/12/2023, các khoản tương đương tiền của Công ty bao gồm 2.735 tỷ đồng là tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Quảng Ngãi đang bị tạm dừng giao dịch. Công ty cần tiếp tục làm việc với các cơ quan thẩm quyền để giải toả khoản tiền nhằm tăng khả năng thanh khoản cũng như phục vụ cho các dự án quan trọng của Công ty.
- Tiếp tục có các giải pháp quyết liệt để đẩy nhanh và triển khai các dự án đầu tư bao gồm cả dự án nâng cấp mở rộng và các dự án khác nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động cũng như đảm bảo an ninh, an toàn Nhà máy.
- Hoàn thiện việc xây dựng hệ thống quản trị rủi ro, hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, hệ thống ERP để áp dụng trực tiếp vào thực tế quản lý điều hành; đẩy nhanh việc thực hiện xây dựng chiến lược phát triển công ty đến 2030 và tầm nhìn 2045 để làm định hướng cho việc triển khai các công việc liên quan.
- Chỉ đạo người đại diện tại BSR-BF khẩn trương hoàn thiện các thủ tục liên quan theo quy định để thực hiện tuyên bố phá sản đối với Công ty cổ phần nhiên liệu đầu sinh học đầu khí Miền Trung (BSR-BF).
- Ngoài ra còn một số khuyến nghị, trao đổi khác liên quan đến các hoạt động thường ngày và khuyến nghị thông qua các đợt kiểm tra chuyên đề, BKS đã trao đổi trực tiếp với HĐQT/ TGD để xem xét chỉ đạo các bộ phận/ phòng ban liên quan tiếp tục cải tiến hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản trị rủi ro... đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan và tối ưu hóa trong quá trình SXKD.

Đánh giá chung: Đối với các kiến nghị của Ban Kiểm soát, HĐQT/ TGD đã tiếp thu và có các giải pháp để xử lý các kiến nghị đã nêu trong các báo cáo hàng tháng/ quý và theo yêu cầu.

Thù lao, chi phí hoạt động, các lợi ích khác của BKS và của từng thành viên trong BKS

Các thành viên BKS làm việc tại Công ty, được sử dụng cơ sở vật chất, phòng làm việc, các tiện ích, phương tiện di chuyển, công cụ, dụng cụ làm việc và thực hiện các chế độ công tác, đào tạo... theo các quy định hiện hành của Công ty về các định mức chi phí hành chính và các trang thiết bị, chế độ công tác phí... Chi phí hoạt động của BKS được hạch toán theo quy định vào chi phí quản lý chung của Công ty.

Chi tiết thù lao của BKS được tổng hợp và thể hiện trong Tờ trình thông qua báo cáo thực hiện tiền lương, thù lao và tiền thưởng năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của HĐQT và Ban kiểm soát, Báo cáo tài chính năm 2023 được kiểm toán và Báo cáo thường niên năm 2023.



Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2024

Trên cơ sở tình hình hoạt động năm 2023 và kế hoạch năm 2024 của Công ty, Ban Kiểm soát kính trình kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát như sau:

BKS tiếp tục thực hiện công tác giám sát, kiểm tra định kỳ có trọng tâm và dựa trên rủi ro trọng yếu các hoạt động của Công ty. Phối hợp, trao đổi giữa BKS với HĐQT, Ban TGD và các phòng/ban liên quan đảm bảo việc tiếp nhận và xử lý thông tin giữa các bên hiệu quả nhất. Kế hoạch hoạt động trong năm 2024 chủ yếu tập trung vào các nội dung:

- Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ: Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, pháp luật nhà nước....
- Kiểm tra/giám sát, đánh giá: Tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024; Tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn; Bảo toàn và phát triển vốn Chủ sở hữu.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai kế hoạch SXKD hàng quý trong đó tập trung vào việc kiểm soát các điểm quan trọng như: quản lý chi phí, doanh thu, tài sản, lợi nhuận, tồn kho, công tác thoái vốn tại các đơn vị, công tác tái cấu trúc...
- Kiểm tra, đánh giá công tác xây dựng và vận hành các hệ thống quản lý như: đánh giá tính hiệu lực, hiệu quả của Hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống quản trị rủi ro và việc triển khai xây dựng kiểm toán nội bộ của Công ty.

- Tập trung kiểm tra, giám sát các lĩnh vực/hoạt động có nguy cơ tiềm ẩn rủi ro cao như: công tác đầu tư, công tác mua sắm, kinh doanh đầu thô, sản phẩm và các rủi ro cao thuộc rủi ro cấp công ty dựa trên kết quả đánh giá của hệ thống Quản trị rủi ro Công ty.
- Phối hợp với các đoàn kiểm tra giám sát của Nhà nước và các bên liên quan trong công tác giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo dõi giám sát việc thực hiện các khuyến nghị, lưu ý của các đoàn kiểm tra.
- Kiểm tra, xem xét việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT và công bố thông tin về người có liên quan và giao dịch với người có liên quan.
- Kiểm tra công tác thực hiện và tuân thủ các Quy chế, Điều lệ, Quy định của Công ty, trong đó tập trung vào các quy chế quan trọng như: quy chế quản lý nhân sự, quy chế quản lý tài chính, quy chế quản trị danh mục đầu tư...
- Thẩm định báo cáo tài chính sau kiểm toán 6 tháng và năm 2024.
- Đề xuất đại hội đồng cổ đông lựa chọn công ty kiểm toán độc lập.
- Thực hiện các công việc khác theo chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông giao.



Các giao dịch, thù lao và khoản lợi ích của HĐQT, Ban TGD và Ban Kiểm soát

Lương, thù lao, thưởng của từng thành viên HĐQT, Ban TGD và Ban Kiểm soát được chi trả tuân thủ theo quy định tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016 của Chính phủ, Thông tư số 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với công ty cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước và quy định của Công ty.

Bên cạnh chế độ tiền lương, thù lao, thực hiện đóng đầy đủ các chế độ BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ theo quy định của Pháp luật. Công ty còn có các chính sách khác như tổ chức khám sức khỏe định kỳ, mua bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm hưu trí tự nguyện...



Thực hiện lương thưởng đầy đủ theo đúng quy định



Chế độ BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ



Nhiều chính sách chăm sóc sức khỏe



06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2023



Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lộc hóa dầu Bình Sơn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Hội	Chủ tịch
Ông Bùi Ngọc Dương	Thành viên
Ông Hà Đống	Thành viên
Ông Khương Lê Thành	Thành viên
Ông Hạng Anh Minh	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 13 tháng 4 năm 2023)
Ông Nguyễn Bá Phước	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2023)
Ông Nguyễn Hải Âu	Thành viên độc lập (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2023)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Bùi Ngọc Dương	Tổng Giám đốc
Ông Nghiêm Đức Dương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Minh Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Mai Tuấn Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Thái Bảo	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2023)
Ông Trần Đoàn Thịnh	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2023)
Ông Nguyễn Ngọc Anh	Phó Tổng Giám đốc (Nghỉ hưu từ ngày 01 tháng 7 năm 2023)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Bùi Ngọc Dương
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

Báo cáo kiểm toán độc lập

Kính gửi: **Các cổ đông** Số: 0516/VN1A-HN-BC
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, ngày 26 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã ban hành Bản án sơ thẩm chấp thuận một phần yêu cầu khởi kiện của các ngân hàng và buộc Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung ("BSR-BF" – công ty con của Công ty) tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán cho các ngân hàng. Ngày 22 tháng 02 năm 2024, BSR-BF cũng đã nộp đơn đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với BSR-BF. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, BSR-BF đang chờ quyết định thụ lý của tòa án về việc mở thủ tục phá sản.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Trần Xuân Ánh
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0723-2023-001-1

Đỗ Trung Kiên
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1924-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



Bảng cân đối kế toán hợp nhất

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		68.680.527.655.901	58.471.339.394.419
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	17.000.621.246.736	22.853.096.476.348
1 Tiền	111		673.818.869.777	254.094.099.389
2 Các khoản tương đương tiền	112		16.326.802.376.959	22.599.002.376.959
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	21.121.666.010.000	2.172.266.010.000
1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		21.121.666.010.000	2.172.266.010.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.954.714.750.319	16.553.037.481.898
1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	13.986.168.908.581	16.097.812.372.261
2 Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	539.957.065.465	350.150.147.510
3 Phải thu ngắn hạn khác	136	8	431.901.998.970	105.438.184.824
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(3.314.458.330)	(364.458.330)
5 Tài sản thiếu chờ xử lý	139		1.235.633	1.235.633
IV. Hàng tồn kho	140	9	15.530.866.954.976	16.809.029.395.688
1 Hàng tồn kho	141		15.654.603.068.943	16.953.935.604.356
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(123.736.113.967)	(144.906.208.668)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		72.658.693.870	83.910.030.485
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	66.459.619.637	78.264.384.464
2 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	6.199.074.233	5.645.646.021
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		17.914.133.338.509	20.016.589.667.431
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		548.632.960.657	534.035.547.749
1 Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	548.106.960.657	533.509.547.749
2 Phải thu dài hạn khác	216	8	526.000.000	526.000.000
II. Tài sản cố định	220		16.071.414.023.409	18.075.350.073.228
1 Tài sản cố định hữu hình	221	11	15.826.906.360.099	17.885.159.850.501
- Nguyên giá	222		47.677.876.854.684	47.550.903.268.739
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(31.850.970.494.585)	(29.665.743.418.238)
2 Tài sản cố định vô hình	227	12	244.507.663.310	190.190.222.727
- Nguyên giá	228		974.578.237.134	842.287.871.122
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(730.070.573.824)	(652.097.648.395)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.195.207.150.125	1.274.551.993.557
1 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	1.195.207.150.125	1.274.551.993.557
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	9.751.222.366	9.957.778.066
1 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.244.000.000	11.244.000.000
2 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.492.777.634)	(1.286.221.934)
V. Tài sản dài hạn khác	260		89.127.981.952	122.694.274.831
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	10	79.385.540.579	103.138.979.398
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		9.742.441.373	19.555.295.433
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		86.594.660.994.410	78.487.929.061.850

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		29.325.965.248.034	27.297.582.189.790
I. Nợ ngắn hạn	310		28.442.061.214.665	26.015.466.987.812
1 Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	14.616.088.750.645	14.835.754.454.021
2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	246.761.832.957	37.919.613.984
3 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	1.613.751.641.098	1.396.349.250.098
4 Phải trả người lao động	314		231.737.932.390	225.004.801.795
5 Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	592.093.387.612	429.137.692.810
6 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		964.004.965	144.071.146
7 Phải trả ngắn hạn khác	319	18	56.503.530.792	32.684.869.220
8 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	10.970.334.445.963	8.954.405.974.915
9 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		113.825.688.243	104.066.259.823
II. Nợ dài hạn	330		883.904.033.369	1.282.115.201.978
1 Phải trả dài hạn khác	337		66.000.000	100.000.000
2 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		10.288.601.446	10.288.601.446
3 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	20	873.549.431.923	1.271.726.600.532
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		57.268.695.746.376	51.190.346.872.060
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	57.268.695.746.376	51.190.346.872.060
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		31.004.996.160.000	31.004.996.160.000
1 Quỹ đầu tư phát triển	418		10.047.967.778.589	5.598.760.740.080
2 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		106.709.914	106.709.914
3 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.340.184.316.581	14.651.541.651.825
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		7.691.912.833.228	(73.126.542.757)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		8.648.271.483.353	14.724.668.194.582
4 Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		(124.559.218.708)	(65.058.389.759)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		86.594.660.994.410	78.487.929.061.850



Lê Thị Hồng Trâm
Người lập biểu



Bạch Đức Long
Kế toán trưởng



Bùi Ngọc Dương
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	24	147.423.365.943.576	167.126.456.807.653
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	2	24	-	2.744.021.629
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	24	147.423.365.943.576	167.123.712.786.024
4 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	137.663.837.918.959	151.027.307.397.420
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		9.759.528.024.617	16.096.405.388.604
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	2.652.368.561.043	1.750.275.299.515
7 Chi phí tài chính	22	28	1.154.774.797.936	923.195.487.108
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		287.654.759.616	252.789.589.546
8 Chi phí bán hàng	25	29	1.032.111.954.829	908.980.731.417
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	623.486.470.367	514.762.438.322
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		9.601.523.362.528	15.499.742.031.272
11 Thu nhập khác	31	30	40.237.225.748	87.017.979.405
12 Chi phí khác	32		2.425.566.035	951.863.559
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		37.811.659.713	86.066.115.846
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		9.639.335.022.241	15.585.808.147.118
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	1.036.943.196.170	890.394.134.163
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	32	9.812.854.060	26.077.223.876
17 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		8.592.578.972.011	14.669.336.789.079
Trong đó:				
17.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		8.649.771.483.353	14.725.833.852.993
17.2. (Lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(57.192.511.342)	(56.497.063.914)
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	2.789	4.641

Lê Thị Hồng Trâm
Người lập biểu

Bạch Đức Long
Kế toán trưởng



Bùi Ngọc Dương
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1 Lợi nhuận trước thuế	1	9.639.335.022.241	15.585.808.147.118
2 Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	2	2.270.282.119.116	2.192.063.673.295
Các khoản dự phòng	3	(18.013.539.001)	126.438.049.579
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	(870.017.280.597)	(321.219.537.870)
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(1.601.232.707.839)	(907.169.854.145)
Chi phí lãi vay	6	287.654.759.616	252.789.589.546
3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	9.708.008.373.536	16.928.710.067.523
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	9	1.891.888.380.800	(2.943.376.644.415)
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	1.299.332.535.413	(6.577.350.250.612)
Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	585.397.290.797	882.945.737.345
Giảm chi phí trả trước	12	35.558.203.646	183.896.616.339
Tiền lãi vay đã trả	14	(233.996.226.319)	(199.126.404.950)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(886.536.010.557)	(917.746.993.486)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	1.023.000.000	728.860.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(727.342.206.159)	(270.921.657.661)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11.673.333.341.157	7.087.759.330.083
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1 Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(229.573.163.895)	(219.560.369.638)
2 Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1.468.818.182	95.454.545
3 Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(29.789.400.000.000)	(7.826.100.000.000)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.840.000.000.000	9.843.402.830.000
5 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.303.447.256.983	897.428.499.937
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.874.057.088.730)	2.695.266.414.844
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1 Tiền thu từ đi vay	33	95.396.377.675.905	77.968.652.009.029
2 Tiền trả nợ gốc vay	34	(93.407.413.272.657)	(79.886.258.019.843)
3 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.165.547.068.085)	(1.346.931.938.679)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(176.582.664.837)	(3.264.537.949.493)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(6.377.306.412.410)	6.518.487.795.434
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	22.853.096.476.348	16.345.674.140.133

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	524.831.182.798	(11.065.459.219)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	17.000.621.246.736	22.853.096.476.348

Lê Thị Hồng Trâm
Người lập biểu

Bạch Đức Long
Kế toán trưởng



Bùi Ngọc Dương
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2024

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

MẪU SỐ B 09-DN/HN
Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trước đây là Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (là công ty con do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ 100% vốn điều lệ, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 3404000189 ngày 05 tháng 6 năm 2008).

Công ty thực hiện chuyển đổi mô hình thành công ty cổ phần theo Quyết định số 1978/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn. Công ty hoàn thành bán cổ phần lần đầu ra công chúng vào ngày 17 tháng 01 năm 2018 và chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn UPCOM với mã chứng khoán BSR. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 01 tháng 3 năm 2018.

Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 7 năm 2018 với vốn điều lệ là 31.004.996.160.000 VND theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 01 tháng 7 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp và các giấy chứng nhận thay đổi.

Công ty mẹ của Công ty là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.855 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: là 1.836).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, phân phối dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hóa dầu;
- Sửa chữa và bảo dưỡng máy móc, thiết bị trong ngành lọc - hóa dầu;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát lắp đặt thiết bị công trình, hoàn thiện hệ thống đường ống dầu khí, kho chứa dầu khí;
- Đào tạo nguồn nhân lực, thuê và cung cấp chuyên gia về quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu và cảng biển, nghiên cứu khoa học, ứng dụng, sửa chữa trong công nghiệp lọc - hóa dầu;
- Cung cấp các dịch vụ trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, kinh doanh, xuất nhập khẩu, tàng trữ, vận chuyển, phân phối dầu mỏ, các sản phẩm từ dầu mỏ, sản phẩm trung gian, nhiên liệu sinh học, hóa phẩm, phụ gia, xúc tác, vật tư máy móc, thiết bị, phụ tùng, phương tiện, nguyên nhiên vật liệu phục vụ công nghiệp lọc - hóa dầu;
- Cung cấp các dịch vụ phân tích, dầu thô, sản phẩm dầu mỏ và các hoá chất, phụ gia, xúc tác, nhiên liệu sinh học liên quan đến lĩnh vực lọc - hóa dầu;
- Dịch vụ hải cảng, cảng biển liên quan đến ngành lọc - hóa dầu;
- Đầu tư và phát triển các dự án lọc - hóa dầu, nhiên liệu sinh học trong và ngoài nước.



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng tới báo cáo tài chính hợp nhất

Theo Quyết định số 8114/BSR-VPHDQT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng Quản trị, Công ty đã thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn tại Hà Nội với ngành nghề kinh doanh chính là bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.

Chi nhánh chính thức hoạt động từ ngày 04 tháng 01 năm 2024 theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 4300378569-002 ngày 04 tháng 01 năm 2024.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 01 đơn vị hạch toán phụ thuộc là Ban quản lý Dự án Nâng cấp Mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất có địa chỉ tại Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Khu kinh tế Dung Quất, xã Bình Thuận và Bình Trị, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, với chức năng chính là đầu tư nâng cấp, mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 02 công ty con sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	Quảng Ngãi	83,26%	83,26%	Sản xuất bao bì Quản lý nhà ở và kinh doanh dịch vụ khu dân cư, khu đô thị
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	Quảng Ngãi	65,54%	61,00%	Sản xuất, nhập khẩu các sản phẩm nhiên liệu sinh học

Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (“BSR-BF” – công ty con của Công ty đã tạm ghi tăng nguyên giá các tài sản cố định của dự án Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Bio-Ethanol Dung Quất (“Nhà máy”) trong năm 2014 và hiện nay, Nhà máy đang tạm dừng hoạt động sản xuất. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, BSR-BF đang trong quá trình thực hiện các thủ tục quyết toán chi phí đầu tư xây dựng. Giá trị quyết toán Nhà máy sẽ được điều chỉnh khi có phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền.

Trong năm 2021, các ngân hàng tài trợ cấp tín dụng cho Công ty (bao gồm: Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương, Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam) đã khởi kiện BSR-BF lên Tòa án nhân dân Thành phố Quảng Ngãi (“Tòa án”) liên quan đến các khoản vay quá hạn thanh toán và biện pháp thu hồi nợ và lãi vay hợp đồng tín dụng xây dựng Nhà máy. Ngày 26 tháng 9 năm 2023, Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã ban hành Bản án số 08/2023/KDTM-ST chấp thuận một phần yêu cầu khởi kiện của các ngân hàng và buộc BSR-BF có nghĩa vụ thanh toán cho các ngân hàng tính đến ngày 18 tháng 9 năm 2023 tổng cộng số tiền khoảng 58,7 triệu USD và khoảng 140,9 tỷ VND và tiếp tục trả lãi phát sinh trên dư nợ chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận với ngân hàng kể từ ngày 19 tháng 9 năm 2023 đến khi BSR-BF thanh toán xong các khoản nợ. Báo cáo tài chính của BSR-BF cho thấy tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tổng giá trị nợ gốc và lãi vay là khoảng 1.572,4 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: khoảng 1.472,5 tỷ VND), trong đó, nợ quá hạn thanh toán là khoảng 1.566,7 tỷ VND (tại ngày 31 tháng năm 2022: khoảng 1.466,9 tỷ VND); giá trị ghi sổ còn lại của toàn bộ tài sản cố định hữu hình dùng làm thế chấp cho các khoản vay trên là khoảng 1.074,6 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: khoảng 1.146,1 tỷ VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nợ ngắn hạn của BSR-BF vượt quá tài sản ngắn hạn là khoảng 1.532,3 tỷ VND, lỗ lũy kế của BSR-BF là khoảng 1.588 tỷ VND và nợ quá hạn thanh toán là khoảng 1.566,7 tỷ VND. BSR-BF đang thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 chủ yếu bao gồm (1) số dư nợ phải trả chi phí lãi vay khoảng 439,6 tỷ VND, (2) số dư gốc vay khoảng 1.127,1 tỷ VND. Ngày 22 tháng 02 năm 2024, BSR-BF đã nộp đơn đến Tòa án Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu mở thủ tục phá sản. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, BSR-BF đang chờ quyết định thụ lý của Tòa án về việc mở thủ tục phá sản.

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con trong năm:

	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung	Hoạt động kinh doanh bị lỗ	Hoạt động kinh doanh bị lỗ

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Quyết toán cổ phần hóa

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các cơ quan có thẩm quyền chưa phê duyệt quyết toán cổ phần hóa tại thời điểm Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (“BSR-BF” – công ty con của Công ty) đã nộp đơn đến Tòa án Nhân dân tỉnh Quảng Ngãi yêu cầu mở thủ tục phá sản và đang chờ quyết định của Tòa án thụ lý việc này. Theo đó, cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính theo luật định, Ban Giám đốc của BSR-BF đã lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của BSR-BF theo cơ sở kế toán không đáp ứng giả định hoạt động liên tục. Tuy nhiên, báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục nên báo cáo tài chính của BSR-BF được sử dụng để hợp nhất đã được điều chỉnh lại theo cơ sở hoạt động liên tục.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên giá trừ đi các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Giá thành sản xuất của từng loại sản phẩm xăng, dầu hàng tháng được xác định như sau: Chi phí nguyên vật liệu của từng sản phẩm được xác định theo mức tiêu hao nguyên vật liệu thực tế đối với từng sản phẩm; chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung được phân bổ theo chi phí nguyên vật liệu của từng sản phẩm.

Giá trị các sản phẩm dở dang tại thời điểm cuối tháng được xác định theo mức độ hoàn thành của các sản phẩm dở dang.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của các sản phẩm lọc hóa dầu và dầu thô tồn kho được Công ty xác định như sau:

- Thành phẩm lọc hóa dầu: Công ty xác định giá trị thuần có thể thực hiện được trên cơ sở giá bán ước tính trừ đi các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.
- Sản phẩm lọc hóa dầu dở dang: Công ty xác định giá trị thuần có thể thực hiện được trên cơ sở quy đổi về thành phẩm tương đương và giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.
- Dầu thô: Theo hướng dẫn tại Công văn số 2801/BTC-CDKT ngày 02 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hạch toán hàng tồn kho, dầu thô tồn kho của Công ty tại thời điểm trích lập dự phòng có giá gốc trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được và giá bán sản phẩm được sản xuất từ dầu thô bị giảm giá thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với dầu thô trên cơ sở giá trị thuần có thể thực hiện được của dầu thô (giá bán ước tính của dầu thô).

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phản ánh chi phí bảo hiểm con người, bảo hiểm rủi ro tài sản, chi phí hóa chất xuất dùng và các khoản chi phí trả trước khác.

Khoản trả trước tiền bảo hiểm con người, bảo hiểm rủi ro tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời hạn bảo hiểm.

Chi phí hóa chất xuất dùng là chi phí các lô hóa chất xuất dùng cho phân xưởng reforming xúc tác liên tục (CCR) được phân bổ theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, chi phí cải tạo và các chi phí khác và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được Hội đồng Quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc phê duyệt tùy theo phân cấp thẩm quyền.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 50
Máy móc, thiết bị	3 - 20
<i>Trong đó: Máy móc và thiết bị ngành lọc hóa dầu</i>	10 - 20
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 25
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Tài sản cố định hữu hình khác	4 - 5

Theo Quyết định số 952/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 26 tháng 7 năm 2012 về một số cơ chế tài chính của Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (nay là Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn) (sau đây gọi tắt là "Quyết định 952"), Công ty được trích khấu hao tài sản cố định đối với thiết bị chính của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất trong thời gian tối đa là 20 năm.

Theo Công văn số 18327/BTC-CDKT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hạch toán hàng tồn kho, cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty được tính giá trị hàng tồn kho cố định theo giá trị ghi sổ kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 vào nguyên giá tài sản cố định. Đồng thời, số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập đến năm 2016 sẽ được hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định. Về mức khấu hao và thời điểm trích khấu hao, Công ty trích khấu hao của dây chuyền nhà máy trên cơ sở giá trị đã bao gồm giá trị hàng tồn kho cố định trong đường ống được xác định như trên từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 theo thời gian sử dụng ước tính còn lại của tài sản cố định (nhóm máy móc và thiết bị ngành lọc hóa dầu).

Căn cứ vào khối lượng hàng tồn kho cố định là dầu thô, sản phẩm trung gian, thành phẩm tồn cố định trong đường ống, thiết bị và bể chứa của Công ty theo Chứng thư giám định khối lượng hàng tồn kho cố định số 17631001 ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Công ty Cổ phần Giám định Năng lượng Việt Nam, Công ty đã xác định giá trị hàng tồn kho cố định được hạch toán tăng nguyên giá tài sản cố định theo giá trị ghi sổ kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 với số tiền khoảng 1.007 tỷ VND và đã ghi giảm giá trị hàng tồn kho với số tiền tương ứng. Việc điều chỉnh giá trị và hạch toán hàng tồn kho như trên đã được Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn phê duyệt tại Quyết định số 905/QĐ-BSR ngày 17 tháng 3 năm 2017. Công ty kế thừa và tiếp tục theo dõi giá trị hàng tồn kho cố định nêu trên.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Bản quyền, bằng sáng chế	15
Phần mềm máy tính	3
Tài sản cố định vô hình khác	6

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản chi phí lãi vay phải trả và một số chi phí trích trước khác chưa chi nhưng được ước tính và ghi nhận vào chi phí trong năm.

Chi phí lãi vay được ghi nhận trên cơ sở gốc vay và lãi suất vay.

Các khoản khác là các chi phí khác đã phát sinh trong năm nhưng chưa nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty. Quỹ được hình thành trên cơ sở trích lập tối đa 10% từ thu thập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được hình thành từ nguồn lợi nhuận sau thuế theo các nghị quyết phân phối lợi nhuận hàng năm được phê duyệt bởi Đại hội đồng Cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ và thực hiện các dự án đầu tư phát triển phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có các khoản ưu đãi thuế như sau:

- Theo Quyết định 952/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 26 tháng 7 năm 2012, Công ty mẹ được áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời gian 30 năm từ năm 2010 đến năm 2039; được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong thời gian 9 năm tiếp theo từ năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế từ Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất. Năm 2023, Công ty đã hết thời gian được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.
- Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF) được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 10% trên thu nhập chịu thuế trong 15 năm tính từ ngày dự án Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Bio-Ethanol Dung Quất bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh và thuế suất thông thường cho các năm tiếp theo. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Năm 2023, BSR-BF đã hết thời gian được giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.
- Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PVBuilding) được thừa kế và hưởng các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư đối với dự án cho thời gian còn lại của dự án Nhà máy sản xuất bao bì Polypropylene. Dự án được hưởng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 10% trong thời hạn 15 năm kể từ ngày dự án đầu tư bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2011, được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế năm 2011 và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo. Năm 2023 là năm thứ 9 (chín) PVBuilding được hưởng ưu đãi giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam với một số ưu đãi cho Công ty mẹ theo Giấy chứng nhận đầu tư số 13/USDĐT ngày 15 tháng 02 năm 2006 của Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất, cụ thể: được miễn nộp tiền thuê đất trong suốt thời gian thực hiện dự án; được miễn nộp tiền sử dụng đất; được miễn nộp thuế sử dụng đất trong suốt thời gian thực hiện dự án; được miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu sản xuất, vật tư, linh kiện và bán thành phẩm mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất không đạt tiêu chuẩn chất lượng trong 05 năm kể từ khi bắt đầu sản xuất; được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa mà trong nước chưa sản xuất được hoặc sản xuất được nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu chất lượng.

Theo Công văn số 520/CT-TTHT của Cục thuế Tỉnh Quảng Ngãi ngày 05 tháng 3 năm 2018, Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn (nay là Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn) đang được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp do đáp ứng điều kiện ưu đãi về địa bàn (khu Kinh tế Dung Quất) thì thu nhập được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp là toàn bộ thu nhập phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn ưu đãi (bao gồm cả khoản chênh lệch lãi tiền gửi ngân hàng lớn hơn lãi tiền vay, thu nhập từ cung cấp dịch vụ tại cảng biển, và các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn ưu đãi).

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	907.310.211	831.979.979
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	672.911.559.566	253.262.119.410
Các khoản tương đương tiền (*)	16.326.802.376.959	22.599.002.376.959
	17.000.621.246.736	22.853.096.476.348

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có khoản tiền gửi kỳ hạn 03 tháng với số tiền là 2.734.629.695.509 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2.734.629.695.509 VND) tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương – Chi nhánh Quảng Ngãi (“Oceanbank”). Thực hiện chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”), Oceanbank đang tạm dừng chi trả tiền cho khách hàng là tổ chức đang gửi tiền tại Oceanbank. Ngày 14 tháng 12 năm 2022, Công ty đã gửi Công văn số 7063/BSR-TCKT đến NHNN và Oceanbank về việc giải tỏa khoản tiền gửi nêu trên. Ngày 27 tháng 12 năm 2022, Oceanbank có Công văn số 5003/2022/CV-OCEANBANK.01.01 phúc đáp Công văn số 7063/BSR-TCKT của Công ty, theo đó, Oceanbank sẽ thực hiện chi trả khi có chỉ đạo của cấp có thẩm quyền. Ngày 12 tháng 12 năm 2023, Công ty tiếp tục gửi Công văn số 7669/BSR-TCKT đến NHNN và Oceanbank về việc giải tỏa khoản tiền gửi nêu trên, tuy nhiên, Oceanbank vẫn chưa phản hồi Công văn trên. Do Oceanbank là đơn vị được NHNN sở hữu 100% vốn nên Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá rằng khoản tiền gửi trên sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của NHNN.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	21.121.666.010.000	21.121.666.010.000	2.172.266.010.000	2.172.266.010.000
	21.121.666.010.000	21.121.666.010.000	2.172.266.010.000	2.172.266.010.000

Đầu tư tài chính ngắn hạn phản ánh các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi của Công ty tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tiền gửi có kỳ hạn bao gồm 2.000.000.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2.000.000.000 VND) là tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Quảng Ngãi (“Oceanbank”). Thực hiện chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”), Oceanbank đang tạm dừng chi trả tiền cho khách hàng là tổ chức đang gửi tiền tại Oceanbank. Như trình bày tại Thuyết minh số 4, Công ty đã có các công văn gửi Oceanbank và đánh giá rằng khoản tiền gửi này sẽ được giao dịch trở lại trong tương lai khi có những quy định cụ thể của NHNN.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HH

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Tỷ lệ góp vốn	Dự phòng	Giá gốc	Tỷ lệ góp vốn	Dự phòng
	VND	%	VND	VND	%	VND
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	7.000.000.000	8,52%	-	7.000.000.000	8,75%	-
Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam	4.244.000.000	5,03%	(1.492.777.634)	4.244.000.000	5,03%	(1.286.221.934)
	11.244.000.000		(1.492.777.634)	11.244.000.000		(1.286.221.934)

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do các công ty nhận đầu tư của Công ty đều là các công ty chưa niêm yết và các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại các công ty này.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	5.414.100.168.895	4.499.349.732.716
Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam	594.293.949.892	693.062.241.996
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Xăng dầu Quân đội	538.464.576.455	440.452.914.745
Công ty Cổ phần Nhiên liệu bay Petrolimex	423.154.934.245	635.261.008.679
Công ty TNHH MTV Dầu khí Thành phố Hồ Chí Minh	400.719.751.518	302.193.361.989
Công ty TNHH MTV Thương mại Dầu khí Đồng Tháp	265.105.762.035	450.784.915.653
Cục Xăng dầu - Tổng cục Hậu cần	255.697.104.970	261.404.266.502
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Hòa Khánh	169.498.481.174	250.827.499.325
Công ty Cổ phần Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	160.417.129.679	163.302.675.333
Công ty TNHH Vận tải thủy bộ Hải Hà	-	1.048.186.574.589
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng	-	193.684.627.856
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Dầu khí Nam Sông Hậu	-	167.219.805.803
Các khách hàng khác	1.085.023.590.992	1.710.067.008.651
b. Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
(Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	4.679.693.458.726	5.282.015.738.424
	13.986.168.908.581	16.097.812.372.261

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	539.957.065.465	350.150.147.510
a1. Trả trước cho người bán ngắn hạn ngoài bên liên quan	272.846.488.197	246.093.247.180
EXTAP A Division of ExxonMobil Asia Pacific Pte Ltd.	50.912.987.426	-
Công ty Cổ Phần Dịch vụ Kỹ thuật Năng lượng	49.675.476.132	8.662.133.689
Công ty TNHH Boilermaster Việt Nam	19.463.971.486	3.351.714.000
Remosa SRL	10.749.879.563	6.866.018.897
SOCAR Trading Singapore Pte Ltd	-	104.110.692.473
Honeywell International Sdn Bhd	671.302.953	34.374.861.787
Các đối tượng khác	141.372.870.637	88.727.826.334
a2. Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan	267.110.577.268	104.056.900.330
(Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	267.110.577.268	104.056.900.330
b. Trả trước cho người bán dài hạn	548.106.960.657	533.509.547.749
Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất (*)	548.106.960.657	533.509.547.749
	1.088.064.026.122	883.659.695.259

(*) Phản ánh khoản tiền Công ty ứng trước cho Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất để thực hiện đền bù giải phóng mặt bằng cho Dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất.

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Phải thu ngắn hạn khác	431.901.998.970	105.438.184.824
a1. Phải thu ngắn hạn khác ngoài bên liên quan	406.390.422.355	102.400.612.841
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	393.319.928.932	94.936.028.826
Phải thu về cổ phần hóa	5.831.672.688	5.701.672.688
Tạm ứng cho nhân viên	3.058.840.906	422.297.449
Phải thu khác	4.179.979.829	1.340.613.878
a2. Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan	25.511.576.615	3.037.571.983
(Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	25.511.576.615	3.037.571.983
b. Phải thu dài hạn khác	526.000.000	526.000.000
Ký cược, ký quỹ	526.000.000	526.000.000
	432.427.998.970	105.964.184.824

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	6.002.961.899.100	-	7.548.846.630.556	(2.612.985.350)
Nguyên liệu, vật liệu	4.882.087.403.721	(4.565.273.109)	3.931.925.426.124	(24.853.260.527)
Công cụ, dụng cụ	2.203.656.114.285	(15.247.782.807)	1.767.219.787.499	(14.928.380.588)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.191.303.209.647	(26.160.906.250)	1.522.384.532.641	(35.832.422.276)
Thành phẩm	1.374.594.442.190	(77.762.151.801)	2.181.174.035.827	(66.679.159.927)
Hàng hoá	-	-	2.385.191.709	-
	15.654.603.068.943	(123.736.113.967)	16.953.935.604.356	(144.906.208.668)

Trong năm 2023, Công ty đã hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 21.170.094.701 VND (năm 2022: trích lập 126.563.725.184 VND) đối với hàng tồn kho bị giảm giá, chậm luân chuyển, kém phẩm chất và có giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc của các hàng tồn kho này.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn	66.459.619.637	78.264.384.464
Bảo hiểm con người, bảo hiểm rủi ro tài sản	49.146.092.449	49.983.334.084
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	17.313.527.188	28.281.050.380
b. Dài hạn	79.385.540.579	103.138.979.398
Chi phí hóa chất xuất dùng	64.864.183.491	89.221.618.650
Chi phí sửa chữa tài sản	1.866.904.021	2.282.458.625
Chi phí trả trước dài hạn khác	12.654.453.067	11.634.902.123
	145.845.160.216	181.403.363.862

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	6.949.725.749.197	39.424.812.063.157	201.148.026.137	568.572.301.835	406.645.128.413	47.550.903.268.739
Mua trong năm	-	85.552.678.153	14.918.332.118	16.094.158.932	186.000.000	116.751.169.203
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.553.100.378	15.456.500.000	-	-	-	18.009.600.378
Phân loại lại	-	(2.654.000.000)	2.654.000.000	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(7.787.183.636)	-	-	(7.787.183.636)
Số dư cuối năm	6.952.278.849.575	39.523.167.241.310	210.933.174.619	584.666.460.767	406.831.128.413	47.677.876.854.684
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	3.535.440.574.252	25.348.841.431.728	149.017.026.858	486.925.490.097	145.518.895.303	29.665.743.418.238
Khấu hao trong năm	217.987.671.389	1.911.933.662.612	11.743.253.029	34.858.673.152	16.265.319.794	2.192.788.579.976
Tặng khác	-	-	-	66.260.316	-	66.260.316
Phân loại lại	-	(2.495.100.000)	2.495.100.000	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(7.627.763.945)	-	-	(7.627.763.945)
Số dư cuối năm	3.753.428.245.641	27.258.279.994.340	155.627.615.942	521.850.423.565	161.784.215.097	31.850.970.494.585
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	3.414.285.174.945	14.075.970.631.429	52.130.999.279	81.646.811.738	261.126.233.110	17.885.159.850.501
Tại ngày cuối năm	3.198.850.603.934	12.264.887.246.970	55.305.558.677	62.816.037.202	245.046.913.316	15.826.906.360.099

Công ty Cổ phần Nhiên liệu sinh học Dầu khí Miền Trung (Công ty con) đã thế chấp toàn bộ nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và các tài sản cố định hữu hình khác hình thành từ Dự án đầu tư xây dựng Nhà máy Nhiên liệu sinh học Bio-Ethanol Dung Quất với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là khoảng 1.074,6 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: khoảng 1.146,1 tỷ VND) để đảm bảo cho khoản tiền vay ngân hàng (Thuyết minh số 19).

Nguyên giá của các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là khoảng 4.302 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: khoảng 4.162,8 tỷ VND).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HH

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	438.606.719.617	370.977.979.000	32.703.172.505	842.287.871.122
Mua trong năm	-	30.872.291.001	-	30.872.291.001
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	101.418.075.011	-	101.418.075.011
Số dư cuối năm	438.606.719.617	503.268.345.012	32.703.172.505	974.578.237.134
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	323.916.411.295	299.064.478.644	29.116.758.456	652.097.648.395
Khấu hao trong năm	15.481.495.021	61.532.541.874	479.502.245	77.493.539.140
Tăng khác	-	479.386.289	-	479.386.289
Số dư cuối năm	339.397.906.316	361.076.406.807	29.596.260.701	730.070.573.824
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	114.690.308.322	71.913.500.356	3.586.414.049	190.190.222.727
Tại ngày cuối năm	99.208.813.301	142.191.938.205	3.106.911.804	244.507.663.310

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 426,2 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 349,6 tỷ VND).

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Dự án nâng cấp mở rộng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất (*)	1.150.516.054.349	1.125.719.428.132
Dự án triển khai hệ thống ERP - Giai đoạn I	-	101.418.075.011
Các công trình khác	44.691.095.776	47.414.490.414
	1.195.207.150.125	1.274.551.993.557

(*) Theo Quyết định số 482/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư Dự án nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất của Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn, Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất hiện hữu ("Dự án") được điều chỉnh để nâng công suất chế biến của nhà máy từ 148.000 thùng/ngày lên 171.000 thùng/ngày; sản phẩm đáp ứng tiêu chuẩn Euro V; đáp ứng tiêu chuẩn môi trường theo lộ trình bắt buộc áp dụng của Chính phủ; nâng cao độ linh động lựa chọn đầu thô, đảm bảo nguồn đầu thô cung cấp lâu dài và có hiệu quả cho Nhà máy; nâng cao hiệu quả đầu tư Nhà máy Lọc dầu Dung Quất; góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế và xã hội của cả nước, đặc biệt khu vực Trung Bộ.

Tổng vốn đầu tư điều chỉnh thành 31.255 tỷ VND, tương đương 1,257 tỷ USD, theo cơ cấu vốn chủ sở hữu/vốn vay là 40/60 (cơ cấu này được xem xét điều chỉnh cho phù hợp với thực tế khả năng cân đối nguồn và đem lại hiệu quả cao hơn). Dự án được đưa vào vận hành dự kiến trong năm 2028. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty đã trình báo cáo nghiên cứu khả thi và các cơ quan có thẩm quyền đang trong quá trình thẩm định báo cáo này.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Novel Energy Trading Pte Ltd.	2.029.287.334.325	2.029.287.334.325	-	-
Công ty Liên doanh điều hành Cửu Long	1.214.427.432.270	1.214.427.432.270	1.883.840.970.478	1.883.840.970.478
Công ty Điều hành chung Hoàng Long	1.050.987.900.855	1.050.987.900.855	507.041.790.209	507.041.790.209
Công ty TNHH Dầu khí Việt Nhật	844.776.948.044	844.776.948.044	-	-
BCP Trading Pte. Ltd.	602.312.809.408	602.312.809.408	-	-
SOCAR Trading Singapore Pte. Ltd.	-	-	4.614.980.523.717	4.614.980.523.717
Gunvor Singapore Pte. Ltd.	-	-	2.146.259.652.741	2.146.259.652.741
Vietsea Company Pte. Ltd.	-	-	830.026.300.223	830.026.300.223
Các đối tượng khác	1.282.490.486.542	1.282.490.486.542	651.832.497.715	651.832.497.715
b. Phải trả người bán là các bên liên quan				
(Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	7.591.805.839.201	7.591.805.839.201	4.201.772.718.938	4.201.772.718.938
	14.616.088.750.645	14.616.088.750.645	14.835.754.454.021	14.835.754.454.021

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Phát triển Trường An	171.048.855.259	-
Công ty Cổ phần Anh Phát Petro	33.251.657.619	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tổng hợp Hoà Khánh	15.272.029.167	19.346.007.708
Tổng công ty Thương mại Xuất nhập khẩu Thanh Lễ - CTCP	14.087.418.501z	-
Công ty cổ phần Tập đoàn Dương Đông	6.822.110.776	4.710.428.122
Công ty TNHH Vận tải thủy bộ Hải Hà	-	7.458.546.106
Các khách hàng khác	6.279.761.635	6.404.632.048
	246.761.832.957	37.919.613.984

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chỉ tiêu	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.153.596.211	-	-	3.153.596.211
Thuế thu nhập cá nhân	278.829.044	50.946.603	-	227.882.441
Thuế nhà thầu	2.076.535.352	16.183.259.228	16.391.403.477	2.284.679.601
- Thuế GTGT nộp thay nhà thầu	2.076.535.352	16.183.259.228	16.183.259.228	2.076.535.352
- Thuế TNDN nộp thay nhà thầu	-	-	208.144.249	208.144.249
Tiền thuê đất	136.685.414	847.240.053	1.243.470.619	532.915.980
	5.645.646.021	17.081.445.884	17.634.874.096	6.199.074.233
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	619.059.931.275	9.690.780.999.704	9.684.238.244.950	625.602.686.029
- Thuế GTGT đầu ra	619.059.931.262	5.641.804.513.240	5.635.261.758.486	625.602.686.016
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	13	4.048.976.486.464	4.048.976.486.464	13
Thuế xuất, nhập khẩu	-	54.915.650.931	54.915.650.931	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	586.085.496.439	6.284.957.207.902	6.220.845.829.544	650.196.874.797
Thuế thu nhập doanh nghiệp	138.997.620.343	1.049.745.846.170	886.536.010.557	302.207.455.956
Thuế thu nhập cá nhân	12.718.068.729	114.146.367.289	117.312.748.270	9.551.687.748
Thuế nhà thầu	42.621.012	10.600.750.420	10.643.371.432	-
- Thuế TNDN nộp thay nhà thầu	42.621.012	10.600.750.420	10.643.371.432	-
Tiền thuê đất	-	572.567.430	32.195.862	540.371.568
Thuế bảo vệ môi trường	39.445.512.300	195.442.663.880	209.235.611.180	25.652.565.000
Các loại thuế khác	-	1.665.171.649	1.665.171.649	-
	1.396.349.250.098	17.402.827.225.375	17.185.424.834.375	1.613.751.641.098

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Lãi vay phải trả	450.398.215.529	387.064.322.774
Phải trả chi phí nhân hiệu	97.424.413.726	-
Phải trả chi phí, vật tư vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cố định	22.767.520.097	2.938.896.648
Phải trả chi phí vận chuyển	2.693.862.440	5.403.024.216
Phải trả về mua dầu thô	-	32.036.227.432
Phải trả khác	18.809.375.820	1.695.221.740
	592.093.387.612	429.137.692.810

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	14.867.494.879	12.879.181.499
Phải trả tiền bán cổ phần (i)	9.211.487.795	9.211.577.795
Cổ tức phải trả cho chủ sở hữu (ii)	7.995.956.115	-
Phải trả ngắn hạn khác	24.428.592.003	10.594.109.926
	56.503.530.792	32.684.869.220
Trong đó:		
Phải trả khác cho các bên liên quan	2.425.396.642	2.249.496.642
(chi tiết tại Thuyết minh số 35)		

(i) Phải trả tiền bán cổ phần phản ánh số tiền Công ty giữ lại tương ứng dự toán chi phí cổ phần hóa từ tiền thu được khi thực hiện chào bán cổ phần ra công chúng và khoản lãi tiền gửi ngân hàng từ ngày 02 tháng 02 năm 2018 đến ngày 09 tháng 02 năm 2018 (lãi tiền gửi trước khi tắt toán tài khoản phong tỏa). Khoản phải trả về cổ phần hóa này sẽ được quyết toán và có thể được điều chỉnh khi có phê duyệt cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền.

(ii) Phản ánh khoản cổ tức phải trả cho cổ đông không lưu ký theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 số 2676/NQ-BSR ngày 13 tháng 4 năm 2023.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn (i)	6.882.000.000.000	6.882.000.000.000	95.396.377.675.905	92.435.212.992.657	9.843.164.683.248	9.843.164.683.248
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	-	-	24.215.593.651.273	19.200.593.651.273	5.015.000.000.000	5.015.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	2.000.000.000.000	2.000.000.000.000	31.418.784.024.632	31.698.619.341.384	1.720.164.683.248	1.720.164.683.248
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hà Nội	2.910.000.000.000	2.910.000.000.000	29.800.000.000.000	31.310.000.000.000	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
Ngân hàng BNP Paribas - Chi nhánh Hà Nội	-	-	1.492.000.000.000	697.000.000.000	795.000.000.000	795.000.000.000
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH - Chi nhánh Hà Nội	700.000.000.000	700.000.000.000	6.640.000.000.000	6.670.000.000.000	670.000.000.000	670.000.000.000
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	1.250.000.000.000	1.250.000.000.000	243.000.000.000	1.250.000.000.000	243.000.000.000	243.000.000.000
Ngân hàng Citibank - Chi nhánh Hà Nội	-	-	1.570.000.000.000	1.570.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	22.000.000.000	22.000.000.000	17.000.000.000	39.000.000.000	-	-

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Nợ dài hạn đến hạn trả	2.072.405.974.915	974.698.760.000	29.462.547.800	974.698.760.000	1.127.169.762.715	-
Công ty Cổ phần Lạc hóa đầu Bình Sơn (ii)	974.698.760.000	974.698.760.000	-	974.698.760.000	-	-
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (iii)	1.097.707.214.915	(*)	29.462.547.800	-	1.127.169.762.715	(*)
	8.954.405.974.915	7.856.698.760.000	95.425.840.223.705	93.409.911.752.657	10.970.334.445.963	9.843.164.683.248

(i) Các khoản vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ các ngân hàng thương mại dưới hình thức tín dụng thư. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Đồng Việt Nam theo từng hạn mức tín dụng ký kết với các ngân hàng. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo và chịu lãi suất cố định theo từng lần nhận nợ. Trong năm 2023, các khoản vay ngắn hạn của Công ty chịu lãi suất vay từ 2,4%/năm đến 5,9%/năm. Các khoản vay này dùng để bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

(ii) Trong năm, Công ty đã tất toán hết khoản vay tín chấp bằng Đô la Mỹ (USD) tại Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi. Khoản vay này chịu lãi suất 3,6%/năm, dùng để đầu tư xây dựng Nhà máy Lọc dầu Dung Quất.

(iii) Chi tiết các khoản vay dài hạn đến hạn trả tại Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung theo ngân hàng như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Nợ dài hạn đến hạn trả VND	Giá trị VND	Nợ dài hạn đến hạn trả VND
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	543.688.607.403	543.688.607.403	528.561.058.941	528.561.058.941
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Quảng Ngãi	359.565.587.434	359.565.587.434	350.510.930.101	350.510.930.101
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Dung Quất	223.915.567.878	223.915.567.878	218.635.225.873	218.635.225.873
	1.127.169.762.715	1.127.169.762.715	1.097.707.214.915	1.097.707.214.915

Các khoản vay dài hạn này được dùng để đầu tư dự án Nhà máy Nhiên liệu Sinh học Bio-Ethanol Dung Quất. Lãi suất trong năm là từ 9,72%/năm đến 14,58%/năm (bao gồm cả lãi quá hạn) đối với đồng Việt Nam và từ 3,2%/năm đến 4,8%/năm đối với Đô la Mỹ.

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, số dư gốc vay đã quá hạn, chưa được thanh toán là 68.277.000.000 VND và 43.973.952 USD, tổng cộng tương đương khoảng 1.127,1 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 68.277.000.000 VND và 43.973.952 USD, tổng cộng tương đương khoảng 1.097,7 tỷ VND).

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các khoản vay dài hạn được phân loại theo đồng tiền vay, hình thức bảo đảm, và lãi suất vay như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay bằng USD	1.127.169.762.715	2.004.128.974.915
Vay bằng VND	-	68.277.000.000
	1.127.169.762.715	2.072.405.974.915

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay có đảm bảo bằng tài sản (Thuyết minh số 11)	1.127.169.762.715	1.097.707.214.915
Vay tín chấp	-	974.698.760.000
	1.127.169.762.715	2.072.405.974.915

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vay theo lãi suất thả nổi	1.127.169.762.715	1.097.707.214.915
Vay theo lãi suất cố định	-	974.698.760.000
	1.127.169.762.715	2.072.405.974.915

20. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Số dư đầu năm	1.271.726.600.532	1.338.485.323.433
Giảm trong năm	(398.177.168.609)	(66.758.722.901)
- Sử dụng quỹ	(35.877.168.609)	(66.758.722.901)
- Điều chỉnh quỹ (*)	(362.300.000.000)	-
Số dư cuối năm	873.549.431.923	1.271.726.600.532

(*) Trong năm, Công ty thực hiện điều chỉnh Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã được trích trong giai đoạn trước cổ phần hóa với số tiền là 362.300.000.000 VND theo Kết luận của Thanh tra Chính phủ số 1538/KL-TTCP ngày 07 tháng 7 năm 2023 về việc tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước thuộc Bộ Công Thương và đã nộp số tiền này về Tập đoàn Dầu khí Việt Nam.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư đầu năm trước	31.004.996.160.000	2.440.434.975	106.709.914	6.562.173.821.168	(5.912.133.946)	37.563.804.992.111
Lợi nhuận/(Lỗ) trong năm	-	-	-	14.725.833.852.993	(56.497.063.914)	14.669.336.789.079
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2021	-	-	-	(108.830.174.021)	(399.879.371)	(109.230.053.392)
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2022	-	-	-	(1.165.658.410)	(234.341.528)	(1.399.999.938)
Trích Quỹ Đầu tư Phát triển	-	5.596.320.305.105	-	(5.596.320.305.105)	-	-
Chia cổ tức năm 2021	-	-	-	(930.149.884.800)	(2.014.971.000)	(932.164.855.800)
Số dư đầu năm nay	31.004.996.160.000	5.598.760.740.080	106.709.914	14.651.541.651.825	(65.058.389.759)	51.190.346.872.060
Lợi nhuận/(Lỗ) trong năm	-	-	-	8.649.771.483.353	(57.192.511.342)	8.592.578.972.011
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi và Quỹ thưởng Ban Điều hành từ lợi nhuận sau thuế năm 2022 (*)	-	-	-	(336.194.361.790)	(529.144.333)	(336.723.506.123)
Tạm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2023	-	-	-	(1.248.919.726)	(251.080.274)	(1.500.000.000)
Trích Quỹ Đầu tư Phát triển (*)	-	4.450.872.238.509	-	(4.450.872.238.509)	-	-
Chia cổ tức năm 2022 (*)	-	-	-	(2.170.349.731.200)	(1.528.093.000)	(2.171.877.824.200)
Khác	-	(1.665.200.000)	-	(2.463.567.372)	-	(4.128.767.372)
Số dư cuối năm nay	31.004.996.160.000	10.047.967.778.589	106.709.914	16.340.184.316.581	(124.559.218.708)	57.268.695.746.376

(*) Phân phối lợi nhuận trong năm 2023 bao gồm:

- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 2676/NQ-BSR ngày 13 tháng 4 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông, Công ty thực hiện trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 330.828.300.000 VND; trích Quỹ thưởng ban điều hành: 2.734.000.000 VND; trích Quỹ Đầu tư phát triển: 4.450.872.238.509 VND và chia cổ tức bằng tiền tương ứng 7% vốn điều lệ với số tiền là 2.170.349.731.200 VND từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022.
- Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-PVBLD ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí ("PVBUILDING"), PVBUILDING thực hiện trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 4.239.165.970 VND (PVBUILDING đã tạm trích trong năm 2022 số tiền 1.400.000.000 VND nên trích bổ sung trong năm này là 2.839.165.970 VND), trích Quỹ thưởng Cán bộ quản lý: 322.040.153 VND, chia cổ tức bằng tiền: 9.129.109.964 VND từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022.

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 12 tháng 9 năm 2023, vốn điều lệ của Công ty là 31.004.996.160.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	28.563.802.470.000	92,13%	28.563.802.470.000	92,13%
Các cổ đông khác	2.441.193.690.000	7,87%	2.441.193.690.000	7,87%
	31.004.996.160.000	100%	31.004.996.160.000	100%

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.100.499.616	3.100.499.616
Cổ phiếu phổ thông	3.100.499.616	3.100.499.616
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.100.499.616	3.100.499.616
Cổ phiếu phổ thông	3.100.499.616	3.100.499.616
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	5.054.962,33	1.642.565,01
Euro (EUR)	1,56	1,56
Nợ khó đòi đã xử lý		
Xóa nợ phải thu khó đòi (VND)	504.814.246	504.814.246

23. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo bộ phận được lập cho mục đích quản trị doanh nghiệp. Hiện tại, Công ty có 02 công ty con. Hoạt động của Công ty mẹ và các công ty con là cơ sở để hình thành nên báo cáo bộ phận của Công ty do lĩnh vực kinh doanh tương đối khác nhau:

- Công ty mẹ: thực hiện hoạt động lọc hóa dầu và kinh doanh các sản phẩm lọc hóa dầu;
- Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí (PV Building): quản lý nhà ở, kinh doanh dịch vụ khu dân cư, khu đô thị và các hoạt động thương mại;
- Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (BSR-BF): thực hiện sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhiên liệu sinh học.

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chỉ tiêu	Sản phẩm lọc hóa dầu	Nhiên liệu sinh học	Sản xuất bao bì và thương mại dịch vụ	Loại trừ nội bộ	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	85.421.319.129.328	1.130.041.137.450	294.689.132.722	(251.388.405.090)	86.594.660.994.410
Tổng Tài sản hợp nhất	85.421.319.129.328	1.130.041.137.450	294.689.132.722	(251.388.405.090)	86.594.660.994.410
Nguồn vốn					
Nợ phải trả bộ phận	27.732.559.430.766	1.585.713.378.912	102.899.396.635	(95.206.958.279)	29.325.965.248.034
Vốn chủ sở hữu bộ phận	57.688.759.698.562	(455.672.241.462)	191.789.736.087	(156.181.446.811)	57.268.695.746.376
Tổng Nguồn vốn hợp nhất	85.421.319.129.328	1.130.041.137.450	294.689.132.722	(251.388.405.090)	86.594.660.994.410

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chỉ tiêu	Sản phẩm lọc hóa dầu	Nhiên liệu sinh học	Sản xuất bao bì và thương mại dịch vụ	Loại trừ nội bộ	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản					
Tài sản bộ phận	77.226.459.874.251	1.202.069.108.072	300.402.597.274	(241.002.517.747)	78.487.929.061.850
Tổng Tài sản hợp nhất	77.226.459.874.251	1.202.069.108.072	300.402.597.274	(241.002.517.747)	78.487.929.061.850
Nguồn vốn					
Nợ phải trả bộ phận	25.788.902.614.117	1.483.670.428.488	109.830.218.121	(84.821.070.936)	27.297.582.189.790
Vốn chủ sở hữu bộ phận	51.437.557.260.134	(281.601.320.416)	190.572.379.153	(156.181.446.811)	51.190.346.872.060
Tổng Nguồn vốn hợp nhất	77.226.459.874.251	1.202.069.108.072	300.402.597.274	(241.002.517.747)	78.487.929.061.850



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Chỉ tiêu	Sản phẩm lọc hóa dầu VND	Nhiên liệu sinh học VND	Sản xuất bao bì và thương mại dịch vụ VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng VND
Doanh thu thuần	147.381.684.099.848	3.528.942.281	727.301.689.547	(689.148.788.100)	147.423.365.943.576
Chi phí sản xuất kinh doanh	139.216.861.744.533	75.934.325.498	715.392.681.943	(688.752.407.819)	139.319.436.344.155
- Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	137.565.521.429.176	73.578.136.886	688.821.117.741	(664.082.764.844)	137.663.837.919.959
- Chi phí bán hàng	1.027.620.437.609	-	4.491.517.220	-	1.032.111.954.829
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	623.719.877.748	2.356.188.612	22.080.046.982	(24.669.642.975)	623.486.470.367
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	8.164.822.355.315	(72.405.383.217)	11.909.007.604	(396.380.281)	8.103.929.599.421
Doanh thu hoạt động tài chính					2.652.368.561.043
Chi phí tài chính					1.154.774.797.936
Lợi nhuận khác					37.811.659.713
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp					9.639.335.022.241
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					1.036.943.196.170
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					9.812.854.060
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					8.592.578.972.011

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Chỉ tiêu	Sản phẩm lọc hóa dầu VND	Nhiên liệu sinh học VND	Sản xuất bao bì và thương mại dịch vụ VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng VND
Doanh thu thuần	167.054.762.206.990	6.256.712.127	819.324.211.238	(756.630.344.331)	167.123.712.786.024
Chi phí sản xuất kinh doanh	152.321.189.388.915	78.135.065.487	808.725.823.800	(756.999.711.043)	152.451.050.567.159
- Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	150.890.770.221.298	76.308.271.769	786.290.808.977	(726.061.904.624)	151.027.307.397.420
- Chi phí bán hàng	914.030.757.052	-	4.266.354.163	(9.316.379.798)	908.980.731.417
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	516.388.410.565	1.826.793.718	18.168.660.660	(21.621.426.621)	514.762.438.322
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	14.733.572.818.075	(71.878.353.360)	10.598.387.438	369.366.712	14.672.662.218.865
Doanh thu hoạt động tài chính					1.750.275.299.515
Chi phí tài chính					923.195.487.108
Lợi nhuận khác					86.066.115.846
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp					15.585.808.147.118
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					890.394.134.163
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					26.077.223.876
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					14.669.336.789.079

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HH

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con đều được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam, do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu Diesel DO	57.735.683.572.524	66.717.251.601.041
Doanh thu Xăng Mogas 95	42.238.606.440.458	47.523.202.071.794
Doanh thu Xăng Mogas 92	19.899.692.819.647	24.088.284.208.856
Doanh thu Jet A1	10.572.138.762.814	10.854.804.732.706
Doanh thu LPG	7.450.804.640.137	9.292.539.523.199
Doanh thu Polypropylene	4.039.833.267.602	4.360.464.540.763
Doanh thu Dầu nhiên liệu FO	1.893.059.210.866	2.419.150.646.293
Doanh thu Diesel DO L-62	907.295.061.260	268.932.939.600
Doanh thu Jet A-1K	904.665.488.438	348.599.031.343
Doanh thu Xăng sinh học E5	557.255.498.561	670.356.909.418
Doanh thu Dầu hỏa (KO)	476.777.416.988	168.854.272.226
Doanh thu Xăng Mogas 83	265.468.420.173	218.559.681.175
Doanh thu RFCC Naphtha	257.044.184.144	-
Doanh thu dịch vụ cảng biển	144.611.011.133	135.457.079.915
Doanh thu khác	80.430.148.831	59.999.569.324
	147.423.365.943.576	167.126.456.807.653
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	-	2.744.021.629
	-	2.744.021.629
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	147.423.365.943.576	167.123.712.786.024
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 35)	33.766.632.623.221	35.646.059.613.691

25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn hàng bán Diesel DO	50.865.267.262.375	57.327.901.938.071
Giá vốn hàng bán Xăng Mogas 95	40.623.200.028.808	44.279.416.713.576
Giá vốn hàng bán Xăng Mogas 92	19.421.790.838.487	22.482.588.147.171
Giá vốn hàng bán Jet A1	8.596.973.043.840	9.281.053.753.077
Giá vốn hàng bán LPG	7.980.490.963.947	8.641.681.830.038
Giá vốn hàng bán Polypropylene	5.258.837.202.589	5.397.450.290.916
Giá vốn hàng bán Dầu nhiên liệu FO	1.703.889.304.362	1.754.524.284.027
Giá vốn hàng bán Diesel DO L-62	754.622.493.593	243.092.814.909
Giá vốn hàng bán Jet A-1K	726.631.871.122	308.594.631.802
Giá vốn hàng bán Xăng sinh học E5	546.556.189.416	628.442.267.269
Giá vốn hàng bán Dầu hỏa (KO)	382.868.831.575	143.222.299.797
Giá vốn hàng bán xăng Mogas 83	248.225.056.809	245.138.653.856
Giá vốn hàng bán RFCC Naphtha	237.419.425.296	-
Giá vốn dịch vụ cảng biển	47.563.718.646	48.364.831.059
Chi phí trong thời gian dừng sản xuất Nhà máy nhiên liệu sinh học (Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	73.267.131.088 (21.170.094.701)	75.615.620.626 126.563.725.184
Giá vốn khác	217.404.651.707	43.655.596.042
	137.663.837.918.959	151.027.307.397.420

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	139.744.006.167.525	153.398.036.548.269
Chi phí công cụ, dụng cụ	20.267.768.856	12.628.452.528
Chi phí nhân công	1.078.462.936.655	1.206.347.872.792
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.269.535.008.488	2.257.922.390.183
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.734.111.464.517	1.722.241.291.947
Chi phí khác bằng tiền	585.147.953.197	355.535.669.725
	145.431.531.299.238	158.952.712.225.444

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HH

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.599.395.062.506	907.170.573.382
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.052.413.498.537	843.104.726.133
Cổ tức được chia	560.000.000	-
	2.652.368.561.043	1.750.275.299.515

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	287.654.759.616	252.789.589.546
Lỗ chênh lệch tỷ giá	853.032.189.353	576.850.536.375
Chiết khấu thanh toán cho người mua	6.959.456.060	3.632.634.013
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	206.555.700	21.829.498
Chi phí tài chính khác	6.921.837.207	89.900.897.676
	1.154.774.797.936	923.195.487.108

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm	1.032.111.954.829	908.980.731.417
Chi phí nhân viên bán hàng	80.315.826.789	79.802.676.449
Chi phí khấu hao tài sản cố định	147.794.997.505	147.736.383.372
Chi phí vận chuyển, bảo hiểm bán sản phẩm	372.843.352.213	366.673.684.302
Chi phí dịch vụ mua ngoài	174.143.054.291	241.493.629.017
Chi phí khác bằng tiền	257.014.724.031	73.274.358.277
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	623.486.470.367	514.762.438.322
Chi phí nhân viên quản lý	212.917.228.940	245.627.832.864
Chi phí vật liệu quản lý	1.273.288.468	1.301.228.240
Chi phí đồ dùng văn phòng	6.894.710.195	4.800.572.813
Chi phí khấu hao tài sản cố định	70.893.581.527	28.895.057.337
Chi phí dịch vụ mua ngoài	129.638.474.794	107.196.559.841
Chi phí khác bằng tiền	201.869.186.443	126.941.187.227
	1.655.598.425.196	1.423.743.169.739

30. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chênh lệch thừa do kiểm kê kho thành phẩm	26.285.772.184	63.644.905.674
Thu nhập từ được thưởng, bồi thường, phạt hợp đồng	11.715.649.955	12.863.967.141
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản	1.234.080.899	-
Thu nhập khác	1.001.722.710	10.509.106.590
	40.237.225.748	87.017.979.405

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn	1.035.572.057.866	888.185.147.639
Công ty Cổ phần Nhà và Thương mại Dầu khí	1.371.138.304	2.208.986.524
	1.036.943.196.170	890.394.134.163

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại đối với các khoản lỗ lũy kế từ hoạt động sản xuất kinh doanh của BSR-BF do không chắc chắn về khả năng có lợi nhuận trong các năm tiếp theo để bù đắp các khoản lỗ này.

32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÃN LẠI

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	9.812.854.060	26.077.223.876
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	9.812.854.060	26.077.223.876



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu chi tiết như sau:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	8.649.771.483.353	14.725.833.852.993
Trừ: Số tiền trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	1.248.919.726	337.360.020.200
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	8.648.522.563.627	14.388.473.832.793
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	3.100.499.616	3.100.499.616
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.789	4.641

Tại ngày báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận có thể được phân bổ vào Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 do Đại hội đồng Cổ đông Công ty chưa quyết định tỷ lệ trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm 2023. Theo đó, chỉ tiêu "Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông" có thể được điều chỉnh giảm, dẫn đến việc "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" giảm tương ứng.

Trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước

Trong năm, Đại hội đồng Cổ đông Công ty đã quyết định trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước được trình bày lại như sau:

	Năm trước	
	Số trình bày lại	Số đã báo cáo
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (VND)	14.725.833.852.993	14.725.833.852.993
Trích quỹ Khen thưởng, Phúc lợi từ lợi nhuận của công ty mẹ và các công ty con (VND)	337.360.020.200	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	14.388.473.832.793	14.725.833.852.993
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	3.100.499.616	3.100.499.616
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	4.641	4.750

34. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết tiêu thụ sản phẩm của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất

Theo điều khoản của các Hợp đồng tiêu thụ sản phẩm của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất ký giữa Công ty (bên A) và các đầu mối (bên B) như Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVOil), Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (Petrolimex), Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PVGas) v.v., trong năm 2023, bên A cung cấp cho bên B các sản phẩm xăng dầu của Nhà máy Lọc dầu Dung Quất với giá bán theo điều kiện FOB/Đường ống/FCA Dung Quất, LPG theo điều kiện CIF/Đường ống xác định trên cơ sở giá tham chiếu quốc tế cộng thêm phụ phí thị trường và các khoản thuế nộp vào Ngân sách Nhà nước (nếu có) đảm bảo cạnh tranh với thị trường.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Chủ sở hữu
Các Công ty trong cùng Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan sau đây:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	33.766.632.623.221	35.646.059.613.691
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	27.687.238.624.565	28.004.912.795.994
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	4.865.000.969.895	5.894.143.710.815
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	751.934.164.855	963.293.505.035
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	285.874.455.226	472.256.949.915
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	85.327.574.480	224.383.470.171
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	82.932.822.006	84.469.277.267
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	6.745.886.740	2.495.215.235
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	1.517.040.000	-
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	61.085.454	-
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	104.689.259
Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp	64.055.328.267.262	74.770.350.621.890
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP (*)	45.657.222.212.665	53.860.714.663.311
Công ty TNHH Một thành viên Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước - Lô 05.1a	5.164.767.728.332	7.019.547.517.160
PVOil Singapore Pte. Ltd.	3.901.928.168.198	7.767.728.298.055
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (Lô 05-2 & Lô 05-3)	3.707.412.151.101	-
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01 & 02 - Điều hành Dầu khí)	2.063.929.437.477	2.577.861.190.730
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	1.499.381.678.641	1.385.996.334.259
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	378.121.877.095	365.572.793.555
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	337.189.527.713	335.657.796.520
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	326.592.091.157	267.642.231.442
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước - Mỏ Sông Đốc	181.177.105.291	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	254.638.403.451	70.163.075.940



Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	130.459.144.517	127.973.217.086
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01/97 & 02/97)	108.818.281.096	241.053.972.288
Công ty TNHH Lọc hóa Dầu Nghi Sơn	102.231.458.287	438.593.204.280
Tổng Công ty Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình Dầu khí - CTCP	70.298.321.284	114.314.635.301
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	62.483.205.385	63.825.928.134
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	57.907.695.845	62.709.495.330
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	16.057.898.519	4.308.708.714
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PVOIL Miền Trung	11.308.508.445	14.426.434.004
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD	7.831.638.000	1.754.473.508
Viện Dầu khí Việt Nam	4.597.018.138	1.685.999.090
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	3.946.869.656	6.325.771.621
Công ty TNHH PVChem - Tech	2.224.250.000	36.484.465.000
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	2.208.970.000	2.312.047.889
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	1.612.320.000	2.075.554.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	492.000.000	492.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	208.181.818	-
Trường Cao đẳng Dầu khí	185.000.000	594.800.000
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	60.000.000	196.000.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	37.125.151	170.014.673
Liên doanh Việt Nga - Vietsovpetro	-	170.000.000
Nộp lợi nhuận		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	362.300.000.000	417.747.535.419
Chia cổ tức		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.999.466.172.900	856.914.074.100

(*) Mua hàng từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP bao gồm:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá trị hàng hóa và dịch vụ	82.139.043.380	80.903.209.838
Giá trị đầu thô mua ủy thác	45.563.003.240.558	53.749.912.493.842
Các khoản ủy thác khác	12.079.928.727	29.898.959.631
	45.657.222.212.665	53.860.714.663.311

Thù lao, thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cấp quản lý khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Hội đồng Quản trị		
Ông Nguyễn Văn Hội	2.134.511.000	2.065.765.000
Ông Bùi Ngọc Dương	2.106.341.000	2.053.725.000
Ông Khương Lê Thành	1.912.679.300	1.881.637.400
Ông Hà Đống	1.882.501.000	1.824.977.000
Ông Hạng Anh Minh	1.351.111.000	-
Ông Nguyễn Bá Phước	609.990.000	1.831.207.000
Ông Nguyễn Hải Âu	602.590.000	1.826.577.000
Ban Tổng Giám đốc		
Ông Bùi Ngọc Dương	(*)	(*)
Ông Nguyễn Việt Thắng	1.838.146.000	1.789.046.000
Ông Nghiêm Đức Dương	1.834.951.000	1.781.695.000
Ông Mai Tuấn Đạt	1.852.794.000	920.882.000
Ông Phạm Minh Nghĩa	1.842.701.000	900.946.000
Ông Trần Đoàn Thịnh	1.118.742.400	1.789.772.200
Ông Nguyễn Ngọc Anh	1.064.400.000	1.781.656.000
Ông Trần Thái Bảo	854.912.200	-

(*) Trình bày tại phần thù lao, thu nhập của Hội đồng Quản trị bên trên do có sự kiêm nhiệm về chức vụ

	Năm nay VND	Năm trước (trình bày lại) VND
Ban Kiểm soát		
Ông Hoàng Đình Nhật	1.844.679.300	1.264.801.599
Ông Hoàng Ngọc Xuân	1.541.678.000	1.495.297.000
Bà Vũ Lan Phương	294.400.000	194.300.000
Ông Phạm Ngọc Quý	-	532.706.000
Ông Vũ Lê Huy	-	84.700.000
Kế toán trưởng		
Ông Bạch Đức Long	1.787.311.000	1.727.565.000

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HH

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4.679.693.458.726	5.282.015.738.424
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	3.821.535.268.385	4.428.096.708.696
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh Sản phẩm khí	685.723.358.711	645.017.043.429
Công ty Cổ phần Kinh doanh Khí Miền Nam	115.773.578.056	111.855.181.545
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	42.714.438.129	60.072.966.993
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Quảng Ngãi	12.221.218.245	8.654.934.540
Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn	1.638.403.200	-
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	67.194.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	20.000.000	1.096.458.700
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu khí Cà Mau	-	113.064.400
Công ty Cổ phần Kinh doanh LPG Việt Nam	-	27.109.380.121
Phải trả nhà cung cấp	7.591.805.839.201	4.201.772.718.938
PVOil Singapore Pte. Ltd.	4.285.348.533.695	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP	2.371.459.701.101	3.098.903.526.258
Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (Lô 05-2 & Lô 05-3)	407.833.843.448	459.274.781.589
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	244.896.330.944	250.857.407.807
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	95.655.670.925	59.419.108.884
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	48.526.862.481	68.110.419.047
Tổng Công ty Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình Dầu khí - CTCP	43.014.221.104	49.135.837.167
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	30.617.313.766	50.679.825.166
Công ty Cổ phần Vận tải Nhật Việt	17.153.397.105	27.476.077.514
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	10.735.504.925	16.681.721.140
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01/97 & 02/97)	8.473.696.273	17.607.380.190
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD	6.440.677.610	422.616.720
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	4.480.897.901	4.480.897.901
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	4.317.050.520	4.352.530.950
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 01 & 02)	3.164.419.108	6.583.950.200
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí PV OIL Miền Trung	2.172.183.100	2.255.356.410
Viện Dầu khí Việt Nam	1.938.686.994	647.302.909
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	1.810.462.354	662.801.126

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	1.268.780.000	340.000.000
Chi nhánh Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng	1.188.645.847	3.280.566.904
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đồng Dương	777.600.000	394.621.200
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Hà Nội	531.360.000	531.360.000
Công ty TNHH NN MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (Lô 05.1a)	-	75.070.109.256
Công ty TNHH PVChem - Tech	-	4.065.720.600
Công ty Cổ phần Hóa dầu và Xơ sợi Việt Nam	-	200.000.000
Công ty Cổ phần Đào tạo Kỹ thuật PVD	-	196.000.000
Trường Cao đẳng Dầu khí	-	142.800.000
Trả trước nhà cung cấp	267.110.577.268	104.056.900.330
Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC	173.046.421.779	70.982.298.458
Tổng Công ty Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình Dầu khí - CTCP	56.778.285.737	5.648.758.754
Công ty Cổ phần Bảo dưỡng và Sửa chữa Công trình Dầu khí	11.548.227.101	6.951.334.055
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	9.226.541.390	6.808.912.347
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ Dầu khí - CTCP	7.476.669.830	11.216.727.452
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Kỹ thuật Khoan Dầu khí PVD	3.934.474.170	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần	3.627.981.106	378.885.045
Viện Dầu khí Việt Nam	1.303.140.993	694.999.833
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	89.100.000	89.100.000
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	79.735.162	79.735.162
Tổng Công ty Bảo hiểm PVI	-	754.000.000
Công ty TNHH PVChem - Tech	-	292.604.400
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	159.544.824
Phải thu khác	25.511.576.615	3.037.571.983
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	21.698.429.270	1.118.996.642
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ngãi	2.985.301.346	1.918.575.341
Tổng công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	827.845.999	-
Phải trả khác	2.425.396.642	2.249.496.642
Ban Quản lý Dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	1.118.996.642	1.118.996.642
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP - Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí	500.000.000	500.000.000

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HH

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty cổ phần kinh doanh LPG Việt Nam	500.000.000	500.000.000
Tổng Công ty Bảo dưỡng Sửa chữa Công trình Dầu khí - CTCP	160.000.000	85.000.000
Tổng Công ty Hóa chất và Dịch vụ dầu khí - CTCP	88.000.000	30.000.000
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	46.000.000	15.500.000
Trường Cao đẳng Dầu khí	9.000.000	-
Trường Đại học Dầu khí Việt Nam	3.400.000	-

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 29.836.190.106 VND (năm 2022: 18.612.841.912 VND). là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Lê Thị Hồng Trâm
Người lập biểu

Bạch Đức Long
Kế toán trưởng



Bùi Ngọc Dương
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 3 năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN LỘC HÓA DẦU BÌNH SƠN

Số 208 Đại lộ Hùng Vương, P. Trần Phú, TP. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

0255 3825 825 | www.bsr.com.vn

